

TƯƠNG QUAN XIÊM - VIỆT

CUỐI THẾ KỶ XVIII

Nguyễn Duy Chính

sugia.vn xin chân thành cảm ơn anh Nguyễn Duy Chính
đã cung cấp các bài viết giá trị này"

I. MỞ ĐẦU

Nghiên cứu về tình hình nước ta vào cuối thế kỷ XVIII, các sử gia đặc biệt nhấn mạnh vào thế tranh hùng giữa anh em nhà Tây Sơn và hai thế lực: họ Trịnh ở Đàng Ngoài, họ Nguyễn ở Đàng Trong. Việc Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc phù Lê diệt Trịnh rồi sau đó giao tranh với quân Thanh trong một trận chiến khốc liệt đã là đề tài được khai thác rất nhiều. Tuy chúa Trịnh và triều đình vua Lê ở Bắc Hà đã có một quá trình qui mô tương như một cơ cấu bền vững thì việc thanh toán lại xem ra dễ dàng, chủ yếu vì những người chống lại Tây Sơn chỉ dựa vào sức mình là chính, không có những điều kiện để liên minh với bên ngoài nên chỉ tập trung thành những nhóm thổ hào và dần dần bị bẻ gãy như những chiếc đũa rời. Sau khi Lê Duy Kỳ bị nhà Thanh bỏ rơi, dư đảng nhà Lê không bao lâu đều bị đánh tan.

Ngược lại ở trong Nam anh em Nguyễn Nhạc tiêu diệt được cơ đồ chúa Nguyễn khá nhanh chóng, tưởng như chỉ cất tay là sẽ hoàn toàn thắng lợi thì tàn dư của họ vẫn tồn tại để rồi gần 20 năm sau đánh bại triều đình Tây Sơn, thu hồi giang sơn từ Nam chí Bắc. Nguyễn Ánh, người sót lại sau cùng của giòng chúa đất Nam Hà đã phải bôn tẩu trong những điều kiện hết sức ngặt nghèo và chỗ dựa chính của ông là Xiêm La, vừa là nơi ẩn náu khi không còn đất sống, lại là chỗ mượn sức để tìm đường trở về. Có thể nói nếu không có sự giúp đỡ của triều đình Xiêm La, chúa Nguyễn không thể nào thành công được và tương quan Xiêm – Việt trong thời gian cuối thế kỷ thứ 18 chủ yếu là tình hữu nghị giữa vua Xiêm Rama I – với chúa Nguyễn Ánh – cũng là vì vua sáng nghiệp của triều Nguyễn mà chúng ta thường gọi là vua Gia Long.

Sử nước ta tuy chép khá nhiều chi tiết về việc chạy qua, chạy lại của chúa Nguyễn nhưng gần như hoàn toàn không đề cập gì đến tương quan giữa hai bên trong thế dựa vào nhau, có khi chung một mục tiêu nhưng cũng có lúc tranh chấp quyền lợi. Để đánh đổi lấy sự trợ giúp, chúa Nguyễn phải bằng lòng thần phục triều đình Bangkok như một nước chư hầu, dù ông chỉ coi họ như một đồng minh giai đoạn. Đến khi chúa Nguyễn lên ngôi hoàng đế và sau khi vua Rama I từ trần, ông mới thực sự tỏ thái độ bình đẳng, đứng ngang hàng với Xiêm La. Tương quan giữa hai bên không thể giải thích một cách minh bạch nếu chúng ta không đặt trong quan niệm chung về vương triều và tổ chức của vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên, vì đã quen với một số khuôn mẫu nhất định nhập cảng từ Trung Hoa, việc thừa nhận những liên hệ đó không mấy ai đặt ra hoặc chỉ lên án như một thái độ cầu viện nước ngoài, rước voi về dày mả tổ.

Bài nghiên cứu này nhấn mạnh vào tương quan khu vực và người viết cố gắng giải thích lại một số biến cố khi đối chiếu với lịch sử của Thái Lan, của Ai Lao, của Cao Miên ngõ hầu chúng ta có thể hiểu được sử Việt Nam một cách rộng rãi hơn. Một trở ngại là chúng tôi chưa thể tra cứu và tìm hiểu cho chu đáo để có thể phiên dịch những tên người, tên đất ... từ tiếng Thái sang tiếng Việt. Nếu độc giả nào am tường các chi tiết nêu trên, chúng tôi mong được chỉ giáo để biên khảo này thêm hoàn bị. Người viết xin chân thành cảm ơn trước.

II. TỔNG QUÁT VỀ KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Bị ảnh hưởng văn hoá của Trung Hoa quá nặng nề nên phần lớn chúng ta hay đem tiêu chuẩn và mô hình của phương Bắc để giải thích và định lượng những giá trị của phương Nam. Mặc dù không nơi nào có một văn minh hoàn toàn độc lập mà ít nhiều ảnh hưởng hỗ tương, suy luận máy móc đó chỉ đúng một phần.

Tương quan vũ trụ và con người của các dân tộc Đông Nam Á rất gần với khái niệm “*thiên nhân tương dĩ*” của Trung Hoa khi cho rằng các tinh tú và thiên thể có liên quan trực tiếp đến sự thịnh vượng và an lạc của nhân loại nên kết cấu và sinh hoạt xã hội của con người ở trần gian phải phù hợp với vận hành của trời đất. Một vương quốc vì thế phải làm sao càng gần với hình ảnh của vũ trụ càng tốt.

Quan niệm này phát xuất từ vùng Cận Đông (Near East) và được áp dụng ở Babylonia từ thiên niên kỷ thứ ba trước Tây Lịch nhưng gốc tích có thể có hàng nghìn năm trước nữa. Từ đây, ý niệm đó truyền sang Ấn Độ và rồi lan tới Trung Hoa, đồng thời một nhánh khác đi từ Ấn Độ xuống Đông Nam Á.¹

1. Quốc gia và vũ trụ

Những nhà nghiên cứu từ lâu đã nhận ra rằng việc tổ chức triều đình của các dân tộc Đông Nam Á tương hợp với quan niệm của họ về vũ trụ. Theo triết học Ấn Độ thì thế giới bao gồm một đại lục ở giữa hình tròn tên là Jambudvipa, bao quanh là bảy đại dương và bảy lục địa. Xa hơn nữa là những dãy núi cao.²

Ngay chính giữa đại lục Jambudvipa là một ngọn núi cao tên là Meru³ có mặt trời, mặt trăng và các tinh tú xoay quanh. Đỉnh ngọn Meru là nơi các thần linh ngự trị có 8 vị Lokapalas trấn giữ chung quanh. Quan niệm này ảnh hưởng đến Phật giáo rất nhiều và chúng ta cũng đọc được những truyền kỳ tương tự trong các kinh điển đạo Phật mặc dầu chi tiết có khác đôi chút. Nói chung, quan niệm vũ trụ của Nam Á là những vòng tròn đồng tâm mà chính giữa là ngọn núi Meru.

Từ ý niệm nguyên thủy đó, những dân tộc chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ đều coi việc xây dựng kinh đô là công tác tối quan trọng, không phải chỉ là một trung tâm văn hoá và chính trị mà còn là một linh địa qui tụ mọi tú khí của quốc gia. Việc chọn một khu vực làm đế kinh luôn luôn gắn liền với những huyền thoại siêu nhiên để tăng gia mức quan trọng của nó mặc dầu không thể không kèm theo những thuận lợi khác về phòng ngự cũng như về kinh tế.

Cũng tương tự như quan niệm của Trung Hoa, nhà vua tượng trưng cho vì sao Bắc Đẩu để các tinh tú châu vào, chung quanh kinh đô cũng có các thị trấn quan trọng do những cận thần hay người trong hoàng gia cai quản. Kinh đô thường bao quanh một vùng đất cao tượng trưng cho núi Meru. Kinh đô Angkor của Cambodia chẳng hạn, là một thành trì hình vuông, mỗi chiều hai dặm rưỡi, chính giữa là Phnom Bakheng, một ngọn núi nhỏ.

Việc tổ chức triều đình cũng dựa trên khuôn mẫu tương tự. Vua Miến Điện có bốn chính hậu (principal queens) và bốn thứ phi (secondary rank). Bốn chính cung được đặt tên là Bắc Cung Hoàng Hậu, Nam Cung Hoàng Hậu, Đông Cung Hoàng Hậu, Tây Cung Hoàng Hậu tượng

trưng cho bốn phương chính còn bốn thứ phi được đặt tên theo bốn phương bàng⁴. Nhiều tài liệu cho thấy vào thời xưa, cung điện của các hậu phi được bố trí chung quanh cung vua theo các hướng. Triều đình cũng có bốn đại thần tượng trưng cho tứ thiên vương trong giáo lý Phật giáo. Mô hình này hiện hữu tại Xiêm La, Chân Lạp, Java. Ở Chân Lạp, bốn đại thần được mệnh danh là “*tứ trụ*” và theo truyền thống, những viên quan đó không phải chỉ nắm giữ trọng quyền mà còn có nhiệm vụ bảo vệ bốn phương chính.⁵

Tại khu vực Bắc Thái và Ai Lao hiện nay, các tiểu quốc được gọi là các muang (mường), chúa tể các mường gọi là chao (chậu), thường được dịch ra tiếng Hán Việt là chiêu. Những tiểu quốc đó thần phục một quốc gia lớn như những cánh hoa nên được đặt tên là *mandala*⁶ và có nghĩa vụ thần phục nhưng cũng được bảo vệ một khi bị xâm lấn. Theo O. W. Wolters thì:

... Mandala tượng trưng cho một tình trạng chính trị đặc biệt và thường không cố định về một khu vực địa lý không có ranh giới rõ rệt mà các trung tâm nhỏ có khuynh hướng tìm an toàn từ mọi hướng... Mỗi trung tâm lại có nhiều lãnh địa phụ thuộc và khi có cơ hội thì những lãnh địa này cũng tách ra để nổi lên thiết lập một hệ thống thuộc địa cho chính mình.⁷

Tương quan giữa nhị hoa (trung ương) và cánh hoa (địa phương) đó cũng gần giống như hình thức thiên triều và phiên thuộc của Trung Hoa nhưng linh động hơn và hai bên có những giao kết để tuân thủ những nghĩa vụ, chế tài và liên minh (obligations, sanctions, and allegiance).

Ràng buộc chặt chẽ nhất của hai bên là nghi lễ thần phục (ritual of submission), tương tự như cầu phong và triều cống mà Trung Hoa đòi hỏi các tiểu quốc ở chung quanh phải thi hành. Riêng ở Xiêm La, những nước chịu nhận họ làm thượng quốc thì hàng năm phải cho người đem sang một cây vàng bạc (gold and silver tree) kèm theo sản vật, tiền bạc, món quý giá ... để biểu lộ sự trung thành. Ngược lại vua Xiêm cũng tặng lại những vật phẩm khác thường là có giá trị hơn những gì các tiểu quốc triều cống họ.

Chế tài là quyền “*trừng phạt*” một khi hạ quốc không làm tròn những nghĩa vụ đối với thượng quốc. Một người soán ngôi vua thường không được công nhận và có thể còn bị đem quân chinh phạt. Cho nên việc phong tước cũng là một cách để ràng buộc các nước nhỏ trung thành với nước lớn.

Quan trọng hơn hết trong tương quan nước lớn nước nhỏ là mỗi khi có việc binh đao, nếu được yêu cầu, nước lệ thuộc phải gửi quân đội, tàu bè, khí giới đến giúp nước lớn đánh trận. Ngược lại nước lớn cũng có nhiệm vụ bảo vệ nước nhỏ khi bị xâm lăng và hoặc trực tiếp gửi quân đội, khí giới đến giúp, hoặc điều động các tiểu quốc khác đem quân hỗ trợ.

Chính từ những giao ước về các nghĩa vụ và quyền lợi song phương, chúng ta có thể có những nhận định minh bạch hơn về liên hệ giữa Việt Nam và Xiêm La trong một bố cục chung của cả vùng. Những liên hệ đó thay đổi liên tục nên lắm khi chúng ta không thấy có những ranh giới rõ rệt để xem xét vấn đề cho chính xác.

2. Chân mệnh đế vương

Từ quan niệm về tổ chức theo khuôn mẫu của vũ trụ, những quốc gia lớn tự đặt vào vị trí trung tâm một *mandala*. Trung tâm đó không phải chỉ là một vị trí chính trị mà cũng thường đóng vai một trọng điểm kinh tế. Trong nền kinh tế nông nghiệp, các vua chúa khi thấy đất đai ở kinh đô đã kém màu mỡ, vấn đề buôn bán qua lại kém sâu uất (mà họ cho rằng đã hết vượng khí) thường đi tìm một kinh đô mới tốt đẹp hơn. Những vùng đất mới đó thường là ở các cửa sông đổ ra biển, tàu bè ghé lại dễ dàng, đất tân bồi phì nhiêu hơn vì người ta cho rằng bao nhiêu linh khí của thượng nguồn sẽ đổ xuống hạ lưu và các tiểu quốc ở vùng núi cao phải thần phục.

... Các lãnh chúa dần dần hạn chế bớt quyền lực của các vùng cao nguyên và tạo ảnh hưởng bằng cách kiểm soát các khu vực hạ nguồn hay vùng đồng bằng trồng lúa đất đai màu mỡ. Bản đồ các con sông tự nhiên trở thành một biểu kế đo lường quyền thống trị. Giới sử gia đã tìm thấy sự tương quan rõ rệt giữa việc kiểm soát các con sông và hệ thống sông dào với sự gia tăng chuyên chế tại Đông Nam Á.⁸

Nắm được khu vực huyết mạch này có thể coi như một ân sủng đặc biệt mà nhiều khi người ta lẫn lộn giữa giả và thật. Vua chúa thường xưng là Phật vương (cũng như văn hoá Trung Hoa coi vua là con của trời – thiên tử) và được củng cố khi có những điềm lành [chẳng hạn như săn bắt được voi trắng]. Chính sử Xiêm La, Miến Điện thường ghi chép rất kỹ về những biến cố đặc biệt này. Để đánh dấu mỗi triều đại, nhiều đền đài dinh thự được xây cất bằng nhân công⁹ từ các tiểu quốc đến phục dịch và khi xảy ra chiến tranh, những công nhân này cũng được điều động tham gia quân đội.

Trong những nghi lễ chính của một triều đại, việc lên ngôi được đặc biệt chú trọng. Nghi lễ này luôn luôn được cử hành trên một vùng đất cao với một ngai vàng cho nhà vua tượng trưng núi Meru, chung quanh là 8 tu sĩ tượng trưng cho 8 thiên vương¹⁰. Nhiều dân tộc còn tin rằng nhà vua chính là thần Siva hay thần Vishnu giáng trần. Những chi tiết này được tìm thấy trong nhiều kinh văn khắc trên đá của người Chăm, người Java, người Chân Lạp. Ngôi đền nổi tiếng Angkor Wat do vua Suryavarman II của Cambodge dựng nên hồi thế kỷ 12 là để kỷ niệm thần Vishnu mà ông cho rằng đã hiện thân. Việc thần thánh hoá các vị vua cũng có thể là một phương cách để hợp thức hoá những quá khứ không lấy gì làm minh bạch tương tự như kiểu người Trung Hoa cho rằng ngôi vua về tay những người có chân mệnh đế vương, chân long thiên tử.

Trong lịch sử các quốc gia Đông Nam Á, việc tạo nên những huyền thoại để củng cố uy tín và xác định sự chính thống của một triều đại là điều rất phổ biến. Những cuộc nổi dậy để giành chính quyền luôn luôn được yểm trợ bởi các dật sự ly kỳ, sấm vĩ, đồng dao ...

3. Ranh giới linh đông

Một đặc điểm đã được nhiều nhà nghiên cứu nêu lên là sự bất minh về ranh giới giữa các quốc gia được mệnh danh là vùng ảnh hưởng (sphere of influence), co dãn và thay đổi liên tục tùy theo tình hình chính trị, kinh tế.

Người Tây phương cho rằng lãnh thổ của một quốc gia kéo dài đến biên giới của nước láng giềng thì ở Đông Nam Á lại luôn luôn có một “khoảng trống” giữa hai bên, vùng đất này không thuộc một quốc gia nào cả và nhiều khi đóng vai một trái độn. Nếu người

Tây phương dựng lên một bức tường vô hình và canh chừng để không ai có thể vi phạm thì biên giới các xứ ở Đông Nam Á lại "xốp" không ngăn cấm dân chúng qua lại.¹¹

Ảnh hưởng của trung ương có mức độ khác nhau, có những vùng hoàn toàn dưới quyền kiểm soát, kể cả thừa kế hay lãnh thổ (cho thêm hoặc rút bớt) nhưng cũng có những nơi xa xôi hơn, thần phục chỉ là danh nghĩa qua một số cống phẩm hay triều kiến. Những khu vực đó thường được ghi lại dưới cái tên khu tự trị (autonomous regions), chẳng hạn vùng Bắc Lào bao gồm một vùng đất rộng bao phủ cả một phần bắc Việt Nam ngày nay.

Cũng như trong thời kỳ phong kiến ở Âu Châu, một vương quốc Đông Nam Á là những vùng ảnh hưởng không rõ rệt, bao gồm lãnh thổ riêng của nhà vua mà ông ta hoàn toàn kiểm soát được, ra xa hơn nữa là những vùng phải triều cống được áp đặt bằng nhiều mức độ quyền hành. Bên ngoài nữa là những khu vực có vương quyền riêng mặc dù không hoàn toàn tự trị. Những vùng đó bị lệ thuộc vào một hay nhiều vương quốc, bắt buộc phải tiến cống và không được làm điều gì ngược lại với quyền lợi của thượng quốc.¹²

Những quan niệm chặt chẽ về biên cương hành chánh, trước đây là của Trung Hoa và sau này là của Tây phương du nhập vào khu vực này đã tạo ra rất nhiều nghi vấn vì quan niệm hai bên hoàn toàn khác hẳn. Khi nghiên cứu về các bản đồ cổ của vùng Đông Nam Á, những đường ranh giới biến dạng rất khó hiểu theo mỗi thời kỳ và nhiều câu hỏi về sự bành trướng của mỗi dân tộc được đặt ra dựa trên sự hiểu biết của chúng ta về địa lý hiện tại, lắm khi được củng cố bằng những lý thuyết đấu tranh trong thế kỷ XX.

III. TƯƠNG QUAN GIỮA CHÚA NGUYỄN VÀ XIÊM LA

a. Căn nguyên của hữu nghị Nguyễn Ánh – Rama I

Trong ba năm (1778-1781) - sau khi lấy lại Gia Định - vì không bị quân Tây Sơn vào xâm lấn, chúa Nguyễn có được một thời gian tương đối ổn định. Tuy chỉ là một triều đình non trẻ nhưng với kinh nghiệm kế thừa ở miền Nam, thời gian ngắn ngủi đó cũng đưa tới những thành tựu cơ bản làm cơ sở cho những giai đoạn sau khi Nguyễn Ánh phải chạy đi chạy về trong tình thế hết sức ngặt nghèo.

Về hành chính, sau khi bình định được các nơi, thu phục được Chân Lạp, chúa Nguyễn chia lại khu vực Gia Định (nói chung cả Nam Kỳ ngày nay) thành ba dinh, đặt quan lại và tổ chức quân sự:

... Mùa đông, tháng 11 (năm Kỷ Hợi 1779), [chúa Nguyễn] xem đồ bản các dinh đất Gia Định, chia vạch địa giới ba dinh Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ khiến cho liên lạc nhau. Dinh Trấn Biên lãnh một huyện (Phúc Long), có 4 tổng (Tân Chính, Bình An, Long Thành và Phúc An), dinh Phiên Trấn lãnh một huyện là Tân Bình, có 4 tổng (Bình Dương, Tân Long, Phúc Lộc và Bình Thuận); dinh Long Hồ đổi làm dinh Hoằng Trấn, lãnh một châu là Đình Viễn, có 3 tổng (Bình An, Bình Dương và Tân An). Lại thấy đạo Trường Đồn là nơi yếu địa của ba dinh nên đặt làm dinh Trường Đồn (nay là tỉnh Định Tường), lãnh một huyện (Kiến An), có 3 tổng (Kiến Đăng, Kiến Hưng và Kiến Hoà). Đặt các chức lưu thủ, cai bạ, ký lục để cai trị.¹³

Tuy sử sách chỉ viết một cách tổng quát, công cuộc kiến tạo từ một mảnh đất hoang vu trở thành một nơi dân cư phong túc không phải chỉ trong một ngày, hai ngày. Chiến thắng quân sự thường được đề cập nhiều hơn các công trình khẩn hoang lập ấp:

... Buổi quốc sơ, đất Gia Định còn là nơi nhiều rừng rú đầm lầy, mộ dân tới ở, cho tùy tiện lập ấp vỡ hoang (có nơi ở về Phiên Trấn mà đánh thuế làm đất Trấn Biên, cũng có nơi ở về Trấn Biên mà đánh thuế làm đất Phiên Trấn), các thửa ruộng đất chỉ ước số đại khái, không chia ra hạng tốt, hạng xấu, đặt chín trường khố nạp riêng (các kho Quy An, Quy Hoá, Cảnh Dương, Thiên Mục, Giản Thảo, Hoàng Lạp, Tam Lạch, Bả Canh, Tân Thịnh) để thu thuế.¹⁴

Đến năm Canh Tí (1780), Nguyễn Ánh lên ngôi vương, thiết lập triều đình dùng ấn Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn Chi Bảo là của báu truyền ngôi của họ Nguyễn ở trong Nam, phong cho Đỗ Thanh Nhân làm ngoại hữu phụ chính thượng tướng công¹⁵, Tổng Phước Khuông làm ngoại tả và hệ thống quan lại gồm nhiều cấp bậc khác. Chúa Nguyễn cũng lập con gái Tổng Phước Khuông (mẹ của ông Hoàng Cả Nguyễn Phúc Cảnh) làm nguyên phi. Cũng năm đó, người Cao Miên ở Trà Vinh nổi loạn, chúa Nguyễn sai Đỗ Thanh Nhân đem quân đánh dẹp. Đỗ Thanh Nhân trừ được giặc nên sinh lòng kiêu ngạo tự xưng là thượng tướng, Vương e ngại họ Đỗ lộng quyền nên tìm kế đem giết đi.¹⁶

Sử triều Nguyễn chép việc giết Đỗ Thanh Nhân tương đối giản lược:

... Đầu là Thanh Nhân cầm quân Đông Sơn, thường có ý vượt quyền. Đến khi vua lên ngôi, Thanh Nhân cậy mình có công tôn phù, lòng kiêu ngạo càng tăng, quyền sinh sát cho đi lấy lại đều ở trong tay; kinh phí trong cung thì giảm bớt đi, không chịu cung hiến; phàm người bề cánh gần gũi thì tự tiện cho theo họ mình; người có tội thì nướng than hừng, hình phạt rất thảm khốc, ai cũng nghiêng rặng. Vua cho là người có công, vẫn ưu đãi dung thứ, thường đến thăm tận nhà, cũng không giữ lễ. Bè đảng lại phụ họa thêm, lẩn át không kiêng nể gì, toan mưu làm phản. Chuông cơ Tống Phước Thiêm nói riêng với vua: “Xin giết giặc ở bên cạnh vua”. Vua trầm nghĩ hồi lâu. Phước Thiêm nói: “Thanh Nhân lòng muốn theo Mãng Tháo, không thể để được. Nếu dùng đến kế mà trừ thì chỉ một tay võ sĩ cũng đủ”. Vua rất lấy làm phải, giả cách ốm cho vời Thanh Nhân vào cung bàn việc. Vệ sĩ nhân đó bắt giết rồi tức thì tuyên bố tội trạng của Thanh Nhân mà tha tội cho các tướng hiệu sở thuộc.¹⁷

Sử Xiêm La cũng chép về việc này dựa theo lời kể của chúa Nguyễn Ánh và tùy tùng khi chạy sang Bangkok:

... Một người Hoa tên là That¹⁸ và một số người Việt bàn với nhau về việc ông Tây Sơn (Ông Tayson) đã nổi lên, giết những người thuộc hoàng tộc Việt Nam để lên làm vua nên hiện nay ông Thượng Sư (Ông Chiang Su)¹⁹, cháu nội của vua cũ, đã phải chạy vào rừng và chịu rất nhiều gian khổ. Họ vạch ra một kế hoạch để lấy lại nước cho ông Thượng Sư. Do đó, người Hoa kia hay động được nhiều người Việt và Hoa ở Saigon và chiêu tập một số đông người đi theo. Họ tấn công và lấy được Saigon. Ông Bảy (Ông Bai) tức là Bắc Bình Vương (Bak Bin Yuang) [chi tiết này sai, đây là Nguyễn Lữ, không phải Nguyễn Huệ] bỏ chạy về Qui Nhơn. Người Hoa tên That kia tự xưng là Ông Đông Sơn (Ông Kong Soen) và sai sứ giả đi đón Ông Thượng Sư về Saigon. Ông Thượng Sư phong cho người Hoa tên That này – bây giờ là ông Đông Sơn – chức Ông Thượng Công (Ông Thuang Kong), và cho làm quan to.

Tuy nhiên về sau, Ông Thượng Công âm mưu cùng đám người Hoa theo y định hại Ông Thượng Sư. Một hôm, người đầy tớ của Ông Thượng Sư là Ai Chu say rượu nằm ngủ ở một hội quán người Hoa. Y nghe được những người Hoa đó nói chuyện với nhau rằng Ông Thượng Công, vị quan lớn kia, đang toan tính giết Ông Thượng Sư để loại trừ ông này. Ai Chu kể lại cho Ông Thượng Sư việc y nghe thấy.

Biết được việc đó rồi, Ông Thượng Sư mới sắp xếp ba lớp màn che, lớp nọ ngăn sau lớp kia treo tại nơi ông ở rồi ra lệnh cho 20 vệ sĩ nấp ở đó. Ông Thượng Sư khi ấy mới giả vờ ốm nằm bên trong lớp màn rồi nói với thủ túc rằng: “Nếu Ông Thượng Công vào thăm ta bên trong lớp màn này, và nếu như y quả thực muốn phản loạn, thế nào y chẳng mang thuốc độc để dụ cho ta uống. Do đó khi nhận thuốc từ tay Ông Thượng Công rồi, ta sẽ thử xem có phải thuốc độc chăng, nếu là thuốc độc ta sẽ đổ vào ống nhỏ. Kế đó ta sẽ gõ lên thành ống nhỏ làm hiệu để cho các người bước ra khỏi màn, bắt y và giết Ông Thượng Công.”

Khi Ông Thượng Công nghe tin Ông Thượng Sư ngã bệnh, y liền đến thăm, mang theo một bao thuốc bột. Khi y bước vào trong màn nơi Ông Thượng Sư đang nằm, [chúa Nguyễn] cất tiếng chào: “Ông Thượng Công đến thăm ta đây ư?” Ông Thượng Công

đáp: “Thần nghe tin chúa thượng bị bệnh nên vội vào hầu, có đem theo một ít thuốc để cho chúa thượng chóng khỏi.” Y vừa nói vừa lấy ra gói thuốc y đã mang đưa cho Ông Thượng Sư thấy.

Ông Thượng Công mới gọi người mang một chiếc siêu nhỏ để sắc thuốc. Y nhân đó đổ luôn cả gói thuốc độc vào trong siêu rồi chặt thuốc ra một cái chén dâng lên Ông Thượng Sư.

Ông Thượng Sư thấy sự việc quả như đã dự kiến. Ông nhận chén thuốc và nhúng một chiếc đũa ngà vào trong đó, lập tức chiếc đũa phủ một lớp váng màu đen. Do đó ông biết chắc đây là thuốc độc nên đổ chén thuốc vào ống nhổ rồi gõ lên ra hiệu. Các vệ sĩ nghe hiệu lệnh bèn xông ra, bắt Ông Thượng Công và xử tử ngay hôm đó.

Ông Thượng Sư khi đó mới ra lệnh giết sạch tất cả tông đảng người Hoa của Ông Thượng Công. Hai khách thương người Tàu có quyền thế ở Saigon tên là Chae và Lek mới đến gặp Ông Thượng Sư nói rằng nếu chúa Nguyễn ra lệnh giết hết tất cả người Trung Hoa ở Saigon thì người Hoa sẽ bất phục và nổi loạn. Quân Tây Sơn sẽ nhân đó quay lại chiếm Gia Định và một khi thù trong chửa xong, giặc ngoài đã tới thì Ông Thượng Sư sẽ lưỡng đầu thọ địch. Họ khuyên chúa Nguyễn nên thân thiện với người Hoa trước. Chúa Nguyễn đồng ý và không tiến hành kế hoạch tàn sát đó nữa.²⁰

Tuy nhiên, xem xét kỹ hơn thì việc tranh chấp giữa Nguyễn Ánh và Đỗ Thanh Nhân không đơn giản chỉ là dùng mưu trừ một quyền thần. Chúng ta ít ai biết họ Đỗ gốc người Trung Hoa và là một trong số Hoa kiều rất có thế lực. Người Hoa ở cuối thế kỷ XVIII đã xây dựng được một mạng lưới kinh tế khuynh loát nhiều chính quyền và cũng nhiều lần bị thảm sát. Hai vị vua quan trọng nhất tại Xiêm La, Taksin và Chakri (Rama I) đều có nửa phần Trung Hoa. Việc người Hoa dần dần tiến sang lãnh vực quân sự, chính trị không khỏi đưa đến đổ vỡ và e ngại của dân bản xứ nên trong suốt cuộc nội chiến cuối thế kỷ XVIII đã có nhiều tranh chấp giữa người gốc Hoa và người Việt được nguy trang dưới những nguyên nhân khác nhau.

Riêng Chân Lạp, vương quốc này trước đây thần phục chúa Nguyễn nhưng sau khi anh em Tây Sơn nổi lên, triều đình chúa Nguyễn suy yếu nên bị Xiêm La khống chế. Năm 1781, vua Chân Lạp Rama Raja bị quân phiến loạn bắt bỏ cũi ném xuống sông, đất nước rơi vào tình trạng hỗn loạn. Nhân cơ hội đó, vua Xiêm sai một hoàng tử và hai anh em Chakri²¹ và Surasih (sử ta gọi là Chất Tri và Sô Si) đem ba đạo quân sang thiết lập nền bảo hộ Chân Lạp²². Chakri đem quân tiến vào Angkor Wat, hoàng tử Intharaphithak tiến vào Banthaiphet còn Surasih tiến vào Campong Svay.²³

Cứ như chính sử chép, vua Taksin vào những ngày sau cùng đã có nhiều dấu hiệu bị điên mặc dầu gần đây có giả thuyết cho rằng việc đổ cho ông bị điên chỉ là một dàn dựng của tân triều đình để che đậy và hợp thức hoá việc soán đoạt.²⁴ Trước đó, một biến động khiến người ta tin rằng vua Taksin quả thực hung bạo, dễ bị kích động và cũng ảnh hưởng vào tình hữu nghị giữa chúa Nguyễn Ánh và Xiêm La sau này. Sử Việt chép rằng:

... Lại có người Chân Lạp là Bô Ông Giao nói gièm với vua Xiêm rằng Gia Định đã gửi mật thư bảo Tôn Thất Xuân và Mạc Thiên Tứ làm nội ứng, mưu lấy thành Vọng Các. Vua Xiêm rất ngờ, liền bắt hết mọi người để tra hỏi. Mạc Tử Duyên hết sức cãi là chuyện vu

*cáo, bị vua Xiêm đánh chết. Thiên Tứ tự tử. Tôn Thất Xuân cùng Sâm, Tĩnh và quyền thuộc của Thiên Tứ cộng 53 người đều bị hại hết. Nhân dân nước ta ngụ ở Xiêm đều bị đời hết ra nơi biên thùy.*²⁵

Theo tài liệu của nhà dòng tại Nam Kỳ thì chính Đỗ Thanh Nhân đã tìm cách gây nghi ngờ cho vua Xiêm giết Tôn Thất Xuân trong một âm mưu trừ khử để vương vị của chúa Nguyễn không bị tranh đoạt²⁶.

Khi anh em Tây Sơn truy sát hoàng tộc nhà Nguyễn, Tôn Thất Xuân (Chưởng Xuân) [vốn là con của Hiếu Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát] cùng một số quân lính chạy sang Xiêm La được vua Xiêm tiếp đãi nồng hậu và giao ước sẽ giúp ông khôi phục giang sơn với điều kiện về sau khi được nước rồi sẽ thần phục nước Xiêm. Ở trong nước, Nguyễn Ánh được lập làm chúa (có Đỗ Thanh Nhân phụ chính) nghe tin ấy khiến hai bên nảy sinh bất đồng. Đỗ Thanh Nhân tìm cách ly gián để vua Xiêm ra tay trừ Tôn Thất Xuân bằng cách gửi một bức thư cho Tôn Thất Xuân và Mạc Thiên Tứ (khi đó cũng đang ở Bangkok) dặn hai người chuẩn bị nổi loạn cướp ngôi, hẹn ngày đốt kho đạn và khí giới của Xiêm La. Đỗ Thanh Nhân giao lá thư ấy cho một viên quan người Chân Lạp tên là Pha Ra (mà trong sử nước ta gọi là Bô Ông Giao) vì biết ông này là người thân vua Xiêm, ghét người Việt. Khi lá thư đó đến tay Taksin, vua Xiêm giận lắm bèn truyền lệnh giết Tôn Thất Xuân và Mạc Thiên Tứ cùng toàn thể gia tộc. Những người Việt cùng sang với hai người này cũng bị bắt giam nhưng may mắn thoát chết khi vua Taksin bị mất ngôi.²⁷

Sau khi chủ bị giết, tay chân bộ hạ của Đỗ Thanh Nhân bỏ trốn xuống Ba Giồng²⁸ không thần phục chúa Nguyễn nữa. Lực lượng Gia Định vì việc này yếu đi rất nhiều, hầu như trong suốt năm 1781 Nguyễn Ánh phải đem quân đánh dẹp, nhiều lần bị thiệt hại nặng.²⁹

Nghe tin Đỗ Thanh Nhân chết rồi, anh em Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem vài trăm chiến thuyền, cử đại binh vào đánh và đụng độ với quân chúa Nguyễn (dưới quyền của Tổng Phước Thiêm) ở sông Ngã Bảy. Nguyễn Ánh tập trung nhiều tàu chiến và khí giới, trong đó có một tàu kiểu Âu Châu do một người Pháp là Emmanuel (Mạn Hoè) chỉ huy.³⁰ Theo tài liệu của Tây phương, trong khoảng thời gian này, chính giám mục Bá Đa Lộc đã vận động để chúa Nguyễn liên lạc được với người Bồ ở Macao để tìm kiếm sự trợ giúp về quân sự. Chúa Nguyễn khi ấy chỉ là một thanh niên 18 tuổi nên giáo sĩ này vừa đóng vai cố vấn, vừa như một phụ đạo.³¹ Nhờ những liên hệ với người Bồ Đào Nha nên khi chúa Nguyễn lưu vong, đã có lúc họ chủ động đề nghị giúp thuyền bè và khí giới cho Nguyễn Ánh.

Quân Tây Sơn kéo xuống theo đường sông, thuận chiều nước vây quân chúa Nguyễn không cho tiến ra, chỉ có chiến thuyền của Emmanuel ra chặn lại. Emmanuel là người cùng quê với giám mục Bá Đa Lộc, sang Macao buôn bán. Về sau ông ta đi theo tàu của người Bồ Đào Nha qua Cao Miên, làm việc với Bá Đa Lộc như một quản gia, được tiến cử ra giúp chúa Nguyễn. Sau khi đại binh đã thất bại, Emmanuel thế cùng lực kiệt phải tự đốt tàu mà chết.³²

Trận thủy chiến đó khiến lực lượng chúa Nguyễn suy kiệt nên ông phải đích thân đem binh tiếp ứng trong một tình thế cực nguy hiểm và phiêu lưu.³³ Khi bị quân Tây Sơn đuổi theo, chúa Nguyễn lại bị phục binh của quân Đông Sơn tấn công, Tổng Phước Thiêm bị giết. Các cánh

quân từ Bình Thuận và Hoà Nghĩa Quân³⁴ (một nhóm Hoa kiều) đến cứu, giết được hộ giá Tây Sơn là Phạm Ngạn ở cầu Tham Lương một cách bất ngờ. Cái chết của Phạm Ngạn đưa đến vụ tàn sát người Hoa tại Sài Gòn hồi tháng 4 năm Nhâm Dần (1782).³⁵

Đến giai đoạn này, lực lượng chúa Nguyễn hầu như hoàn toàn tan rã. Tuy Nguyễn Ánh tập trung toàn quân có thắng một vài trận nhỏ nhưng lại bị Nguyễn Huệ đuổi theo đánh tan. Nguyễn Ánh bôn tẩu xuống miền Hậu Giang, sai Nguyễn Hữu Thụy, Trần Xuân Trạch cùng cai cơ Phúc Trí theo đường Chân Lạp để qua Xiêm cầu viện nhưng bị người Cao Miên giết cả.

Chúa Nguyễn thấy nguy cấp đem tàn quân chạy về Rạch Giá, Hà Tiên rồi đi thuyền nhỏ ra Phú Quốc. Yên trí là tình hình đã hoàn toàn yên ổn, anh em Tây Sơn rút về Qui Nhơn để lại hàng tướng Đông Sơn là Đỗ Nhân Trập cùng Hộ bộ Bá giữ Gia Định, đóng ở Bến Nghé.

Dư đảng các nơi lại nổi lên. Quân Tây Sơn phản công, bắt được trưởng công chúa Ngọc Toàn (mẹ vợ Nguyễn Hữu Thụy), bà không chịu nhục nên tự tử. Tướng Nguyễn là Châu Văn Tiếp tập trung toàn lực đánh vào Gia Định, bọn Đỗ Nhân Trập chạy về Qui Nhơn, Nguyễn Ánh lại trở về Sài Gòn.

b. Chúa Nguyễn Thân phục Xiêm La

Đến đây, tương quan Xiêm – Việt nảy sinh một khúc ngoặt quan trọng mà vì sử chép mập mờ nên nhiều chi tiết bị lệch lạc. Cuối năm Nhâm Dần (1782), chúa Nguyễn sợ quân Tây Sơn sẽ vào nữa nên bàn với các tướng để thân phục Xiêm La, trên danh nghĩa liên minh:

*... sai Cai cơ Lê Phúc Diễn, Tham mưu Lê Phúc Bình sang Xiêm. Vua thấy giặc Tây Sơn liền năm vào cướp, lòng lo lắng, dụ cho các tướng rằng: “Giặc nay dẫu thua, sang xuân hẳn lại vào cướp. Ta quân yếu tướng ít thì lấy gì mà chống? Kế sách ngày nay không gì bằng kết hảo với nước Xiêm để nhờ giúp đỡ khi hoãn cấp”. Bèn chế hoa vàng hoa bạc, sai bọn Phúc Diễn sang thông hiếu.*³⁶

Sử triều Nguyễn cố ý dùng hai chữ “*thông hiếu*” để miêu tả tương quan Xiêm – Việt nhưng thực tế, việc triều cống cây vàng bạc mang ý nghĩa thân phục kèm theo những nhiệm vụ và quyền lợi nhất định, quan trọng nhất đối với chúa Nguyễn là việc trợ giúp quân sự của Xiêm La (và các thuộc quốc của họ) để chống lại Tây Sơn. Cây vàng bạc được giải thích như sau:

*... là một cây giả có lá và hoa bằng bạc hay vàng. Tục lệ tiến cống cây vàng bạc hàm ý rằng người gửi bằng lòng vai trò phiên thuộc đối với quốc gia họ đem đến. Đó là một biểu tượng của thân phục. Một cách tổng quát, triều đình Thái ở Bangkok (hay Thonburi hoặc Ayutthaya) không trực tiếp cai trị một phiên thuộc như một phần của vương quốc mà để cho họ khá tự do trong việc điều hành các vấn đề nội trị, ngoại trừ tất cả các liên hệ với bên ngoài đều do Bangkok chủ trì và người thủ lãnh phải được Bangkok thừa nhận. Bangkok cũng bảo đảm rằng họ sẽ bảo vệ phiên thuộc đó một khi bị đe dọa từ bên ngoài. Để đáp lại, nước chư hầu có nhiệm vụ cung cấp binh đội cho triều đình Xiêm La khi được yêu cầu và thủ lãnh của các chư hầu cũng phải sang Bangkok mỗi khi có những dịp quan trọng, chẳng hạn như việc đăng quang của một tân vương. Sau cùng, nước chư hầu phải tiến cống “Cây Vàng Bạc” sang Bangkok cứ ba năm một lần.*³⁷

Chúng ta cũng nhận thấy, việc tái chiếm Gia Định rất tạm bợ (trước đây hoàn toàn lệ thuộc vào quân Đông Sơn vốn dĩ là thành phần Hoa kiều, bây giờ trừ được Đỗ Thanh Nhân rồi, lực lượng còn rất ít) nên chúa Nguyễn đã nhân cơ hội sau cùng còn mang vương vị và làm chủ đất nước để thiết lập những quan hệ ngoại giao ràng buộc với bên ngoài hầu cho danh chính ngôn thuận nếu như lại phải bôn tẩu.

Năm Quý Mão (1783) có lẽ nhiều sóng gió hơn cả cho vua tôi chúa Nguyễn. Ngay từ tháng 2, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân vào đánh, Nguyễn Ánh chỉ còn không đầy 100 quân. Sang tháng 4, Nguyễn Huệ đuổi theo, chúa Nguyễn phải chạy ra đảo Phú Quốc. Đến tháng 7, khi nghe tin Nguyễn Ánh đang ở Cổ Lôn³⁸, Nguyễn Huệ sai Trương Văn Đa đem thủy binh đến vây, quyết bắt cho được. May sao mưa gió nổi lên “*bốn bể mây mù kín mít, người và thuyền cách nhau gang tấc cũng không thấy nhau*” khiến cho sóng bể nổi lên dữ dội, “*thuyền giặc tan vỡ chìm đắm không xiết kể*.”³⁹ Chúa Nguyễn nhờ đó chạy thoát được sang đảo Cổ Cốt rồi lại trở về Phú Quốc.

Ở đây, lương thực thiếu thốn, vua tôi tìm củ mà ăn. Về giai đoạn này, mỗi tài liệu chép một khác. Sử triều Nguyễn ghi chép nhiều chi tiết nói lên nỗi khó khăn của Nguyễn Ánh nhưng cũng đề cao thiên mệnh và tình nghĩa của ông như truyện một người đàn bà buôn bán ở Hà Tiên là Thị Uyển mang gạo đến giúp, việc chặt một thoi vàng, đưa một nửa cho vương phi để làm tin sau này kiếm nhau hay việc tìm thấy nước ngọt trên biển. Đại Nam Thực Lục viết:

*... Vua dầu còn ở trong vòng mờ tối, mà những việc gió núi nước biển, điềm ứng rất nhiều, kẻ thức giả ai cũng cho là có chân mệnh đế vương.*⁴⁰

Thấy không còn nơi nào có thể nương tựa được, trong một nỗ lực tuyệt vọng chúa Nguyễn đã liên lạc với giám mục Bá Đa Lộc [đang ở Cao Miên] để gửi con trai trưởng (hoàng tử Cảnh, năm ấy mới lên bốn) làm con tin sang cầu viện nước Pháp. Chuyến đi của giám mục xứ Adran đã là đề tài của nhiều cuộc tranh luận, từ những người cho rằng chủ yếu là để giúp đỡ cho chúa Nguyễn đến kết án công tác này nặng tính cách riêng tư, hoặc do lòng yêu nước Pháp hay vì mục tiêu truyền giáo của toà thánh La Mã.

Trong khi đó, sử Xiêm La lại đề cao vai trò mã thượng của họ, có thể một phần vì được chép mấy chục năm sau khi vua Gia Long thống nhất đất nước khi tình hình giữa hai nước không còn kẻ yếu người mạnh như ở cuối thế kỷ XVIII.

Ngược lại, sử thần triều Nguyễn cố gắng làm nhẹ đi vai trò lệ thuộc của Nguyễn Ánh, xem đó như một công tác ngoại giao dựa trên ân tình giữa hai bên, khởi đầu bằng việc Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Hữu Thoại giảng hoà và kết thân với Chakri khi ông còn là một tướng lãnh. Việc chúa Nguyễn chạy sang nương nhờ Xiêm La và cư ngụ tại Bangkok một thời gian trước khi quay về Gia Định chỉ được xem như một giai đoạn “*tiềm long vật dụng*” của một vương tử chờ thời do tình nghĩa và lòng hiếu khách của triều đình Bangkok.

Tuy nhiên, trên hình thức cũng như nội dung, vấn đề không đơn giản như thế. Nhiều chi tiết đã chứng minh rằng trong một khoảng thời gian khá dài, chúa Nguyễn Ánh đã bằng lòng [hay chấp nhận dù chỉ miễn cưỡng] vai trò thuộc quốc đối với Xiêm La, được hưởng những quyền lợi và cũng phải thi hành đúng những gì mà Bangkok đòi hỏi.

Về nguyên do chúa Nguyễn sang đất Xiêm cũng có tiền nhân hậu quả. Trước đây, khi nghe tin ba đạo quân của Xiêm La sang đánh Chân Lạp, Nguyễn vương sai giám quân trung dinh là Nguyễn Hữu Thụy (Thoại) cùng Hồ Văn Lân sang hợp binh chống lại. Trong khi thế trận hai bên còn giằng co chưa ngã ngũ thì một biến động xảy ra ở kinh đô Bangkok. Một vị tướng tên là P'raya Sanka (ta gọi là Phi Nhã Oan Sãn) nổi dậy bắt giữ vua Taksin. Khi tin tức về biến động này truyền đến Chân Lạp, Chakri và Surasih liền kéo quân về.⁴¹ Trước khi rút lui, hai tướng Chakri và Surasih đã cùng Nguyễn Hữu Thụy nghị hoà, ước định sau này sẽ giúp nhau khi cần đến.

Lực lượng hùng hậu của Chakri đã khiến cho P'raya Sanka vội vã đầu hàng và tôn ông lên làm vua.⁴² Vua Chakri (Rama I)⁴³ lên ngôi (mồng 6 tháng 4 năm 1782) khi ông đã 45 tuổi, dời kinh đô từ Dhonburi ở tây ngạn sông sang bờ bên kia (khi đó chỉ là một thành phố nhỏ) tên là Bangkok.⁴⁴

Đại Nam Thực Lục chép:

... Giáp Thìn, năm thứ 5 [1784], mùa xuân, tháng giêng, vua trú ở đảo Thổ Châu.

Tháng giêng nhuận, chưởng cơ Hồ Văn Lân đem quân sở bộ tiến đến đồn Tinh Phụ. Tôn Thất Hội nghe tin có viện binh đến, trở vòng vây mà ra, thẳng tới sông Tân Hoà, hợp với quân Lê Văn Quân. Phò mã giặc là Trương Văn Đa đuổi đánh. Các tướng thua chạy. Quân [Lê Văn] chạy sang Xiêm.

Tháng 2, vua sang Xiêm La. Trước là sau cuộc bại trận ở Bến Nghé, Chu Văn Tiếp chạy sang Xiêm cầu viện. Vua Xiêm bằng lòng, sai Văn Tiếp theo đường núi trở về, mà sai tướng là Thát Xỉ Đa đem thủy quân sang Hà Tiên, tiếng là sang cứu viện mà ngầm dẫn đón vua sang nước họ. Văn Tiếp cũng có mật biểu uỷ người theo quân Xiêm mang về. Vua nhận được biểu rất mừng, bèn đến Long Xuyên hợp với tướng Xiêm. Tướng Xiêm cố mời vua sang Xiêm. Vua bất đắc dĩ phải nhận lời.⁴⁵

... Vua bèn đi một thuyền sang Xiêm, bày tôi đi theo có Tôn Thất Hội, Trương Phúc Giáo, Hồ Văn Bôi, Lưu Văn Trung, Nguyễn Văn Trị, Nguyễn Văn Huấn, Trần Văn Xạ, Nguyễn Văn Tôn (người Chân Lạp), Bùi Văn Khoan, Lê Thượng và nội trù Nguyễn Văn Hội, hơn 30 người, quân theo cũng vài mươi người.

Tháng 3, vua đến thành Vọng Các ...⁴⁶

Trong khi sử triều Nguyễn chép hành trạng của chúa Nguyễn rất dồn dập, các biến cố gần như liên tục để nhấn mạnh vào yếu tố tích cực của công tác phục quốc thì sử Xiêm La lại nhấn mạnh đến vai trò “bảo hộ” của họ cho nhà chúa đang lưu vong, nhắc đến nhiều chi tiết về sinh hoạt của chúa Nguyễn và tùy tùng. Cũng đang lưu ngụ tại đây có hoàng tử Ang Eng (Nặc Ông In hay Ấn) của nước Chân Lạp. Cả hai sau này đều về làm vua.

Trong khoảng thời gian từ 1782 đến 1785, sử nước ta tường thuật đời sống chúa Nguyễn tuy có qua lại nước Xiêm nhưng hầu hết lưu lạc nơi các đảo nhỏ ở vịnh Xiêm La quanh khu vực Hà Tiên thì sử Thái Lan lại ghi rằng ông và tùy tùng ở tại Bangkok chờ đợi quân viện và chỉ bỏ trốn về nước năm 1787. Những chi tiết về tương quan giữa Xiêm La và Việt Nam trong

khoảng 2 năm từ 1782 đến 1784 đã là một câu hỏi lớn cho nhiều sử gia Việt Nam và Tây phương.⁴⁷ Chúng ta cũng thấy rằng sử Xiêm La có nhiều đoạn viết sai ngày tháng, cho nên tuy một số dữ kiện cá nhân có thể đúng nhưng niên biểu lại không chính xác.⁴⁸ Cũng trong khoảng thời gian đó, hai lần quân Xiêm sang giúp chúa Nguyễn nhưng không thành công.

Xiêm La thực lục [Đệ Nhất Kỷ] chép rằng năm Nhâm Dần (1782), chúa Nguyễn bị đánh đuổi khỏi Saigon, mang theo mẹ, vợ con cùng một số tùy tùng chạy bằng thuyền đến đảo Krabu. Hai viên quan Xiêm La, trấn thủ Chonburi và Rayong (hai thị trấn ở duyên hải vịnh Thái Lan) trong một chuyến đi tuần chống cướp biển đã đến đảo này gặp chúa Nguyễn đang cư ngụ tại đó. Sau khi biết rõ thân thế và hoàn cảnh gia đình Nguyễn Ánh, họ đã khuyên chúa Nguyễn đến Bangkok nhưng chúa Nguyễn ngần ngại vì trước đây không lâu, chú của ông là Tôn Thất Xuân (Ong Chiang Sun, theo sử Xiêm La) đã bị triều đình Xiêm giết chết.

Hai viên quan Xiêm cho hay một vua Xiêm mới lên ngôi (vua Chakri) và ông này không tàn nhẫn như ông trước (tức vua Taksin) và chúa Nguyễn đã bằng lòng theo họ về Chonburi để chờ đợi. Sau khi có thư từ Bangkok chính thức mời chúa Nguyễn hội kiến, Nguyễn Ánh đã lên kinh đô Xiêm vào thượng tuần tháng tư (lịch Xiêm) năm Nhâm Dần (the waxing period of the moon of the fourth month, the Year of the Tiger).⁴⁹

c. Quân Xiêm sang giúp chúa Nguyễn

Theo tài liệu của nước ta thì chúa Nguyễn sang Xiêm năm 1784, sau đó có những lần đi theo viện binh trở về, đến 1787 thì về hẳn trong nước. Như trên đã nói, chúa Nguyễn trước đây triều cống cây vàng bạc cho Xiêm [coi như đã giao ước thần phục] nên khi qua Bangkok, việc đầu tiên ông đòi hỏi là viện trợ quân sự để về lấy lại nước:

... Tháng 3 mùa xuân năm thứ 7, Giáp Thìn (1784) xa giá đến Xiêm La kể lại đầu đuôi mọi gian lao và cầu xin viện binh để lấy lại nước. Vua Xiêm lấy lễ để an ủi tiếp đãi và tặng quà rất hậu. Phật vương [vua Xiêm] còn lấy tình giao hảo láng giềng hứa cử nghĩa binh giúp vua lấy lại nước. Nhị vương Xiêm La nhân đó nhắc lại việc năm trước là khi giao hoà với Thoại Ngọc hầu ở Cao Miên đã ước thề rằng nếu có hoạn nạn thì cứu lẫn nhau, nguyên hết sức với nhau. Không bao lâu, gặp khi Miến Điện xâm lấn ngoài biên, Nhị vương phải xuất chinh, nên uỷ cho cháu là Chiêu Tăng làm soái tướng, Chiêu Sương làm tiên phong đem 2 vạn thuỷ binh cùng 300 thuyền chiến chọn ngày mùng 9 tháng 6 khởi hành đưa vua về nước, Tiếp Quận công theo hộ giá.⁵⁰

1. Quân Xiêm sang giúp chúa Nguyễn lần thứ nhất

Một chi tiết không thấy ghi trong sử Việt Nam là việc quân Xiêm sang giúp chúa Nguyễn năm Quý Mão (1783).⁵¹ The Xiêm La thực lục [Đệ Nhất Kỷ], năm đó vua Xiêm sai Phraya Nakhosawan đem một đạo quân sang Chân Lạp, tuyển thêm một đạo quân Miên đi theo. Liên quân Xiêm Miên tiến sang nước ta bằng đường thủy.

Người chỉ huy lực lượng Tây Sơn khi đó là Đông Định Vương Nguyễn Lữ [Ong Tinh Wuang theo sử Xiêm La] khi nghe tin quân Xiêm tiến qua liền sai người chặn đánh tại Sadec, hai bên đụng độ nhiều trận ác liệt. Phraya Nakhosawan bắt được của Tây Sơn một số chiến thuyền

và tù binh cùng nhiều loại khí giới nhưng sau đó đem trả lại. Phraya Wichinarong và một số tướng lãnh không đồng ý viết mật thư tố cáo Nakhonsawan phản quốc. Vua Xiêm ra lệnh cho quân Xiêm rút về, Phraya Nakhonsawan cùng 12 người khác bị xử tử tại nghĩa địa của chùa Phocharam ở phía đông kinh thành.⁵²

2. Quân Xiêm sang giúp chúa Nguyễn lần thứ hai

Việc Xiêm La đem quân giúp chúa Nguyễn năm Giáp Thìn (1784) được minh định từ nhiều phía. Theo tài liệu các nhà truyền giáo thuật lại thì:

... Bấy giờ [vua Xiêm] lại dãi vua An Nam cách lịch sự, cùng bảo giao nghĩa với nhau và quyết đánh quân Tây Sơn. Vua An Nam đã biết tỏ các điều ấy là chước bề ngoài, vì hai vua Xiêm chẳng thật lòng cứu giúp mình. Vậy vua An Nam ở trong Bang Cóc, mà tuy rằng, chẳng phải giam lại hai vua ở lịch sự bề ngoài, song chẳng khác chi như phải giam vì rằng có kẻ rình chực canh giữ luôn.

Hai vua Xiêm ra dấu như thế có ý giữ lời đã hứa, mà sai nhiều binh sĩ sang đánh giặc cho yên mà chia ra hai toán: một toán đi bộ, một toán đi thủy. Cháu đồng tông hai vua ấy, tên Triều Cẩn, thì làm quan đại tướng quân cai các toán ấy. Vua An Nam thì cũng có quan tướng An Nam, tên là ông Thê, vua đã tình cờ gặp trong thành Bang Cóc.

Đối chiếu với các chi tiết khác trong sử nước ta, ông Thê chính là Châu Văn Tiếp. Châu Văn Tiếp trước đây cùng một số thuộc hạ theo đường bộ chạy sang Xiêm tìm chúa Nguyễn, nay được phong làm Bình Tây đại đô đốc chỉ huy toàn bộ lực lượng Việt Nam đổ bộ lên Kiên Giang rồi tiến đánh các xứ từ Hà Tiên đến Vĩnh Long.⁵³ Tháng 10 năm đó, Châu Văn Tiếp bị thương ở Mân Thít rồi chết, chúa Nguyễn hết sức thương tiếc.

Đại Nam Thực Lục đệ nhất kỷ chép:

...Mùa hạ, tháng 6, vua từ nước Xiêm đem quân về Gia Định. Vua Xiêm sai cháu là Chiêu Tăng và Chiêu Sương đem 2 vạn thủy quân và 300 chiến thuyền để giúp.

Vua lấy Chu Văn Tiếp làm Bình Tây đại đô đốc, điều bát các quân. Ngày Nhâm thìn [tính ra là ngày 9-6 AL hay 25-7-1784], xuất phát từ thành Vọng Các, đi ra cửa biển Bắc Nôm.

Mùa thu, tháng 7, quân ta tiến đánh được đạo Kiên Giang, phá được Đô đốc giặc là Nguyễn Hoá ở sông Trấn Giang, rồi thẳng đến xứ Ba Xắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc, chia quân đóng đồn.

Lấy Mạc Tử Sinh làm Tham tướng trấn Hà Tiên, quản lý binh dân sự vụ...

Vua thấy quân Xiêm tàn bạo, đến đâu là cướp bóc đày, nhân dân ta oán rất nhiều, bảo các tướng rằng: “Muốn được nước phải được lòng dân. Nay Chu Văn Tiếp đã mất, quân Xiêm không ai chế ngự được. Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ nhân dân”.

Trong khi chúa Nguyễn đi cùng với viện binh Xiêm trở về, lực lượng của ông nhân thế đó đã tấn công và thắng nhiều trận suốt từ Kiên Giang đến vùng Vũng Bèo làm chủ một khu vực rộng lớn khắp miền Hậu Giang:

... Mùa đông, tháng 10, Ngoại tả chưởng dinh bình tây đại đô đốc Chu Văn Tiếp đem thủy binh đánh giặc ở sông Mân Thút [Trà Vinh]. Chưởng tiền giặc là Bảo cự chiến hồi lâu. Văn Tiếp nhảy lên thuyền, bị giặc đâm trúng. Vua vẫy quân đánh gấp, chém được Chưởng tiền Bảo. Quân giặc bị tử thương rất nhiều, phải bỏ thuyền chạy. Phò mã giặc là Trương Văn Đa chạy đến Long Hồ [Vĩnh Long]. Quân ta bắt được thuyền ghe khí giới rất nhiều.⁵⁴

Trong khi đó quân Xiêm tiến xuống chiếm khu vực Ba Thắc đóng quân lại đây, một phần vì đa số dân là người Cao Miên, một phần vì khu vực này trù phú, tàu bè buôn bán qua lại nhiều mà các nhà truyền giáo viết là “... rất giàu có, nhiều quân Ngô [người Hoa] quen sang buôn bán ở đó”. Một miêu tả chung của nhiều nguồn khác nhau là quân Xiêm trong những tháng chiếm đóng rất vô kỷ luật, chỉ lo ăn chơi cướp bóc, gian dân phụ nữ.⁵⁵

Khi nghe tin quân Xiêm hiệp lực với chúa Nguyễn đang tiến chiếm Gia Định, Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ đem binh thuyền vào cứu Sài Gòn. Hai bên đụng độ nhiều trận nhưng không phân thắng bại. Khi quân bộ của Xiêm La kéo đến, toán quân này hợp cùng quân thủy đóng ở Trà Suốt⁵⁶, lập thành một chiến lũy dài để cự địch.

Quân của Nguyễn Huệ kéo đến, mai phục ở Rạch Gầm và sông Xoài Mút rồi dụ quân Xiêm vào. Thủy quân Xiêm kéo đến giao chiến trước nhưng quân Tây Sơn thế hăng, Nguyễn Huệ dùng binh rất nghiêm chỉ tiến chứ không lùi nên quân Xiêm không cự nổi. Bao nhiêu chiến thuyền đều bị lấy hết sạch khiến tướng lãnh Xiêm La phải bỏ thuyền lên bộ hợp với quân Miên và quân chúa Nguyễn đã đóng sẵn lập trận chống cự. Nguyễn Huệ thừa thắng tiến lên, liên quân Xiêm La – Gia Định lớp chết lớp bị bắt làm tù binh. Hai tướng Xiêm Chiêu Tăng, Chiêu Sương chỉ còn vài ngàn quân theo đường núi Chân Lạp chạy về nước.⁵⁷

... Huệ đến, đánh vào trận không được, muốn đem quân về. Có tên phản thần là Lê Xuân Giác bày kế cho Huệ đem hết quân mạnh mai phục ở Rạch Gầm và ở sông Xoài Mút (thuộc tỉnh Định Tường), rồi dụ quân Xiêm lại đánh. Tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương không hiểu địa thế khó dễ ra sao, cậy mình thắng luôn, bèn dẫn quân tiến thẳng đến Mỹ Tho, cuối cùng bị phục binh của giặc thủy bộ hai mặt ập đánh. Chiêu Tăng và Chiêu Sương thua to bỏ chạy, chỉ còn vài nghìn lính theo đường núi Chân Lạp mà chạy về. Lê Văn Quân và các quân cũng đều vỡ chạy. Cai cơ quản Nội thủy Trung thủy là Nguyễn Văn Oai chết trận (truy tặng Chưởng cơ).⁵⁸

Xiêm La thực lục [Đệ Nhất Kỷ] chép:

... Vào tháng năm [lịch Xiêm, khoảng tháng 3 DL] của năm Thìn (Year of the Great Snake) [Giáp Thìn 1785] nhà vua sai cháu (nephew) là Chaofa Kromluang Thepharirak⁵⁹ chỉ huy một đội chiến thuyền và năm ngàn quân, với lệnh là tấn công và tái chiếm – không được thất bại – lãnh thổ Saigon cho Ong Chiang Su [chúa Nguyễn]. Nhà vua cũng cho phép đích thân Ong Chiang Su đi theo với đoàn quân. Một toán quân

đường bộ do Phraya Wichinarong chỉ huy được lệnh tiến theo đường Cam Bốt và điều động thêm một đoàn quân Cao Miên. Chaophraya Aphaiphubet tuyển thêm một lực lượng 5000 quân Cam Bốt để đi cùng quân Thái.

Phraya Wichinarong đưa đạo quân Thái – Cam Bốt tấn công vào Piamchopsadaek [Sa Đéc]. Tại một địa điểm có tên là Phraek Phrayaman [Nha Môn], họ đụng độ và đánh với quân Tây Sơn vài trận. Quân Việt chống không nổi phải rút lui. Phraya Wichinarong liền tiến lên về phía Piambarai và tấn công vào những vị trí đóng quân tại huyện Ban Payung.

Cháu của vua là Chaofa Kromluang Thepharirak, cùng với các tướng lãnh cao cấp cùng Ong Chiang Su từ biệt nhà vua và đưa chiến thuyền đi ra thẳng tiến theo hướng biển đến Banteay Meas⁶⁰. Quân tại Banteay Meas dưới quyền của Phraya Rachasetthi và Phraya Thatsada được điều động để tăng viện. Liên quân tiến vào sông Bassac và dừng lại tại rạch Wamanao.⁶¹

Xem như thế lực lượng bản bộ của quân Xiêm ít nhất cũng hơn một vạn người bao gồm 5.000 đi theo đường thủy và trên dưới một vạn đi theo đường bộ. Lực lượng đó đi đến đâu tăng viện đến đó nhất là Chân Lạp đang là thuộc quốc của họ nên có nghĩa vụ phải phụ lực một khi được yêu cầu. Ít nhất ta thấy cũng có ba đạo quân Miên trong đó 5.000 người của Chaophraya Aphaiphubet và hai đạo quân của Phraya Rachasetthi, Phraya Thatsada không rõ bao nhiêu.

Ngoài ra họ còn có thêm những cánh quân do dư đảng chúa Nguyễn đang nằm sấn trong nước, tính ra tổng cộng phải nhiều hơn hai vạn cho cả ba thành phần Xiêm – Miên – Việt. Theo tài liệu của Vũ Thế Doanh trong Mạc thị gia phả thì quân Xiêm lên đến 5 vạn người (bao gồm 2 vạn quân thủy và 3 vạn quân bộ theo đường Cao Miên).

Việc quân Xiêm đem “*hai vạn thủy quân và 300 chiến thuyền*” sang nước ta rồi bị đánh bại tại Mỹ Tho đã trở thành một biến cố lịch sử được khai thác rất cặn kẽ. Sử triều Nguyễn cũng nhấn mạnh “*từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn, mệnh tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như cọp ...*”⁶² Trong tình hình tứ cố vô thân, chúa Nguyễn cho người chạy sang Xiêm cáo cấp và cùng thuộc hạ bỏ trốn ra một hòn đảo tít ngoài khơi.⁶³ Tuy nhiên, chúa Nguyễn cũng không yên nên lại chạy vì “*... quân Tây Sơn đuổi bức sát đến Thổ Châu. Vua lại sang đảo Cổ Cốt, gặp Cai cơ Trung đem binh thuyền Xiêm đến đón, vua bèn sang Xiêm...*”⁶⁴

Từ khi xảy ra trận Rạch Gầm (đêm mồng 8 rạng mồng 9 tháng 12 năm Giáp Thìn tức 19-1-1785) đến khi chạy ra Thổ Châu, lệnh đênh các nơi tới Cổ Cốt (Ko Kut) (vào khoảng tháng 2 AL năm Ất Ty) rồi đến Bangkok tháng 3, ngày Canh Tuất [1-3 AL tức ngày 9-4 DL], tính ra thời gian cũng chừng vài tháng.

d. Sinh hoạt của Nguyễn Ánh tại Xiêm La

Sau hai lần thất bại, vua Xiêm cho chúa Nguyễn và những người theo ông định cư tại phía nam huyện Tonsamrong (ta gọi là Long Kỳ ngoại thành Bangkok), và trợ cấp một khoản tiền là 5 chang [400 bat, không rõ giá trị ngày nay là bao nhiêu] hàng năm. Vua Xiêm cũng tặng cho Nguyễn Ánh những huy hiệu (insignia) bao gồm một khay trầu, một bình nước bằng vàng, một

thanh kiếm có khảm vàng và một lọng che cán ngắn.⁶⁵ Đây cũng là những gì mà Nặc Ông Eng (Ấn hay In theo sử ta) - một ông hoàng Chân Lạp khi đó đang được nuôi dưỡng tại Bangkok - được hưởng. Nói chung, chúa Nguyễn được triều đình Xiêm đối xử như một hoàng tử thuộc quốc lưu lạc trên đất nước họ theo đúng nghi lễ bình thường. Điều đó cũng dễ hiểu vì chúa Nguyễn lúc này không có đất mà cũng chẳng có dân, chỉ có một đội quân đi theo tướng đối ít ỏi, tương lai còn bấp bênh hơn Nặc Ông Eng.

Về sinh hoạt thường ngày, Nguyễn Ánh cũng được lâm triều như một quan lại, di chuyển bằng một chiếc thuyền kiểu Việt Nam có sáu tay chèo và vài tùy tùng đứng cầm lọng. Sử Xiêm La cũng viết thêm là trong triều đình, chúa Nguyễn được xếp tại một sảnh (gallery) phía tây điện Amarintharaphisek (Amarin Throne Hall), ngay trước tổng quản Ngự Lâm Quân (Krom Tamruat). Ông được phép ngồi xếp bằng theo kiểu người Việt, có một thông ngôn là Phra Ratchamontri đi theo. Theo một bức tranh của Thái Lan vẽ cảnh chúa Nguyễn hội kiến với vua Rama I trong điện Amarin năm 1782⁶⁶ còn lưu trữ trong văn khố hoàng gia Xiêm ta thấy miêu tả không sai, tất cả các quan Xiêm La quì mọp chấp tay theo nghi thức của họ còn Nguyễn Ánh mặc y phục và đóng khăn kiểu Việt Nam, ngồi xếp bằng ngay trước ngai vàng, đối diện với vua Xiêm (xem hình).

Mẹ và những thân quyến chúa Nguyễn cũng được hưởng một số bổng nhất định. Riêng những người đi theo Nguyễn Ánh thì được phép dong thuyền ra biển đánh cá mưu sinh mà không bị các tàu thuế quan ngăn trở.⁶⁷ Sử Xiêm La cũng ghi lại rằng chúa Nguyễn còn huấn luyện cho vũ công Xiêm một số điệu múa cung đình của người Việt mà những vũ điệu vẫn tiếp tục cho đến mãi về sau.⁶⁸

Cũng thời gian đó, ông tiếp tục việc chiêu mộ binh lính, đóng chiến thuyền và ngầm liên lạc với trong nước để tìm đường khôi phục. Một số dư đảng của chúa Nguyễn nổi lên chống lại Tây Sơn nhưng sức yếu nên hoàn toàn không đạt được kết quả gì đáng kể. Cứ theo sử Việt Nam thì vua Xiêm “*đối với vua (Nguyễn Ánh) dẫu tình lễ có trung hậu hơn, nhưng sự thực là giữ lại đó mà thôi. Vua thâm tính trong lòng, biết rõt cuộc họ không thể giúp mình được, túng sử có giúp cũng vô ích ...*”⁶⁹

Việc này phù hợp với sử Xiêm La nhưng có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó tình hình thực tế của chính người Thái khiến họ không thể làm gì hơn và cũng e ngại một khi chúa Nguyễn phục quốc rồi thì trở thành một đối thủ cạnh tranh kịch liệt với họ ở phía đông. Trong hoàn cảnh một vương tử thất thế, lực lượng đơn bạc, Nguyễn Ánh cố gắng vận động nhiều nơi nhưng đều gặp trở ngại. Theo ngoại sử, có lần Đông Định Vương Nguyễn Lữ đã viết thư sang Xiêm yêu cầu vua Xiêm phải bắt Nguyễn Ánh để nạp cho Tây Sơn (về sau Nguyễn Huệ cũng yêu cầu như thế) nhưng vì lời lẽ trịch thượng khiến cho triều đình Bangkok thêm bất bình và càng ủng hộ chúa Nguyễn.⁷⁰

Năm 1784, vua Miến Điện Bodawhpaya đưa mười vạn quân, chia làm năm đạo tiến đánh Xiêm La. Để phòng ngự, vua Xiêm điều động khoảng 7 vạn quân, chia ra trấn giữ bốn trọng điểm. Đạo quân tinh nhuệ nhất do chính Phó Vương (uparat) là em trai vua Rama I chặn địch tại ải Ba Chùa (Three Pagodas Pass) phía tây bắc kinh đô. Cháu vua Rama I là hoàng tử

Anurakthewet ngăn địch ở Nakhon Sawan để khởi trận xuống đồng bằng. Hai tướng lãnh khác đem quân án ngữ tại Ratburi còn đích thân vua Rama I phải chỉ huy 2 vạn quân bảo vệ Bangkok. Tất cả những vị trí trọng yếu đó đều nằm trong một vòng tròn đường kính không quá 300 km. Khu vực Miến Điện kiểm soát lại có một giải đất dài kề cận bờ biển nằm sát khu vực phía tây nên việc phòng thủ rất vất vả. Ngay trong thời gian trận Rạch Gầm xảy ra [đầu năm 1785], quân Miến tấn công vào Kanchanaburi nhưng bị lực lượng của phó vương đem quân đánh vào đường tiếp vận ở trên cao phá vỡ. Quân Miến bị cắt đôi nên thiếu lương thực phải rút về. Tuy nhiên các lực lượng khác của Miến ở phía nam vẫn tiếp tục uy hiếp kinh thành Bangkok khiến hai tướng giữ Ratburi bị cách chức.⁷¹

Trận chiến đầu năm 1785 có thể coi như một trận chiến bản lề đưa Xiêm La vốn dĩ luôn luôn bị thế hạ phong đối với Miến Điện nay trở nên đồng tài đồng sức. Xiêm La cũng nhìn ra được những điểm yếu của chính họ khi thấy một số tiểu quốc ở phía Nam đã nhanh chóng đầu hàng Miến Điện khi bị tấn công. Khu vực này chính là một yếu huyệt vì Miến Điện có thể dùng làm bàn đạp đánh lên Bangkok. Cuối năm 1785, Miến lại đem quân đánh Xiêm một lần nữa. Theo sử Xiêm thì “*người Xiêm được người Mons và các nhóm tình báo thông tin chính xác về việc quân Miến di chuyển nên vua Xiêm nhanh chóng điều động ba vạn quân lên thượng lưu sông Khwae Noi chặn đánh quân Miến. Chỉ trong mấy ngày quân Miến đã bị đánh tan phải bỏ chạy*”.⁷²

Trong tình hình lưu vong, chúa Nguyễn hết sức tìm cách lấy lòng vua Xiêm, có lẽ sợ lộ chuyện gửi hoàng tử Cảnh sang Pháp cầu viện.⁷³ Tuy vua Rama I thông cảm với hoàn cảnh chúa Nguyễn nhưng vua em thì lại không bằng lòng và dường như muốn tìm cách triệt hạ nhóm người Việt. Chuyện đó cũng dễ hiểu nếu chúng ta biết rằng nước Xiêm vẫn là một quốc gia đa chủng (chính anh em Rama I cũng lai người Hoa) và không phải chỉ một lần những nhóm người ngoại quốc cư ngụ tại Bangkok tìm cách lật đổ triều đình Xiêm. Việc đó dẫn đến chuyện vua tôi Nguyễn Ánh tham gia vào trận đánh Miến Điện ở Thavoi không biết như một hình thức khổ nhục kế để che mắt hay bị vua Xiêm bắt phải đi theo [như một nghĩa vụ thuộc quốc] để phòng xa việc ông có thể nhân cơ hội kinh thành bỏ trống mà nổi loạn.⁷⁴

Theo Đại Nam Thực Lục:

Bính ngọ, năm thứ 7 [1786], mùa xuân, tháng giêng, vua trú ở hành tại Vọng Các. Tháng 2, Diến Điện do ba đường tiến binh xâm lấn đất Sài Nặc [Chainat] nước Xiêm. Vua Xiêm tự đem quân chống cự, xin vua giúp kế hoạch. Vua nói: “Diến Điện cắt quân từ xa lại, chở lương đi hàng nghìn dặm, kể đã mệt rồi. Tôi xin giúp sức, đánh chóng hẳn được!” Vua Xiêm tiến binh ngay. Vua tự đem quân của mình trợ chiến, sai Lê Văn Quân và Nguyễn Văn Thành đi trước, dùng ống phun lửa để đánh. Quân Diến Điện sợ chạy, chết không kể xiết, bị bắt 500 người. Vua Xiêm thán phục, trở về đem vàng lụa đến tạ, muốn lại giúp quân cho vua thu phục Gia Định.

Vua họp các tướng bàn. Nguyễn Văn Thành tâu rằng: “Vua Thiệu Khang chỉ có một lũ còn dựng được cơ nghiệp nhà Hạ. Ta nuôi sức mạnh mà thừa chỗ sơ hở thì việc còn có thể làm được, chứ nếu mượn người ngoài giúp, đưa Di Địch vào trong tâm phúc thì sợ để lo về sau. Không bằng cứ yên tĩnh để chờ cơ hội là hơn”. Vua khen phải, việc bèn thôi.”⁷⁵

Tuy thường xuyên phải đối phó với Miến Điện nhưng công tác xây dựng kinh đô cũng là một ưu tiên cấp bách và hao tổn Xiêm La phải thực hiện. Không bao lâu, Xiêm La dần dần khôi phục sức mạnh và trở nên hùng cường, một mặt vì có vua Rama I là người sáng suốt, mặt khác những đối thủ của họ lại đang trên đà xuống dốc. Miến Điện trước đây là mối đe dọa chính của Xiêm thì nay vướng vào những cuộc chiến dai dẳng và tốn kém với Trung Hoa, với người Anh còn Việt Nam thì lâm vào cảnh nội chiến, chia năm xẻ bảy đánh lẫn nhau. Chỉ trong vòng mười năm, nước Xiêm đã bành trướng ảnh hưởng đến tận dãy Trường Sơn và một phần vùng tây bắc Việt Nam ngày nay.

IV. CHÚA NGUYỄN XÂY DỰNG ĐẠI NGHIỆP

a. Chúa Nguyễn trốn khỏi Bangkok

Tháng giêng năm Đinh Mùi (1787), chúa Nguyễn ở Bangkok được người Bồ Đào Nha ở Goa (Ấn Độ) liên lạc theo sự vận động của giám mục Pigneau de Béhaine hứa giúp một số chiến thuyền. Triều đình Xiêm La tỏ vẻ bất bình, có lẽ vì việc tự tiện liên lạc với nước ngoài đi ngược lại với giao kết của một thuộc quốc là “tất cả các liên hệ với bên ngoài đều do Bangkok chủ trì” nên Nguyễn Ánh đành phải kín đáo từ chối.⁷⁶

Cũng vì việc này, triều đình Xiêm La không còn tín nhiệm chúa Nguyễn như trước nên ông phải tính kế trốn về nước mặc dầu vẫn hết sức mềm mỏng vì biết rằng một khi Xiêm La ngã sang ủng hộ Tây Sơn thì không những đại nghiệp khó thành mà tính mạng cũng lâm nguy. Cũng vì phong thanh biết chúa Nguyễn đang tìm đường trốn ra khỏi vòng cương toả của mình, Xiêm vương thứ hai (Maha Uparat) có ý muốn xuống tay tận diệt vua tôi Nguyễn Ánh. Mâu thuẫn giữa hai người còn kéo dài mãi cho tới khi chúa Nguyễn thống nhất được Việt Nam và ông chỉ yên tâm khi đệ nhị vương tử trần vào năm 1803. Nhân dịp vua Xiêm không có mặt ở Bangkok, chúa Nguyễn bí mật bỏ trốn lấy cớ là “*nếu có xin phép thì vua Xiêm chắc cũng không cho*”.⁷⁷

Cũng việc này, sử Xiêm La chép kỹ hơn, đại thể có giống mặc dầu cũng nhiều điều hư cấu.

... Được một thời gian, Ong Chiang Su bàn với nhóm quan lại đi theo ông, nói rằng: “Chúng mình trốn kẻ thù đến đây nhờ vua Xiêm che chở. Ngài đối với ta rất tốt, săn sóc chu đáo khiến ta rất vui lòng. Ngài cũng còn tuyển quân và sai họ tấn công kẻ thù để giúp ta khôi phục vương quốc nhưng những nỗ lực đó đến nay chưa thành tựu. Thế nhưng hiện nay nhà vua có những mối lo về chiến dịch đánh Miến Điện và xem ra không có thể giúp chúng ta được nữa. Nếu mình yêu cầu nhà vua cho phép mình rời khỏi nơi đây để tự liệu dùng sức của mình lấy lại nước, ta e rằng sẽ bị hoàng thượng trừng phạt vì ngài chẳng khứng cho chúng ta bỏ đi. Chi bằng mình lén trốn đi thì mới mong thành công.”

Sau khi tham khảo mọi người và đồng ý, Ong Chiang Su viết một lá thư yêu cầu vua Xiêm cho phép ra đi và đặt lá thư đó trên bệ thờ. Sau đó ông ra lệnh cho Ong Kwan và Ong Yi lấy chiếc thuyền lớn mà họ đã mang đi lúc trước ra đợi ông tại đảo Sichang.

Tối hôm đó, Ong Chiang Su cho kiểm Nai Chan, Nai Yu và Nai Muang, cả ba người là thị vệ dưới quyền chỉ huy của Kromluang Thepharirak, cháu của nhà vua [ông này chính là người được cử đem quân sang Việt Nam rồi thua tại trận Rạch Gầm] và họ đều là bạn thân của người Việt. Mấy người đó được mời đến uống rượu tại nhà Ong Chiang Su, mỗi người còn được tặng một vương nhiều màu đỏ. Nai Chan, Nai Yu và Nai Muang say khướt không còn biết gì nữa. Ong Chiang Su lúc đó mới sai trói cả ba người lại đem đi xuống dưới khoang thuyền.

Ong Chiang Su dẫn thân quyến và tùy tùng cùng với thêm ba người Việt khác đã sống tại Bangkok từ lâu: Ong Hiao, thợ cả của đội thợ chạm (Krom Changsalak), Ong Hup, thợ cả của đội thợ mộc (Krom Changmai), và Ong Kaolo, thợ cả của đội thợ đúc (Krom

Changlo). Tất cả lên thuyền xong, nhổ neo và hối hả chèo thuyền đi trong đêm tối. Tổng cộng là bốn chiếc thuyền với hơn 150 người.

Tối hôm đó, dân chúng ở khu vực gần bên nghe biết việc này và báo cho Phraya Phrakhlang. Phraya Phrakhlang báo cho nhà vua và hoàng thái đệ.⁷⁸ Đệ nhị vương vô cùng tức giận, lập tức ra lệnh điều động một số tay chèo (oarsmen) và một số thuyền. Đích thân ông ta ngự một thuyền rồng hối hả đuổi theo nhóm người Việt. Đến rạng đông họ đã trông thấy thuyền của Ong Chiang Su ở cửa vịnh.

Thuyền của Ong Chiang Su đến cửa vịnh tại Samutprakan thì không có gió nên không thể nào giương buồm được. Ong Chiang Su đốt nến, thắp hương và đốt vàng mã để cầu khẩn thần thánh. Ông ta xin rằng nếu như trời cho ông đi thoát, đánh lại kẻ thù và khôi phục vương quốc như lòng ông lâu nay mong mỏi thì gió hãy nổi lên để được thuận buồm xuôi gió. Thế nhưng khi Ong Chiang Su trông thấy thuyền rồng và thuyền hộ tống đến đông như kiến mà gió vẫn lặng yên. Ông ta kinh khiếp ra lệnh cho các tay chèo hết sức chèo cho thật nhanh. Các thuyền rồng dùng dầm bơi tới mỗi lúc một gần.

Ong Chiang Su nói: “Nếu ta chạy không thoát và người Thái bắt được ta lần này, thế nào họ cũng giết không tha, nếu không cũng giam lại suốt đời, và nếu như mệnh trời đã tuyệt thì ta cũng chẳng nên sống làm gì cho chặt đất”. Ông nói rồi rút gươm ra khỏi vỏ toan cắt cổ tự tử.

Ong Phu We lập tức nhảy đến giựt lấy thanh kiếm khỏi tay Ong Chiang Su khiến lưỡi gươm cắt đứt môi Ong Phu We. Ong Phu We mới nói: “Chúa thượng việc gì mà phải vội vã tự vẫn như thế. Trước khi bỏ đi chúng ta đã cầu khẩn và xin âm dương. Thật rõ ràng trời cho biết chúng ta sẽ đi thoát và hoàn thành đại nghiệp. Chúa thượng quả đúng là chân mạng đế vương. Mùa này chính là mùa gió nổi để đưa chúng ta ra khơi. Bây giờ còn sớm nên còn đứng gió. Chỉ thêm chút nữa là gió nổi lên thôi”.

Khi ông ta vừa dứt câu thì gió nổi lên, bốn chiếc thuyền Việt dùng cả buồm lẫn chèo chạy vượt xa chiếc long thuyền. Nhóm người Việt thấy chiếc thuyền rồng và hộ tống quay đầu trở về. Ong Chiang Su hết sức mừng rỡ và họ giương buồm đến đảo Sichang để gặp chiếc thuyền lớn.

Ong Chiang Su mới nói với các tùy tùng: “Lần này chúng ta thoát được là do lòng nhân của vua Xiêm đã cấm các viên chức hải phòng không được chặn thuyền ta ra vào để đánh cá mutu sinh. Chính vì thế chúng ta mới qua được dễ dàng. Còn bây giờ thì mình đi đâu?”

Ong Chuang đáp: “Nếu mình ghé vào đảo Kut nghỉ ngơi có lẽ là tốt hơn cả. Còn như ghé vào đảo Dot thì lại quá gần quân thù. Đảo Kut cũng còn nằm trong địa phận nước Xiêm và quân giặc chắc không mạo hiểm đến đây tìm kiếm đâu. Ở nơi đây cũng có đủ nước ngọt.”

Nghe vậy Ong Chiang Su bằng lòng và ra lệnh đưa Nai Chan, Nai Yu, và Nai Muang lên trên ở cùng tàu với ông ta. Ngoài ra còn có bốn chiếc thuyền nhỏ. Ong Hiao, thợ cả đội thợ chạm đi chiếc thứ nhất. Ong Hup, thợ cả đội thợ mộc đi chiếc thứ hai. Ong Kaolo,

thợ cả đội thợ đúc đi chiếc thứ ba. Còn chiếc thứ tư là chiếc mà Ong Chiang Su dùng để đi từ Bangkok thì ông cho tất cả mọi người lên đó. Như thế tổng cộng là năm chiếc cả thấy.

Đoàn thuyền cùng đi ngay đêm ấy. Họ mất bảy ngày mới đến được đảo Kut. Vào thời đó đảo này còn là đảo hoang không ai ở.

Trong khi đó, hoàng thái đệ Kromphraratchawang Bawon Sathanmongkhon không đuổi kịp Ong Chiang Su nên quay về báo tin cho nhà vua biết rằng ông ta đã đuổi theo đến tận cửa vịnh Xiêm La thì một trận gió nổi lên nên không bắt được Ong Chiang Su. Ông xin nhà vua ra lệnh cho đuổi theo bằng chiến thuyền dùng trên biển thì chắc chắn sẽ tìm thấy và mang những người Việt đó trở về.

Ngay lúc này, viên quan theo lệnh nhà vua đến lục soát nơi cư ngụ của Ong Chiang Su đã tìm ra được lá thư và đem về trình. Lá thư đó dâng lên nhà vua và ông yêu cầu đọc lên cho ông nghe. Thư đó như sau:

“Tôi, Ong Chiang Su, đã đến sống dưới sự che chở của bệ hạ. Bệ hạ đã nhân đức chăm lo khiến tôi rất vui lòng. Tuy nhiên lúc này tôi rất quan tâm về đất nước, nếu như công khai xin bệ hạ cho tôi trở về e rằng bệ hạ sẽ quở trách. Thành thử tôi đành phải trốn đi nhưng tôi hoàn toàn không hề có ý định âm mưu nổi loạn hay trở lại làm hại đến hoàng thượng một chút nào. Tôi nguyện là một thân tử của bệ hạ cho đến ngày cuối cuộc đời. Khi phải rời bệ hạ trong giờ phút này tôi chỉ cốt tìm cách tuyển mộ người để khôi phục lại đất nước. Nếu như thiếu khí giới, hay lực lượng kém địch quá xa, tôi sẽ gửi thư đến bệ hạ để xin bệ hạ giúp cho súng đạn, và cho một đạo quân đến giúp cho đến khi tôi toàn thắng. Khi khôi phục được giang sơn, từ đó về sau tôi sẽ xin làm phiên thuộc của hoàng thượng.”

Nhà vua nghe đọc xong lá thư mới ngăn em lại nói: “Đừng tuyển quân đuổi theo bắt y lại làm chi. Y thấy chúng ta không giúp y được vì chính mình cũng đang vướng bận vào những cuộc chiến nên y quyết định bỏ đi để thực hiện công cuộc phục quốc. Chúng ta đã đối đãi vô cùng hậu hĩ. Viết bằng tay rồi lại xóa đi bằng chân thì không phải chút nào.”

Người em trai của nhà vua, hoàng thái đệ, nói rằng: “Gã Ong Chiang Su này, nếu chúng ta để cho y đi mà không bắt lại, trong tương lai khi triều đại này qua rồi, thế nào y cũng gây rắc rối cho con cháu chúng ta, điều đó chắc chắn không còn ngờ gì nữa. Sở dĩ như thế vì Ong Chiang Su đã sống tại Bangkok mấy năm và biết được về cách thức làm việc của triều đình ta. Hiện nay tại Samutprakan không có chuyện gì đáng gờm như những kẻ thù từ mặt biển. Do đó nếu như Ong Chiang Su thay đổi ý kiến để sau này quay ra chống lại chúng ta thì đánh với y rất khó. Nếu bệ hạ không cho phép tôi đuổi theo Ong Chiang Su bây giờ thì xin bệ hạ cho tôi được xây một thành phố ở ngoài cửa biển.”

Nhà vua bằng lòng cho xây một chiến lũy tại vùng ngày nay gọi là Lat Tonpho. Chiến lũy này xây chưa xong thì lại có chiến tranh với Miến Điện lần nữa.⁷⁹

Việc chúa Nguyễn bỏ trốn khỏi Bangkok, sử triều Nguyễn viết như sau:

... Bởi thế vua quyết chí hồi loan, trước sau (sic) [sai?] Phạm Văn Nhân về Hòn Tre chinh bị thuyền ghe để đợi. Vua lại nghĩ rằng nếu nói rõ cho họ biết thì họ hẳn lấy cớ lần trước giúp không thành công mà sẽ tìm lời ngăn đón, bèn nhân đêm viết thư tạ ơn để ở hành tại, rồi rút quốc mẫu và cung quyển xuống thuyền, vẫy quân chèo mau ra cửa biển Bắc Nôm. Đến tang tang sáng, vua thứ hai nước Xiêm biết, đi thuyền thoi nhẹ đuổi theo nhưng không kịp, phải trở về.

Thuyền vua đến Hòn Tre đậu lại. Cai cơ Trung cướp thuyền buôn Xiêm và giết hết mọi người. Vua sai chém, đưa thủ cấp sang Xiêm. Vua Xiêm sai người đến tạ.⁸⁰

Theo nhiều tài liệu, chúa Nguyễn và thần tử tông vong đến được đảo Kut nhưng lâm vào tình trạng thiếu thốn lương thực. Ở trên hòn đảo hoang này, thực phẩm mà họ kiếm được chỉ có rùa và một số củ rừng. Theo sử Xiêm La, chúa Nguyễn được giúp đỡ trong một trường hợp khá hi hữu:

Một bữa nọ, ông [chúa Nguyễn] thấy một chiếc thuyền dong buồm đến gần hòn đảo. Ông hãi quá nên cùng gia đình chạy trốn vào trong rừng. Sau đó ông sai Ong Chuang đi một chiếc xuồng nhỏ chèo ra hỏi xem chiếc thuyền đó từ đâu đến. Một người Hoa tên là Hun, vốn có vợ người Việt tên là Amdaeng Tot, ở Chanthaburi, cho Ong Chuang hay là chiếc thuyền đó chở 30 kwian gạo⁸¹ từ Chanthaburi trên đường xuống Cà Mâu (Ca-mao) và Rạch Giá (Teksia) để bán. Tuy nhiên vì bị bão nên trôi giạt đến đây.

Ong Chuang mới nói với người Tàu kia rằng Ong Chiang Su hiện đào thoát tới đây và yêu cầu y xuống thuyền để hội kiến với chúa Nguyễn. Người Hoa kia biết rằng y vốn dĩ lạc tới đây một mình, nếu như từ chối không gặp Ong Chiang Su thì ông ta thể nào cũng dùng võ lực và y không thể nào chạy thoát được. Chi bằng tốt hơn hết là làm như ủng hộ Ong Chiang Su. Vì thế y mới xuống chiếc xuồng nhỏ theo Ong Chuang vào gặp chúa Nguyễn.

Ong Chiang Su nói với y: “Bọn ta đã ở trên hòn đảo Kut này một thời gian và người của ta hiện nay không có gạo ăn. Thuyền của người chở gạo lạc tới đây thì hay lắm. Số tiền vua Xiêm cho ta và mẹ ta để dành được là 17 chang (?) và 10 tamlung (?). Ta muốn mua gạo theo giá mà người định.”

Người Tàu Hun kia đáp rằng: “Ngài ăn ở thiếu thốn đã lâu. Tôi xin hiến cho ngài toàn bộ 30 kwian gạo này mà không lấy gì cả.”

Ong Chiang Su bèn viết một biên nhận rồi đóng trên đó một con dấu có hình rồng đưa cho Hun. Tờ giao ước đó đề rằng nếu một khi Ong Chiang Su khôi phục được đất nước và trở thành vua nước Nam thì Hun cứ việc đến gặp ông để ông đền ơn về lòng tử tế này.

Ong Chiang Su sau đó ra lệnh cho bộ hạ rở hết số gạo trên thuyền của người Tàu và y từ biệt đi trở về Chanthaburi.

Ở Bangkok, khi nghe tin Ong Chiang Su đang trú ngụ tại đảo Kut, nhà vua ra lệnh cho vài chiếc thuyền tuần tra mang theo súng ống, đạn dược sẵn sàng bảo các quan chức ở

*Trat đem số thuyền bè vũ khí này tới đảo Kut tặng cho Ong Chiang Su để nhờ ông ta tiếp tay trong việc tiêu trừ nạn hải tặc...*⁸²

Nhờ sự trợ giúp ngầm của Xiêm La [thác danh tiểu trừ giặc bể], trong khoảng thời gian mấy tháng mùa thu năm 1787, từ một nhóm người lưu vong, lực lượng Nguyễn Ánh từ từ lớn mạnh để có thể bắt đầu đổ bộ lên những hòn đảo thuộc lãnh thổ Gia Định vào cuối năm đó.

b. Khôi phục Gia Định

Sau khi củng cố thực lực, chúa Nguyễn chiếm vùng Cà Mau làm căn cứ đóng quân. Một điểm đáng ngờ là vừa về đến nơi lập tức chúa Nguyễn giết Cai cơ Trung (là cậu của Châu Văn Tiếp) cắt đầu bỏ vào một cái thùng đưa cho Phraya Rachasethi gửi về Bangkok lấy lý do là đã cướp và giết thuyền buôn Xiêm.⁸³ Theo một lá thư sau này của chúa Nguyễn viết cho trấn thủ Phrakhang thì trong khi Nguyễn Ánh lưu vong, quân chúa Nguyễn như rấn mất đầu, cai cơ Trung đi ăn cướp ngoài biển. Có lẽ khi nghe tin chủ cũ trở về, ông ta đến trình diện ở Hòn Tre và chúa Nguyễn sợ Xiêm La ngoảnh mặt với mình nên xuống tay với một thủ túc thân tín để lập công đầu như cái tiếng mà vua Xiêm đã uý thác.

Cũng nhờ chiến thuyền và vũ khí người Xiêm giúp, chúa Nguyễn tương đối có uy thế hơn, đưa đến việc thu phục được một số tay anh chị từ Trung Hoa lưu lạc sang vùng Đông Nam Á và nhiều sứ quân đang cát cứ một vùng mà sau này các sứ gia thường đồng hoá là đang ở bên Tây Sơn nay nghe tin chúa Nguyễn trở về nên xin qui thuận. Chúng ta nhận thấy có Nguyễn Văn Trương ở Long Xuyên, Nguyễn Văn Nghĩa ở Trà Ôn, Nguyễn Kế Nhuận ở Hồ Châu, Nguyễn Văn ở Ba Lai... Ngoài ra còn nhiều nhóm thuộc tổ chức Thiên Địa Hội và cả thành phần bất hảo nay được gọi là “*ngũ quân*”, các nhóm người Miên, người Mọi ...

Sự phát triển tương đối nhanh của Nguyễn Ánh cũng có những lý do chủ quan từ phía đối phương. Trước khi ông trở về, tin tức từ trong nước đưa ra cho biết anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đang có những xích mích trầm trọng. Nguyễn Huệ đem quân vây thành Qui Nhơn nhiều tháng liền, tấn công bằng đại bác đưa đến những thiệt hại nặng nề cho cả hai phía khiến Nguyễn Nhạc phải rút hết quân ở Gia Định về cứu Qui Nhơn.⁸⁴ Tình hình đó khiến cho vùng Đồng Nai trở thành một khu vực “*vô chính phủ*” mạnh ai nấy sống, ngoại trừ một số ít binh sĩ cơ hữu đóng ở Saigon do Phạm Văn Sâm (Tham) và Nguyễn Lữ chỉ huy.

Chúa Nguyễn sai người dò thám tình hình và được biết tại miệt Trà Vinh có một số lớn dân chúng sẵn lòng đi theo nên đã theo đường biển đi vào theo cửa biển Bassac (Hậu Giang).⁸⁵

Tháng 9 năm Đinh Mùi (1787), chúa Nguyễn đến Cần Giờ, hai thế lực Nguyễn – Tây Sơn đối trĩ, Nguyễn Lữ và Phạm Văn Sâm đắp lũy chặn lại tại Sài Gòn và Biên Hoà, hai bên cầm cự không bên nào thắng. Sứ triều Nguyễn nhấn mạnh vào một kỳ mưu mà Nguyễn Ánh dùng để tạo ly gián giữa Nguyễn Lữ và Phạm Văn Sâm:

... Vua dùng kế để phá giặc. Nhân bắt được một chiếc thuyền mui vàng lớn của giặc và một tờ bằng sắc, lại dong thuyền bắt được Thị Lộc là vợ lẽ yêu của Hộ đốc Lý (không rõ họ), không giết mà đối xử hậu, rồi theo tự dạng ấn triện (?) ở tờ bằng sắc ấy mà giả làm bức thư kín của Nguyễn Văn Nhạc nói Tham là người kiêu ngạo ngang ngược sai Lữ

thiết kế giết đi, cho Thị Lộc cầm đến cáo với Tham. Tham xem thư sợ quá, tức thì giả kéo cờ trắng, rồi đem thủy quân thẳng tới Lạng Phụ. Lữ trông thấy cờ trắng, ngỡ là Tham đã đầu hàng, bèn chạy về Quy Nhơn, rồi chết. Tham lại đóng giữ Sài Gòn.⁸⁶

Cũng việc này, các nhà truyền giáo có chép khác hơn nhưng lại có những điểm gần thực tế. Khi anh em Tây Sơn đánh lẫn nhau, đất Gia Định gần như bỏ trống, Phạm Văn Sâm thấy Nguyễn Lữ đơn bạc nên cũng có ý tự lập. Chính vì vậy Nguyễn Nhạc đã viết thư để nhắc em trừ trước cho khỏi hậu họa. Lá thư đó lọt vào tay chúa Nguyễn, chúa Nguyễn nhân cơ hội dụ hàng Phạm Văn Sâm nhưng không thành công. Họ Phạm đem quân tiêu diệt Nguyễn Ánh trước rồi đánh Nguyễn Lữ sau. Nguyễn Lữ thua bỏ chạy về Quy Nhơn, ít lâu sau chết vì bệnh.⁸⁷

Tuy sử triều Nguyễn chép rất nhiều thắng lợi hầu như khắp nơi của các nhóm thuộc Nguyễn Ánh nhưng khi bị Phạm Văn Sâm đuổi chúa Nguyễn phải chạy xuống Mỹ Tho, trốn trong cù lao Dung (Dong) [tên chữ là Hổ Châu] một cồn đất trên sông Hậu Giang [giữa cửa Ba Thắc và cửa Cha Vang] và “*thu hợp tướng sĩ hơn 300 người, chiến thuyền hơn 20 chiếc*”. Số quân ít ỏi đó không đáng vào đâu nên chúa Nguyễn phải nhờ một người Việt gốc Miên là Nguyễn Văn Tồn [trước đây ông đã theo sang Bangkok] “*chiêu tập dân Phiên hai xứ Trà Vinh và Môn Thít được vài nghìn người, biên bổ làm lính, gọi là đồn Xiêm binh, cho Tồn làm Thuộc nội cai đội để cai quản.*”⁸⁸ Nếu đúng như thế, vào khoảng tháng 9 năm Đinh Mùi (1787), tình hình rất là nguy ngập và những điều mà ngoại sử chép là “*vua phải thua, mất hết mọi sự và phải trốn kiếm nơi ẩn mình*” có phần đáng tin.

Tình hình ở miền Nam càng lúc càng thuận lợi hơn cho chúa Nguyễn. Phạm Văn Sâm phải đơn độc và tự lực chiến đấu nên suy yếu dần, lại thêm có những tin đồn - có thể từ những thừa sai và giáo dân loan ra - là thầy Cả Pigneau de Béhaine sắp sửa về đem theo nhiều tàu bè, khí giới giúp Nguyễn Ánh.

Tuy nhiên, cục diện cũng rất bấp bênh nhất là sau khi anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã giảng hoà, có thể đem quân trở lại Gia Định bất cứ lúc nào. Tháng 9 năm Mậu Thân (1788), viên trấn thủ Xiêm La ở Phrakhleng nhận được một lá thư từ chúa Nguyễn như sau:

... Tôi lưu vong đến nhờ hoàng thượng che chở. Ngài đối đãi với tôi rất tử tế. Ngài đưa quân sang đánh để lấy lại nước giúp tôi. Tuy vậy, việc đó không thành vì Xiêm La cũng bận việc chiến tranh với Miến Điện. Tôi chịu ơn nhà vua rất nhiều và chuyện đó tất cả mọi thuộc bang đều biết rõ.

Tôi đã nhận được thư từ vua xứ Bắc Hà, từ những người đã theo tôi hay làm bầy tôi của ông nội tôi, của cha tôi. Tất cả ai ai cũng hối thúc tôi tìm phương thức quay về lấy lại nước. Tôi đã định xin phép của hoàng thượng, nhưng lại sợ ngài không cho tôi đi. Thành thử tôi đành viết một lá thư trần tình mọi việc và xin ngày để tôi trở về. Tôi đặt lá thư đó trên bàn thờ rồi bí mật giả biệt.

Tôi tìm ra rằng một số người Việt trước đây từng chống lại nhà Tây Sơn nay không có ai lãnh đạo nên đã trở thành giặc biển cướp bóc trên đại dương.⁸⁹ Tôi thu phục nhưng một số không thể tha thứ hành vi bạo ngược của chúng được nên đã chém đầu một tên và nhờ trấn thủ Banteay Meas [Hà Tiên] đem gửi thủ cấp về Bangkok một lần trước.

Nhân dịp này, tôi nhờ Kai Dao đem theo và trả lại huy hiệu của quan chức (regalia of rank) mà nhà vua đã ban cho bao gồm: một thanh kiếm có cán bằng vàng, một bình nước bằng vàng, một khay trầu bằng vàng. Tôi cũng xin nhà vua cho phép tôi được giữ các tàu tuần, súng, đạn và thuốc súng mà nhà vua đã giao cho tôi để tuần tiễu mặt biển cùng thực hiện chiến dịch đánh Tây Sơn. Tôi sẽ giao hoàn lại nhà vua khi chiến dịch hoàn tất.⁹⁰

Trong khi chúa Nguyễn cùng bộ hạ còn đang mưu tính chuyện lấy Gia Định thì một cận thần là Huỳnh Tường Đức (Nguyễn Huỳnh Đức), gốc người Hoa, trước bị Tây Sơn bắt nay trốn được sang Xiêm để tìm chủ. Vua Xiêm hay tin liền bắt cả bọn đày lên Ban Bangpho (bắc Thái) ngõ hầu không thể trốn về Đồng Nai bằng đường thủy⁹¹. Vua Xiêm cũng tìm cách chiêu dụ những người này phục vụ cho triều đình Bangkok nhưng không thành công⁹². Hạ tuần tháng 7 năm Mậu Thân (1788), chúa Nguyễn viết thư tạ ơn vua Xiêm, nội dung như sau:

Kai Dao đã đem về cho tôi những tặng phẩm của hoàng thượng. Chuyến đi của y rất dài và gian nan, đi cũng như về. Tôi rất vui lòng khi nhận được những món quà này. Hiện nay, quân Tây Sơn và các cấp chỉ huy, binh lính đang hết sức rối loạn. Rất đông bọn chúng đã chạy theo tôi. Tôi có nghe nói Ông Ho Tuang Duk (Huỳnh Tường Đức) và Ông Thong Yung Yan (?), cả hai đều là thần tử của tôi, trước đây bị Tây Sơn bắt, nay đã trốn khỏi chạy sang Bangkok. Ông Ho Tuang Duk và Ông Thong Yung Yan đều tinh thông chiến trận. Tôi cầu xin bệ hạ thả họ về với tôi để họ giúp tôi trong việc đánh quân Tây Sơn. Ngoài ra, số lượng thuốc súng và đạn của tôi cũng thiếu. Tôi xin bệ hạ ban cho một số súng, thuốc nổ và đạn để Ông Ho Tuang Duk và Ông Thong Yung Yan đem về cho tôi.⁹³

Nhận được thư này, vua Xiêm đã giao cho hai người (Ho Tuang Duk và Thong Yung Yan) mỗi người một chiến thuyền với súng ống, đạn dược để đem về cho chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn nhận được món quà nhỏ này chắc cũng hiểu rằng nếu chỉ tiếp tục vai trò đồng minh dựa vào quen biết cũ thì Xiêm La sẽ chỉ giúp đỡ một cách tượng trưng. Cũng có thể vua Xiêm muốn nhắc Nguyễn Ánh về giao ước trước đây khi ông bỏ trốn. Ông cũng không còn đủ thời gian để xây dựng lực lượng theo lối bình thường mà phải giải quyết vấn đề càng nhanh càng tốt. Trong tình hình có thể bị lật ngược bất cứ lúc nào, chúa Nguyễn bằng lòng thần phục Xiêm La trong tư cách thượng quốc – hạ quốc, vừa nhờ cậy trước mắt, vừa là nơi dung thân một khi thất thế.

c. Đồng Minh hay Hạ Quốc?

1. Triều cống cây vàng bạc lần thứ nhất

Trên thực tế, mặc dầu đã thu phục được hầu hết cõi Gia Định, lực lượng của Nguyễn Ánh vẫn không đáng kể so với lực lượng Tây Sơn. Nếu như Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ tiến quân vào Sài Gòn thì nếu không bị bắt hay bị giết, chắc chắn chúa Nguyễn sẽ phải bôn tẩu một lần nữa.

Chính vì thế, Nguyễn Ánh vẫn nơm nớp lo sợ quân Đàng Ngoài nhất là vào cuối thế kỷ XVIII, miền Nam Việt Nam vẫn còn là một khu vực hoang sơ, dân chúng sống rải rác dọc theo hai bên bờ kênh rạch rất khó tổ chức được một đội ngũ binh sĩ đủ sức ứng chiến theo qui mô lớn. Tuy mấy năm trước, chúa Nguyễn đã làm một phiêu lưu gần như rất ít hi vọng là nhờ giám

mục Bá Đa Lộc đem hoàng tử Cảnh đi cầu viện nước Pháp nhưng trong mấy năm qua, bóng chim tăm cá chưa có gì chắc chắn, nước xa làm sao cứu được lửa gần. Sử Xiêm La chép:

Vào ngày 13 của hạ tuần tháng 10 (tính ra là 27 tháng 9 DL), năm con khỉ [Mậu Thân, 1788], tức là năm thứ 10 của thập niên, Ong Chiang Su gửi đến [triều đình Xiêm La] một lá thư. Trong thư đó, Ong Chiang Su cho hay vào ngày thứ 6 của hạ tuần tháng 10 [20-9 DL] đã lấy được Sài Gòn, Lokkanai [Đồng Nai ?] và Bà Rịa.

Đến tháng 12 năm đó, Ong Chiang Su nhớ lại ân tình mà vua Xiêm đã dành cho ông, nên sai thợ thực hiện một cây bằng bạc và một cây bằng vàng, cả hai đều rất cầu kỳ. Hai cái cây này đặt trong bình cao 20 niu [42 cm]⁹⁴ được chuẩn bị để Ong Bo Ho (có lẽ là quan coi về việc hộ) đem tới cho nhà vua. Nhà vua ra lệnh nhận những cây này và đem để thờ tại tháp Phrachao. Có kèm theo là một lá thư nói rằng Ai Chiang Sam [tức Phạm Văn Sâm], viên trấn thủ Sài Gòn, đã bỏ chạy sang khu vực Bassac. Ong Chiang Su xin hỏi mượn 30 chiến thuyền, với đầy đủ súng ống trước và sau, cùng trang bị đạn dược. Ông ta cũng hỏi cho Chaophraya Aphaiphubet ở Cambodia đem một đạo quân 3000 người khoẻ mạnh, tất cả đều cắt tóc theo kiểu Thái, để giúp ông ta trong việc đánh vào Bassac bắt Ai Chiang Sam.

Nhà vua [Xiêm] cho phép Ong Bo Ho, Ong Ho Tuang Duk, và Ong Kai Chat đi lựa những chiến thuyền nào họ muốn nhưng hầu hết đều cần phải sửa chữa. Họ chỉ kiếm được có 5 chiếc trong tình trạng tốt. Nhà vua bèn cho họ những thuyền này, cùng với 70 súng nokphrong, thuốc súng và đạn để trang bị cho các thuyền đó. Một dụ chỉ có đóng dấu cũng được gửi cho Chaophraya Aphaiphubet ra lệnh cho ông ta tập hợp binh sĩ người Cambodia đi giúp Ong Chiang Su.

Chaophraya Aphaiphubet đến mặt trận kịp thời cùng với Ong Chiang Su. Họ vây Bassac, và Ai Chiang Sam đành phải ra hàng Ong Chiang Su. Ong Chiang Su đặt Phraya Chakkri (Kaep), một người Miên, cai trị Bassac như một vùng đất thuộc về Cambodia. Chaophraya Aphaiphubet khi đó mới rút quân về Cambodia.⁹⁵

Theo sử triều Nguyễn thì số lượng Huỳnh Tường Đức mang về gồm có “50 chiến thuyền cùng lưu hoàng, diêm tiêu, súng ống”⁹⁶ nhưng sử Xiêm La chỉ viết là 5 chiếc và 70 khẩu súng mà thôi. Đồng minh của Sâm là Ốc Nha Ốc (viên chức Cao Miên) tử trận [hay bị bắt và bị giết, theo sử Việt]. Chúa Nguyễn cũng tiến hành chiến tranh tâm lý, phao tin là ông sắp có súng ống và tàu bè của Pháp sang giúp khiến địch quân nao núng và đó cũng là một yếu tố quan trọng trong việc đánh bại Phạm Văn Sâm. Sâm chạy trốn không kịp phải ra hàng nhưng được ít lâu cũng bị giết.⁹⁷

Đây là một bước ngoặt lớn đối với sự hồi phục của lực lượng nhà Nguyễn. Điểm đáng để ý là việc Nguyễn Ánh tiêu diệt được Phạm Văn Sâm không đơn thuần bằng lực lượng bản xứ mà có sự tiếp tay của Xiêm La thông qua một thuộc quốc của họ là Chân Lạp. Ngược lại, Phạm Văn Sâm cũng trông cậy vào người Miên đang ở Trà Vinh, Ba Thắc. Liên minh Xiêm La, Cao Miên và Việt Nam chính là điều kiện mà chúa Nguyễn chấp nhận để đánh đổi sự hạ mình khi gửi cây vàng bạc qua thần phục Bangkok.

Với những viện trợ mới, lực lượng của Nguyễn Ánh tăng hẳn lên. Cuối thế kỷ XVIII, Xiêm La đã tiến bộ nhiều trong việc tổ chức và trang bị cho quân đội và từ thế yếu so với Miến Điện, đến nay họ không những đủ sức tự vệ mà còn tạo nhiều chiến thắng, mở mang biên giới thêm một vùng rộng lớn ở bắc Thái.

Khi tình hình miền Nam tạm yên, chúa Nguyễn gấp rút củng cố lực lượng, xây dựng thành trì và chỉnh đốn lại việc cai trị. Sử triều Nguyễn chép khá kỹ về tổ chức chính quyền trong giai đoạn này kể cả các loại thuế má, chính sách trị an và tổ chức quân đội. Thật may cho Nguyễn Ánh, trong suốt mấy năm liền, từ 1788 đến 1792, Nguyễn Huệ đã quá bận rộn với công việc chinh phục, chiến đấu ở Đàng Ngoài, và giao hiếu với nhà Thanh nên không có thì giờ nhìn lại đất Gia Định. Nhân cơ hội đó, chúa Nguyễn không những hồi sinh được chính quyền mà còn đạt được những thành quả mới đủ sức đối phó với anh em Tây Sơn. Theo như miêu tả của nhiều nhân chứng, chúa Nguyễn chứng tỏ một nhân cách khá đặc biệt. Ông vừa là một “kỹ sư” có khả năng, vừa là một “đốc công” tận tụy, ham học, biết ứng dụng những kiến thức về khoa học, tổ chức nên đã đạt được những bước nhảy vọt trong khoảng thời gian đó.⁹⁸

Tháng 5 năm Kỷ Dậu (1789), Xiêm La bị mất mùa vì hạn hán nên chúa Nguyễn đã gửi tặng họ 8.800 phượng gạo, tương đương với 200 xe (oxcarts) theo lời yêu cầu chính thức của Xiêm do một thượng thư gửi sang.⁹⁹

2. Giám mục Bá Đa Lộc trở về

Dù cho người Xiêm La là nguồn hỗ trợ chính yếu giúp chúa Nguyễn khôi phục được Gia Định nhưng nếu không có lực lượng Tây phương của giám mục Bá Đa Lộc thì Nguyễn Ánh chắc chỉ đủ sức làm chủ mấy tỉnh miền nam mà khó có thể tiến ra chinh phục Qui Nhơn, Huế hay Thăng Long.

Ngày mồng 7 tháng 6 năm Kỷ Dậu (tức 28/7/1789), giám mục Bá Đa Lộc và hoàng tử Cảnh cập bến Sài Gòn. Trong có số những người Pháp đi cùng chúng ta thấy có:

- J.B. Chaigneau thuyền trưởng tàu Long phi.¹⁰⁰
- De Forçant thuyền trưởng tàu Bằng phi.
- Phillippe Vannier thuyền trưởng tàu Bông Thước, sau đó là tàu Đồng Nai và tàu Phụng.
- Jean-Marie Dayot, chỉ huy một đội chiến thuyền
- Victor Ollivier, sĩ quan cơ khí, trông coi tổ chức bộ binh, pháo binh và đồn lũy.
- Théodore Le Brun, kỹ sư, trông coi việc xây thành
- Laurent Barisy, trung tá
- Julien Girard de l'Isle-Sellé, đại úy hải quân
- J.M. Despiaux, ngự y cho chúa Nguyễn
- Louis Guillon, trung úy hải quân

- Jean Guilloux, trung uý hải quân¹⁰¹

Các chuyên viên Tây phương mang lại những kiến thức mới về kỹ thuật quốc phòng nhất là tổ chức quân đội, cải tiến kỹ thuật, khí giới, hải quân, phòng thủ giúp cho chúa Nguyễn chuyển từ thế thủ sang thế công mặc dầu sử gia Việt Nam thường cố tình không đề cập đến những giá trị đó.

3. Triều cống cây vàng bạc lần thứ hai

Thêm một số chiến thuyền và sự phụ giúp của các sĩ quan Pháp tuy có thổi vào lực lượng chúa Nguyễn một luồng sinh khí mới nhưng ông cũng biết rằng người Pháp không bị ràng buộc vào hiệp ước Versailles 1787.

Trong tình trạng mà chính nước Pháp cũng có những vấn đề riêng phải lo, việc thi hành hiệp ước Versailles không những không có lợi mà càng khó khăn hơn nếu như Xiêm La đang từ bạn trở nên thù vì chúa Nguyễn phản bội lại điều kiện quan trọng nhất trong giao ước thần phục là tự tiện giao thiệp với người ngoài. Chính vì thế, Nguyễn Ánh đã thực hiện một đường lối tương đối khôn khéo. Một mặt ông viết thư cảm ơn Pháp hoàng¹⁰² nhưng cũng minh định là hiệp ước Versailles không có hiệu lực đồng thời triều cống cây vàng bạc cho Bangkok lần thứ hai để minh xác rằng ông chỉ có một đồng minh là Xiêm La mà thôi.

Tháng 8 năm Kỷ Dậu, Phraya Phrakhleng gửi cho Nguyễn Ánh một lá thư cho hay nếu chúa Nguyễn cần trợ giúp về quân sự thì Xiêm La sẵn sàng giúp. Lá thư đó cũng thử lòng Nguyễn Ánh bằng cách nói rằng đường bộ xa xôi, vận chuyển bất tiện, tốt hơn hết là dùng đường biển nhưng vì Xiêm La không có nhiều thuyền bè nên không chở được nhiều. Vì thế, nếu khi nào không có chiến tranh, chúa Nguyễn hãy đóng sáu, bảy chục đại thuyền (kulai), và một thuyền ngự đẹp để cho vua dùng rồi gửi sang Bangkok.

Yêu cầu này không thấy ghi trong sử nước ta, và sử Xiêm La cũng không thấy đề cập đến phản ứng hay hồi âm của chúa Nguyễn như thế nào. Vào thời điểm này, giám mục Bá Đa Lộc và tàu bè Tây phương vừa từ Pondichéry tới nơi nên chúng ta có thể nghĩ rằng Xiêm La biết tin đó nên muốn thử xem sự gắn bó giữa ông và Xiêm La có còn không? Đó là lý do tại sao lá thư lại do một cấp chỉ huy địa phương gửi đến chúa Nguyễn thay vì là một đề nghị chính thức từ vua Xiêm.

Trong 4 tháng sau đó, chúa Nguyễn không công khai từ chối yêu sách quá đáng của Xiêm La nhưng cũng chưa đủ sức để phản bác đề nghị đó. Ông chỉ tập trung vào việc củng cố và xây dựng lực lượng, bao gồm nhiều cải cách theo các đề nghị của những người Pháp đang giúp ông. Tuy ít học nhưng với kinh nghiệm và đầu óc sắc bén, Nguyễn Ánh đã bắt ngay được cơ hội để hoàn toàn áp dụng khuôn mẫu Tây phương ngõ hầu rút ngắn thời gian.

Một dịp may hiếm có giúp Nguyễn Ánh đánh tan được mối hoài nghi từ Xiêm La. Cuối năm Kỷ Dậu (1789), một thuộc quốc của Xiêm La ở bán đảo Mã Lai là Tani có ý định chống lại Bangkok vì chính sách hà khắc của họ. Tiểu vương Tani (Raja of Tani) đã sai một sứ giả tên là Nakkudasung đến Gia Định yết kiến chúa Nguyễn mang hai khẩu súng khamthong và hai

thanh gươm cán vàng đệ trình một quốc thư yêu cầu Nguyễn Ánh đưa một đạo quân đường thủy giúp họ tấn công Bangkok. Sử triều Nguyễn chép:

... Nước Tà Ni (biệt danh nước Chà Và), sai sứ hiến sản vật địa phương và xin quân giúp đánh Xiêm La.

Vua cho rằng nước ta cùng nước Xiêm tình nghĩa láng giềng vốn hậu, nên khước từ phẩm vật mà bảo về, nhân viết thư báo cho nước Xiêm, người Xiêm cảm tạ.¹⁰³

Sử Xiêm La chép rõ là chúa Nguyễn kèm bức thư của tiểu vương Tani để cho Phraya Phimonwari và Phra Ratchamontri trình lên vua Xiêm nhưng không bắt giam sứ giả theo truyền thống của người Việt. Chính nhờ sự thông báo kịp thời của chúa Nguyễn nên vua Xiêm đã sai người đem quân tấn công Tani trước, bắt tiểu vương Tani về giam chung thân.¹⁰⁴

Tuy bang giao Xiêm - Việt có vẻ đầm thắm nhưng không phải vì thế mà không có những thay đổi quan trọng. Trong sử nước ta, Nguyễn Ánh đã xưng vương từ năm Canh Tý (1780) nhưng vương tước đó cũng chỉ sử dụng có tính cách nội bộ hay ngoại giao. Người Xiêm La vẫn gọi ông là Ong Chiang Su (Ông Chiêng Sử, phiên âm của Thượng Sư). Kể từ năm Canh Tuất (1790), chúa Nguyễn mới chính thức dùng danh hiệu vua nước An Nam (Chao Anam Kok) để giao thiệp và sai Ong Bo Ho, Ong Bet Luang, Ong Doi Wian đem cây vàng bạc và quà bao gồm “*một bộ đèn treo, một bộ chân nến, một cặp gương và một mẫu hình chiếc ngự thuyền mà Ong Chiang Su đang định kiến tạo để tặng vua Xiêm*”.¹⁰⁵

Những món quà mà chúa Nguyễn tặng vua Xiêm dường như không phải sản vật của miền Nam mà là những hàng hoá của Âu Châu, cốt để chứng tỏ một điều nước An Nam ngày nay có những tương quan rộng lớn hơn, tuy vẫn chấp nhận một vị trí thấp nhưng không hoàn toàn lệ thuộc vào Xiêm La như trước nữa. Nguyễn Ánh muốn xác định tư cách đó nên cũng gửi cho Phraya Phrakhleng một lá thư cho hay “*Sài Gòn bị hạn hán, mùa mang thất bát nên có thuyền nào của Xiêm sang buôn bán thì nên mang theo gạo thóc vì người dân đang cần để tiếp tục chiến đấu*.”¹⁰⁶ Có lẽ chúa Nguyễn muốn trả đũa khi một viên thượng thư Xiêm La nửa yêu cầu, nửa ra lệnh cho ông gửi gạo cứu trợ vào năm trước.

Trước khi phái đoàn của chúa Nguyễn sang Xiêm không lâu, một đưng độ ở Vientiane đã khiến cho tình hình bang giao của Đàng Ngoài và Xiêm La thêm u ám. Nguyên từ sau chiến thắng quân Thanh, tình hình bang giao Thanh – Việt đã có lúc căng thẳng đến mức Nguyễn Huệ phải chuẩn bị một cuộc xâm lăng lần thứ hai¹⁰⁷. Tuy nhiên sau khi hai bên thông hiếu, vua Quang Trung nhận được bảo đảm của vua Càn Long không tiếp tục giúp đỡ Lê Duy Kỳ nên ông đã có thể mạnh tay hơn với dư đảng Lê – Trịnh ở miền Bắc.

Những cuộc truy quét của Tây Sơn đã khiến cho tàn quân nhà Lê, đứng đầu là hoàng đệ Lê Duy Chỉ phải chạy sang khu vực rừng núi phía tây, liên minh với các mường chạu Bắc Lào để tìm đường khôi phục. Trong khi Nguyễn Huệ bận rộn với việc cầu phong và các phái đoàn hữu nghị của Nguyễn Quang Hiển năm 1789 và đích thân ông sang Bắc Kinh năm 1790, việc đánh dẹp trong nước được giao lại cho các tướng lãnh thân tín, chủ chốt là Trần Quang Diệu lúc ấy là trấn thủ Nghệ An.

Sử nước ta chép tương đối giản lược về những chiến dịch của Tây Sơn đánh với liên quân nhà Lê và Lào¹⁰⁸ nhưng cũng đưa ra một số chi tiết về việc Trần Quang Diệu đánh sang Lào năm 1790 là thời gian vua Quang Trung vắng mặt. Theo sử Xiêm La thì:

... Vua Sisattanakhanahut tại Vientiane đã gửi một báo cáo nói rằng Ong Long Yuang, Ong Duk, và Ong Aem (Ông Long Nhưong tức Nguyễn Huệ, Ông Thái Đức tức Nguyễn Nhạc, Ông Em tức Nguyễn Lữ) đã chỉ định Ong Chiang Ba [Trần Quang Diệu?] và Ong Chiang Wian [Nguyễn Văn Uyên?] cầm một đạo quân Tây Sơn ba nghìn người. Đoàn quân này kết hợp với ba nghìn quân Lào ở Phuan, tổng cộng là sáu nghìn, tiến vào đất Lào. Vua Vientiane điều động một đội quân Lào để ngăn chặn quân Việt, hai bên đụng độ tại Phuan. Quân Lào đánh bại quân Việt từ Đàng Ngoài khiến họ phải tan tác, nhiều người bị giết. Họ tịch thu được một số lớn súng ống và vũ khí. Họ cũng bắt được một số người Lào làm tù binh, trong số đó có Nai Phu-thahan, Nai Thong và Nai Pan. Ba người này và ba mươi binh sĩ được gửi sang Bangkok.

Vua [Xiêm La] ra lệnh giao Nai Phu-thahan, Nai Thong, Nai Pan và ba mươi người lính Việt có tên tuổi cho Ong Bo Ho, Ong Bet Luang, và Ong Doi Wian để họ hỏi cung và lấy tin tức từ các tù nhân ngõ hầu báo về cho vua nước An Nam.¹⁰⁹

Trong khi đó, sử Việt Nam đề cập đến việc này có khác hơn. Trần Quang Diệu và Nguyễn Văn Uyên đem 5000 quân theo đường thượng đạo đánh đuổi, bắt được hai thủ lĩnh Lào là Chiêu Kiểu, Chiêu Nan, đuổi vua nước Vạn Tượng đến tận biên giới Xiêm La. Lê Duy Chỉ, Nùng Phúc Tấn, Hoàng Văn Đồng đều bị bắt và bị giết.¹¹⁰

V. NHỮNG BIẾN CHUYỂN TRONG BANG GIAO XIÊM – VIỆT

Đến giai đoạn này, Xiêm La không phải chỉ có liên hệ với chúa Nguyễn ở trong Nam mà cũng phải quan tâm đến vị trí của vua Quang Trung và nước An Nam ở miền Bắc. Chúa Nguyễn có sự giúp đỡ gián tiếp của người Pháp thì Nguyễn Huệ có sự yểm trợ chính thức của triều đình Trung Hoa. Chính Nguyễn Huệ cũng nhiều lần yêu cầu nhà Thanh can thiệp để Xiêm La chấm dứt đối nghịch với ông, ắt hẳn là ngưng sự trợ giúp quân Lào ở miền bắc và chúa Nguyễn ở miền nam.

Sau khi đi thăm “*hữu nghị*” vua Càn Long trở về, tình hình có nhiều biến chuyển khiến Nguyễn Huệ phải quan tâm hơn. Ông tìm cách thông hiếu với Xiêm La và Miến Điện, kêu gọi các quốc gia Tây phương giao thiệp với Đàng Ngoài và chấm dứt buôn bán với Gia Định. Ngoài ra, ông cũng hết sức cải tổ về hành chính, học thuật và quân sự để bắt kịp với những nhu cầu mới. Việc Nguyễn Huệ lôi kéo các tiểu quốc vùng Thượng Lào không phải chỉ dừng lại ở những tranh chấp ngoại vi mà thực sự là những thăm dò đáng kể về phản ứng của triều đình Bangkok. Cho đến đầu thập niên 1790, khu vực này được coi như dưới quyền kiểm soát của Xiêm La, mặc dù khu vực phía đông sông Cửu Long đóng vai một trái độn lớn trải dài từ Vân Nam xuống tận Hà Tiên. Chính Chân Lạp cũng thần phục Xiêm La từ khi triều đình chúa Nguyễn ở Đàng Trong sụp đổ.

Thái độ của Xiêm La lúc đó rất kín đáo và mềm mỏng. Để bảo toàn lực lượng đối phó với kẻ thù truyền kiếp là Miến Điện từ trên đánh xuống, đối với các đe dọa thứ yếu khác họ dùng chiến lược “*dĩ di tri dĩ*”, một mặt tiếp tục yểm trợ ngầm chúa Nguyễn chống lại anh em Tây Sơn từ phía nam, một mặt sử dụng các tiểu quốc quấy phá cầm chân, tấn công theo các sơn đạo từ Lào vào ngang hông Nghệ An. Chân Lạp có nhiệm vụ như một lực lượng bổ xung và hậu cần cho chúa Nguyễn và thường được điều động tham gia trực tiếp vào mặt trận từ Gia Định đánh ra Qui Nhơn. Có thể vì chung sống và giao thiệp với Xiêm La từ lâu nên chúa Nguyễn cũng biết được đường lối đó và ông cố gắng tách rời sự chủ động của Bangkok càng nhiều càng tốt.

Cũng năm 1790, chúa Nguyễn gửi một lá thư cho vua Xiêm qua một thuyền buôn Trung Hoa đi đường Sài Gòn - Bangkok. Trong lá thư này, ông kết tội hai viên chức Xiêm La là Luang Chamnong và Khun Sanitsaneha đã bắt cóc đàn bà con gái Việt Nam rồi định đưa họ ra khỏi nước mà không xin phép ông. Khi cả bọn đi đến biên giới, lính canh phòng thấy vậy liền giữ những người đàn bà Việt lại. Hai viên quan Xiêm La liền về Bangkok trình lên vua Xiêm sự việc khiến Phật vương gửi cho Khun Samuttangphasa một lá thư có đóng dấu yêu cầu chúa Nguyễn hoàn trả lại tất cả các súng ống mà người Xiêm đã giúp ông từ trước tới nay.

Có lẽ Xiêm La muốn thử lại bài toán của họ để xem Nguyễn Ánh lệ thuộc vào họ tới mức nào nhưng lại cũng là dịp để chúa Nguyễn chứng tỏ vị thế của ông, một vị thế tuy lép vế hơn triều đình Bangkok nhưng không hoàn toàn khuất phục như những tiểu quốc khác. Trước đây chúng ta đã thấy ông thay đổi danh hiệu (trong giao thiệp với Xiêm La) từ một đầu lĩnh địa phương sang quốc vương An Nam mà không thông qua một lễ tấn phong như các tiểu vương khác, đến lúc này lại chứng tỏ sự độc lập về hành chính và quân sự là những điểm son lịch sử đáng nhắc

đến. Việc thu hồi này đơn phương người Xiêm không thi hành với một lý lẽ tương đối mơ hồ, chứng tỏ họ thấy rằng việc đoạn giao với chúa Nguyễn sẽ gây thêm bất lợi:

Ong Chiang Su đã thu thập tất cả các súng ống và chỉ trong vòng tám ngày sẵn sàng để giao lại cho Khun Samuttangphasa, để ông ta giao lại cho Xiêm La. Tuy nhiên Khun Samuttangphasa đã bê trễ chỉ bài bạc, tâu sớ nên đã không hoàn thành nhiệm vụ.¹¹¹

Lá thư của chúa Nguyễn cũng tiết lộ thêm một chi tiết quan trọng khác. Ông đưa ra những bằng chứng là Chaophraya Aphaiphubet (nhiếp chính vương của Cao Miên) đã chiêu mộ một đạo quân Miên lớn, đóng nhiều chiến thuyền mưu tính tấn công bất ngờ vào vương quốc An Nam (tức chúa Nguyễn ở Đàng Trong). Ông bạch hoá vấn đề vì không muốn vua Xiêm phải phần nộ khi nghe tin ông đánh quân Miên. Vốn dĩ chịu ơn Xiêm La trước đây, ông không muốn làm mích lòng ân nhân và yêu cầu vua Xiêm xem xét vấn đề này.

Tuy lời lẽ tế nhị, việc chúa Nguyễn sẵn sàng trả lại những súng ống mà Xiêm La đã viện trợ, và không coi lực lượng Miên vào đâu đã xác định một điều: ông muốn triều đình Bangkok hiểu rằng bang giao giữa hai nước có tính giao hiếu, tương trợ để đối phó với những kẻ thù chung chứ Gia Định không phải là một thuộc quốc của Xiêm La, mặc dầu ông vẫn chịu nước lép.

Đoạn cuối của bức quốc thư này rất hoà hoãn. Chúa Nguyễn cho hay, các tàu chiến mà Xiêm La nhờ người Việt đóng đã sẵn sàng và có thể giao cho Xiêm vào khoảng tháng 9, tháng 10 năm Tân Hợi (1791). Tuy nhiên, chúa Nguyễn cũng vẫn quan tâm về thái độ thù nghịch của Chaophraya Aphaiphubet, Luang Chamnong, Khu Sanitsaneha, Khun Samuttangphasa và có thể họ đã dèm pha, đưa tin sai lạc khiến vua Xiêm phải nổi giận. Ông cũng đề nghị vua Xiêm nên tham khảo thêm các tùy viên của triều đình Bangkok đi theo những người này hầu tìm ra sự thật.

Sự quyết liệt của Nguyễn Ánh đã khiến cho Xiêm La phải mềm mỏng hơn. Ngoài việc thông báo về tình hình chiến sự giữa các tiểu quốc vùng Bắc Lào với quân đội của Nguyễn Huệ tại Phuan, vua Xiêm cũng trấn an chúa Nguyễn là ông không quan tâm đến thái độ thiếu thân thiện của nhiếp chính vương Chaophraya Aphaiphubet và không tin những lời cáo buộc của ông này. Trước đây vì không nhận được thư của chúa Nguyễn nên ông có đôi chút hoài nghi, nay thì mọi việc đã minh bạch và ông tái khẳng định sự trợ giúp chúa Nguyễn cho đến khi hoàn toàn khôi phục lại đất nước.

Để vượt ve và đấu dịu với Nguyễn Ánh về việc Chân Lạp có thái độ thiếu thân thiện, vua Xiêm cũng cho hay sẽ thay thế Aphaiphubet để cho người thừa kế chính thức của hoàng gia Miên là Nakphra-ong Eng (tức Nặc Ông In) lên ngôi ngõ hầu “*hai nước lại đoàn kết như một chẳng khác gì một lá vàng và thường dân cùng thương nhân sống chung trong yên bình, hạnh phúc*”.¹¹² Tuy nhiên vì tình hình tại An Nam cũng như tại Chân Lạp chưa ổn định nên tạm thời phải để Aphaiphubet nắm quyền cho đến lúc mọi việc được sắp xếp xong. Vua Xiêm cũng cho phép thương nhân qua lại hai nước được đem gạo sang bán cho nước ta theo luật lệ và gửi biếu chúa Nguyễn một số tặng phẩm bao gồm “*một con ngựa bạch cao hai sok một khup [1.25 m]; một con ngựa nâu, cao hai sok một khup; một bộ yên cương kiểu Thái nam bạc; một bộ yên*

cương kiếu Tây phương; một chiếc thảm lớn, mười ngàn đầu bút, một chiếc nghiên mực; một hộp mực, một hộp quần bút; mười súc lụa tốt đủ màu; bốn chiếc công lớn; một chiếc trống kiếu Việt; ba lá cờ thêu rồng; mười tám giấy lụa hoa tiên hình rồng; hai chục cuộn giấy lụa đủ màu.”¹¹³

Vua Xiêm cử hai sứ giả là Phra Ratchamontri và Khun Sisena đi theo phái đoàn người Việt mang tặng phẩm sang đáp lễ và từ đó về sau không đề cập đến những bất hoà cũ nữa. Xuyên qua biến cố này, chúng ta thấy rằng Nguyễn Ánh luôn luôn rất cẩn trọng và cứng rắn một khi phải giải quyết những vấn đề liên quan đến quốc thể. Tuy có những giai đoạn thất thế phải bôn đảo, nhiều chi tiết cho thấy lúc nào ông cũng tỏ ra mình là một bậc quân vương của một quốc gia có chủ quyền.

a. Việc kiến thiết của Nguyễn Ánh

Ở vào đầu thập niên 1790, việc khôi phục đất nước vẫn còn rất xa vời nên chúa Nguyễn phải tập trung vào việc xây dựng một quốc gia trong phạm vi lãnh thổ mà ông có được. Trong những năm chiến tranh, đất đai bỏ hoang nhiều, dân chúng thường đói kém, nay tạm có mấy năm yên ổn nên triều đình khuyến khích việc nông tang và cấp cho lính trâu bò điền khí, thóc ngô đậu giống để khai khẩn.

Ngoài việc tổ chức triều đình, hành chánh, lễ nghi, chúa Nguyễn cho xây dựng thành Gia Định theo kiểu bát quái, mở ra tám cửa, giữa là cung điện, bên tả là Thái Miếu, phía là kho tàng, bên hữu là cục Chế Tạo, chung quanh có nhà cho quân túc vệ ở. Giữa sân có một kỳ đài ba tầng, trên là vọng đẩu, ban ngày kéo cờ, ban đêm đốt đèn làm hiệu lệnh.¹¹⁴

Theo bản đồ Sài Gòn vẽ năm 1799 hiện còn tàng trữ trong Văn Khố Thuỷ Văn Pháp (Archives Hydrographique de la Marine) thì thành Gia Định do đại tá Victor Olivier hoạ kiếu, bổ xung bởi M. Brun năm 1795 và J. M. Dayot năm 1799 theo lệnh chúa Nguyễn. Thành xây kiểu Vauban theo trục Tây Bắc – Đông Nam hướng về phía sông Sài Gòn bốn góc có bốn địa điểm phòng thủ.

Trong thành chính giữa là cung vua, phía sau là điện của vương phi, chung quanh có điện của hoàng tử và các trại lính, y viện ... Điều đáng nói là bản đồ này cũng tương tự với bản đồ của Trần Văn Học vẽ năm 1819 (bản đồ này thêm một số khu vực mới phát triển) được thực hiện theo kiểu Tây phương chứng tỏ các hoạ gia đã sử dụng những phương pháp trắc địa của người Pháp huấn luyện, khác hẳn với lối vẽ bản đồ của Á Đông cho tới gần đây cũng còn rất sơ sài, thiếu khoa học. Kỹ thuật trắc địa và hoạ đồ của Âu châu vào thời gian này đã có những tiến bộ đáng kể góp phần rất lớn vào những chuyến viễn du, thám hiểm và kỹ thuật quân sự.

Dưới sự cố vấn của giám mục Adran và một số sĩ quan Pháp, chúa Nguyễn đã cải cách cơ cấu theo kiểu Tây phương một cách triệt để. Theo tường thuật của một nhà ngoại giao Anh trong phái bộ Macartney đến Đàng Trong năm 1793 – tuy một số chi tiết về ngày tháng không chính xác – nhưng cũng nói lên phần nào khung cảnh thay đổi ở Gia Định.

... Ông thiết lập một nhà máy diêm tiêu (saltpetre) ở Fen-tan, mở rộng đường sá để liên lạc giữa các vị trí quan yếu và các thị trấn, trồng cây hai bên đường để lấy bóng mát. Ông cũng khuyến khích việc trồng cau và trâu, những vườn đã bị quân nghịch phá huỷ.

Ông treo giải thưởng cho những ai nuôi tằm; lại dành những khu đất rộng để trồng mía; xây dựng những lò sản xuất hắc ín, nhựa và keo (trét thuyền).

Ông cho đúc hàng ngàn khẩu súng hoả mai (matchlock); khai một mỏ sắt, và xây những lò luyện kim. Ông chia lực lượng trú phòng ra thành những cơ đội,¹¹⁵ thiết lập các trường võ bị trong đó các sĩ quan được dạy về lý thuyết tác xạ và cơ hành súng ống bởi các huấn luyện viên Âu Châu. Adran cũng dịch ra chữ Hán hệ thống chiến thuật quân sự để cho binh sĩ áp dụng. Trong hai năm, ông cũng đóng được ít ra cũng 300 pháo thuyền lớn hay chiến thuyền chèo tay, 5 tàu chạy buồm (lugger) và một soái hạm (frigate) theo các mẫu tàu Tây phương. Ông cũng du nhập hệ thống chiến thuật trên biển và các sĩ quan được dạy về dùng cờ hiệu (signals).¹¹⁶

Theo ghi nhận của một số người Âu có mặt tại Sài Gòn khoảng năm 1800, chúa Nguyễn đã có một đội chiến thuyền, đậu thành 3 doanh theo hàng lối, trong đội hình sẵn sàng tác chiến, được chỉ huy tiến thoái nhịp nhàng bằng cờ hiệu. Chúa Nguyễn cũng du nhập các định chế về luật pháp, bãi bỏ những cực hình, giảm thiểu những hình phạt thiếu tương xứng với tội danh.

Về giáo dục, Nguyễn Ánh thiết lập hệ thống trường công đầu tiên ở Việt Nam, trẻ con từ 4 tuổi trở lên phải đi học, nếu không cha mẹ sẽ bị phạt vạ. Chúa Nguyễn cũng tìm cách cải thiện luật lệ về thương mại và thuế khoá, hệ thống cầu cống và đặt phao cùng đánh dấu các nơi nguy hiểm trên sông và dưới biển để cho tàu bè biết mà tránh đi, các cửa khẩu và các vịnh biển được trắc địa.

Về đối ngoại, chúa Nguyễn xúc tiến việc liên minh với các tiểu quốc và các bộ lạc thiểu số ở phía Tây vùng Ai Lao một cách khôn khéo. Sự làm việc kiên trì và không mỏi mệt của ông đã tạo ra một luồng sinh khí mới nên chỉ trong khoảng 10 năm, từ một nhóm quân nhỏ ông đã xây dựng được một hệ thống “1.200 chiến thuyền, trong đó có ba chiếc do Âu châu chế tạo, 20 đại thuyền giống kiểu Trung Hoa được trang bị và bổ dụng nhân sự đầy đủ, số còn lại là thuyền mang súng lớn và thuyền vận tải.”¹¹⁷

Cuối năm Tân Hợi (1791), chúa Nguyễn gửi thư cho vua Xiêm hỏi mua 1.000 khẩu súng kíp (flintlock) và 60.000 kg [1.000 hap] sắt. Ông gửi tặng Xiêm vương 30 chiếc cáng và 70 chiến thuyền trước đây họ nhờ ông đóng. Người Xiêm không bán súng và sắt nhưng vua Xiêm tặng lại chúa Nguyễn 200 khẩu súng và 6.000 kg sắt tức là 1/5 số hàng đặt mua. Điều này cho thấy người Xiêm đã bắt đầu dè dặt và có vẻ kiêng dè thực lực của Nguyễn Ánh.

Tháng 5 năm Nhâm Tý (1792), chúa Nguyễn lại gửi thư cho triều đình Xiêm La cho hay một bầy tòi của ông trước đây bị Nguyễn Huệ bắt được nhưng lại tha tội cho làm quan. Viên quan này thường thường tìm cách báo cáo các kế hoạch của bên Tây Sơn cho Nguyễn Ánh. Những tin tức mới nhất mà chúa Nguyễn nhận được là vua Quang Trung đã bố trí lực lượng tại Bắc Hà và toan tính đem quân đánh sang Lào rồi tiến xuống Chân Lạp. Chúa Nguyễn cũng nhấn mạnh rằng một khi Nguyễn Huệ chiếm được Chân Lạp rồi, ông sẽ chia binh hai mặt thủy lục đánh vào Bangkok.

Để đối phó với tình hình này, Nguyễn Ánh yêu cầu Bangkok đưa một đạo quân theo đường phía bắc đánh ngang hông Đàng Ngoài. Cùng lúc đó, chúa Nguyễn sẽ đem hai mặt thủy bộ

đánh Qui Nhơn và Huế. Khi nào Xiêm La cử binh xin thông báo cho Gia Định bằng một văn thư chính thức để hai bên tiện việc phối hợp điều binh.

Triều đình Bangkok đã trả lời như sau:

... Xứ Bắc Hà đã cử quân đánh Vientiane. Quân Lào đã chặn đánh quân Việt tại Phuan và quân Bắc Hà bị đánh bại phải tan vỡ. Quân Vientiane đã lùng bắt được 4000 người cả đàn ông lẫn đàn bà, trẻ lẫn già, và đưa họ xuống đây (Bangkok) rồi.

Còn chuyện Ông Long Nhương (Nguyễn Huệ) dự định báo thù và toan tính tấn công Ai Lao và Bangkok thì đó là chuyện của ông ta. Chúng tôi không coi đó vào đâu cả. Về việc vua An Nam (tức Nguyễn Ánh) muốn được thông báo một khi Bangkok phát binh để vua An Nam có thể phối hợp tấn công vào Qui Nhơn và Huế thì quả thực Bangkok đang tiến hành việc điều động quân đội từ các khu vực phía đông và ngay từ kinh đô nữa. Sở dĩ có việc này cũng vì tại khu vực này viên trấn thủ Miến Điện tại Tavoy là Maengchancha đã xin thần phục Xiêm La.

Maengchancha và những viên chức Miến Điện xin được nhà vua che chở nay tình nguyện tấn công vào Martaban và Rangoon. Chiến dịch đánh Ava (tức Miến Điện, gọi theo tên một triều đại cũ đóng đô ở Ava) vào lúc này xem ra đầy hứa hẹn và chúng tôi nhất định sẽ đi đến thắng lợi.

Tuy nhiên trong trường hợp nếu chúng tôi cử binh đánh Ông Long Nhương thì sẽ gửi một văn thư có quốc ấn cho vua nước An Nam. Chúng tôi mong vua An Nam [tức chúa Nguyễn] chăm lo việc quốc sự và giữ cho bền vững.¹¹⁸

Qua hai lá thư này, chúng ta thấy chúa Nguyễn đã cố gắng khích cho Xiêm La trở thành một đối đầu với Nguyễn Huệ để chia xẻ lực lượng và Xiêm La cũng khôn khéo, không từ chối nhưng cũng không hoàn toàn ủng hộ đề nghị của Nguyễn Ánh và không hứa hẹn một điều gì cụ thể cả.

Một điều cần nhắc đến là giai đoạn này Nguyễn Ánh mới thắng một trận lớn ở Thị Nại¹¹⁹, phá tan toàn bộ các chiến thuyền của Nguyễn Nhạc nên muốn thừa thắng xông lên, mượn tay Xiêm La để liên minh trừ luôn Nguyễn Huệ cho dứt hậu hoạn. Tuy nhiên, một phần vì Xiêm La chưa sẵn sàng và kẻ thù chính là Miến Điện vẫn còn đe dọa ở phía bắc, một phần Xiêm La muốn để cho hai con hổ Việt Nam đánh lẫn nhau hầu bớt đi những đe dọa trong tương lai nên kế hoạch của chúa Nguyễn không thành. Vua Xiêm chỉ ve vuốt chúa Nguyễn bằng một ít quà mọn, hai súc lụa tím, hai súc lụa đen, một hộp giấy và một hộp mực.¹²⁰

Những áp lực mới về quân sự, những tiến bộ nhảy vọt của chúa Nguyễn và các lực lượng đối đầu¹²¹ đưa tới sự cảnh giác về tình hình khiến Nguyễn Huệ không có nhiều thì giờ để củng cố vương quốc của mình. Tuy không rõ rệt nhưng theo tài liệu rải rác ở nhiều nơi – kể cả sử Việt Nam - vào giữa năm Nhâm Tý (1792), Nguyễn Huệ đã thân chinh sang đánh Lào và lâm bệnh (có thể là thương hàn hay sốt rét ngã nước), về nước một thời gian thì từ trần. Ngay trước khi mất, ông đã chuẩn bị một cuộc hành quân qui mô toan đánh xuống Gia Định nhưng chưa thực hiện được. Cái chết tương đối bất ngờ của ông sau khi thân chinh đánh Vạn Tượng trở về có

thể ngẫu nhiên nhưng cũng không thể bỏ qua những nguyên nhân cụ thể mà biến chuyển về tương quan lực lượng bạn thù là một yếu tố lớn.

Mặc dù Nguyễn Huệ vẫn tự tin vào sức mạnh và khả năng cầm quân của mình, ông không khỏi e ngại khi thấy đối phương đã chiếm được ưu thế khi cải cách được lực lượng hải quân, có nguy cơ làm chủ được mặt biển. Vì thế, ông tìm cách chuyển các mặt trận lên đất liền và tiến hành việc phân định biên giới với Xiêm La để vô hiệu hoá địa bàn hoạt động của chúa Nguyễn, dồn lực lượng Nguyễn Ánh vào khu vực Gia Định để dễ dàng hoạch định kế sách bao vây và tấn công. Nguyễn Huệ cũng vận động sự can thiệp của triều đình Mãn Thanh để yêu cầu Xiêm La đứng ngoài các cuộc tranh chấp nhưng chính sách ngoại giao đó chưa đạt được kết quả như mong đợi.

Sang năm Quý Sửu (1793), tin tức về việc vua Quang Trung băng hà có lẽ đã lan rộng ra những nước chung quanh. Một điểm quan trọng là các nhà truyền giáo Tây phương lúc này ngã hẳn sang phía chúa Nguyễn, đóng một vai trò rất lớn trong chiến tranh tâm lý, làm dao động và hoang mang trong dân chúng và chính quyền miền Bắc.

... Vào giữa thập niên 1790, dân chúng ở phía bắc bắt đầu loan truyền về việc khi nào, nếu có, quân chúa Nguyễn sẽ đổ bộ lên. Một lá thư của giới truyền giáo viết tháng 8 năm 1794 có nhắc đến những tiên đoán đang phổ biến ở Đàng Ngoài. “Người ta tiếp tục chờ đợi việc chúa chính thống của Đàng Trong sẽ tiến ra, nhưng bao giờ?” Pierre Eyot đã hỏi như thế trong một lá thư đề ngày mồng 6 tháng 8 năm 1794. Vài tuần sau, một thừa sai ở phía nam Đàng Ngoài, Charles La Mothe, ghi nhận rằng việc khôi phục giang sơn của vị chúa mất ngôi ở Đàng Trong là điều “ai ai cũng phấn khởi hi vọng và mong mỏi”.¹²²

Đầu năm Quý Sửu (1793) chúa Nguyễn sai Nguyễn Tiến Lượng mang một lá thư gửi cho vua Xiêm, trong thư nói rằng ông sắp sửa cất quân đánh ra Qui Nhơn nên yêu cầu triều đình Xiêm La ban cho một cái ấn để giúp ông tiện việc yêu cầu các tiểu quốc người Lào cung cấp lương thực khi đưa quân ngang qua. Ông cũng gửi 7 người Việt sang yêu cầu người Lào đừng bán lương thực cho quân Đàng Ngoài.

Vua Xiêm gửi Nguyễn Tiến Lượng đem về cho chúa Nguyễn ba chiếc ấn để ông dùng vào việc hành quân. Tháng giêng năm đó, chúa Nguyễn lại gửi sang Xiêm cây vàng bạc lần thứ tư, kèm theo là một chiếc thuyền rồng cho vua Xiêm, 600 gr kỳ nam, 600 kg sáp ong và 300 kg đường bổi. Tháng tư năm Quý Sửu, chúa Nguyễn thân chinh đem quân ra đánh Qui Nhơn, để đông cung Cảnh giữ Gia Định. Quân chúa Nguyễn bao gồm nhiều sắc dân, có cả người Âu, người Hoa, người Xiêm, người Miên, người Mọi ... chia ra ba mặt, một theo đường biển, một đạo đi đường bộ theo hướng Phan Rí còn các đạo quân Miên đi theo thượng đạo thẳng tới Phan Rang. Sau khi thắng nhiều trận, quân Gia Định tiến đến Thị Nại, vây thành Qui Nhơn.

Nguyễn Nhạc thấy thế nguy, đưa thư cầu cứu Cảnh Thịnh. Nguyễn Quang Toản sai Nguyễn Văn Hưng, Nguyễn Văn Huấn, Lê Trung, Ngô Văn Sở đem 17.000 quân và 80 con voi, 30 chiến thuyền vào cứu. Có lẽ vì tình hình nguy cấp, chúa Nguyễn lại xin Xiêm tăng viện nên tháng 9 năm đó, hoàng thái đệ Xiêm La cùng đại tướng Phi Nhã Chất Tri đem 5 vạn quân

sang đóng ở Nam Vang, 500 chiến thuyền đậu ở Hà Tiên. Chúa Nguyễn thấy thế viết thư thoái thác, lấy lý do thời tiết không thích hợp, quân Xiêm lại rút về.¹²³ Nếu việc này xảy ra, ắt hẳn phải vào giai đoạn quân Gia Định đang sắp sửa đụng độ với viện binh Tây Sơn từ Huế vào và Nguyễn Ánh e ngại nếu để quân Xiêm tiến vào chiếm Đồng Nai thì tình hình sẽ trở nên bất lợi. Cũng có thể chúa Nguyễn chỉ yêu cầu quân Xiêm tiến sang ngả Nghệ An “*vi Ngụy cứu Triệu*” thì họ lại tiến qua ngả Chân Lạp. Biến cố này cũng khiến chúa Nguyễn dè dặt rút quân và ông không dám mở một mặt trận lớn đánh thẳng ra Huế mà luôn luôn phòng ngự hậu phương rất chắc chắn, tiến hành từng bước một theo lối tầm ăn dâu trong nhiều năm.

b. Mâu thuẫn Miên – Việt

Như đã đề cập, vua Xiêm ra lệnh cho Somdet Pha Thalaha nước Chân Lạp chuẩn bị quân đội để sang giúp chúa Nguyễn đánh thành Qui Nhơn. Một đạo quân Miên do Phraya Wang gồm 5.000 người tiến đến Lamkuan nhưng binh lính đào ngũ gần hết. Phraya Wang bị triệu hồi và bị xử tử. Một đạo quân 5.000 người khác do Phraya Kalahom lại được điều động đến giúp Nguyễn Ánh.

Lực lượng Miên có đóng vai trò gì quan trọng không, sử không chép rõ mặc dầu đôi chỗ có nhắc đến việc “*điều bát quân Phiên*”¹²⁴. Các chiến dịch lớn đều không thấy quân Miên tham dự nên chúng ta có thể cho rằng họ chỉ được sử dụng vào công tác hậu cần, phòng ngự mà chính Xiêm La cũng ghi nhận.

Theo sử Xiêm, năm Nhâm Tuất (1802), chúa Nguyễn gửi thư tố cáo Phraya Kalahom về tội tư thông với địch. Nguyên Kalahom được lệnh giữ một địa điểm trong công tác bao vây thành Qui Nhơn và không phải giao tranh như quân Việt. Một số viên chức trong đoàn quân của Kalahom đã thông báo cho chúa Nguyễn là Kalahom đã thư từ qua lại một cách bí mật với Wi Ti Khao Dung và Wi Ti Doi Wong hiện đang bảo vệ thành.

Sau khi hạ được thành Qui Nhơn, chúa Nguyễn bắt được một người tên là Ngui Tham Dok Wian, người này thú nhận chính y đã phiên dịch những lá thư mà Kalahom gửi cho Dung và Wong. Những chi tiết đó chứng tỏ việc tố cáo của các viên chức Miên là đúng sự thật. Khi chiến dịch đã xong, Kalahom đưa quân về vẫn được chúa Nguyễn ban thưởng uỷ lạo. Một điều rõ rệt là càng về sau chúa Nguyễn càng không muốn những viện trợ quân sự trực tiếp từ Xiêm La nên ông tìm mọi cách để từ khước những đề nghị và can thiệp của họ.

VI. THÁI ĐỘ CỦA NHÀ TÂY SƠN

Khi thấy lực lượng chúa Nguyễn tại Gia Định càng ngày càng mạnh, nhất là sau những chiến thắng liên tiếp trong khoảng từ 1791 đến 1793, triều đình Cảnh Thịnh không còn có thể yên tâm chờ địch đến như trước nữa.

Theo sử Xiêm La, vào tháng tư năm Quý Sửu (1793), vua Cảnh Thịnh cử một phái đoàn gồm 6 người đi đường bộ sang Bangkok để xin thông hiếu với Xiêm La. Trong lá thư gửi vua Xiêm ông mong mỗi tạo được quan hệ thân hữu với triều đình vua Rama và nhấn mạnh đến sự phản bội của Nguyễn Ánh với nước Xiêm khi bỏ trốn về nước. Hiện nay quân Gia Định đang đánh vào các tỉnh miền nam như Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh và triều đình Tây Sơn ở Huế đang chuẩn bị một cuộc đại phản công. Trong trường hợp Nguyễn Ánh bị đánh bại chạy trốn sang Xiêm lần nữa, yêu cầu Bangkok bắt giữ chúa Nguyễn để tình nghĩa hai bên được đời đời bền vững.

Cùng với lá thư này, vua Cảnh Thịnh cũng gửi biểu vua Xiêm nhiều quà cáp hậu hĩ. Thực tế, triều đình Cảnh Thịnh cũng biết rằng đối phương thế đang đi lên trong khi lực lượng và hào quang của chính họ không còn được như hai năm trước khi Nguyễn Huệ còn sống. Vào giai đoạn này, nhà Tây Sơn cũng đang hết sức vận động để liên lạc được với bên ngoài ngõ hầu canh tân được lực lượng nhất là về mặt thủy quân.¹²⁵

Vua Xiêm đã trả lời đại lược như sau:

Triều đình Bangkok áp dụng Thập Vương Đức (Ten Royal Virtues) để đối xử với mọi quốc gia, không có ý định áp bức một nước nào, lớn hay nhỏ, cũng như bất cứ thương nhân từ đâu đến cũng luôn luôn độ lượng ưu đãi họ. Có thể so sánh triều đình Bangkok như núi Meru và biển cả là nơi cư ngụ cho thần linh, con người và tôm cá đủ mọi loài. Cũng có thể nói triều đình Bangkok là một đại thụ rợp bóng cho mọi loài chim muông đến làm tổ nơi đây. Khi con chim non đã đủ lông, đủ cánh, đủ đuôi thì chúng bay đi khắp bốn phương, tùy theo nơi nào nó thấy hạnh phúc.

Cũng như thế, trước đây khi Ong Chiang Su khi bị đánh đuổi ra khỏi đất Lokkanai¹²⁶ và chạy đến nhờ triều đình Bangkok che chở, ông ta đã được đối đãi thích hợp với cương vị của ông ấy. Về sau ông ta trở về xứ Lokkanai, cũng không khác gì con chim non nay đã đủ lông đủ cánh bay khỏi tổ để lập nghiệp riêng mà không sợ hãi. Việc đó khiến cho triều đình Bangkok rất hài lòng và vì lòng độ lượng của chúng tôi, chúng tôi không thấy có gì trái nghịch cả.

Còn về việc quý quốc khẳng định là Ong Chiang Su không ở yên nơi xứ Lokkanai mà lại đem quân xâm lấn các xứ lớn nhỏ khác, kể cả Đàng Ngoài và quân Đàng Ngoài đã đánh bại Ong Chiang Su – thì việc này xảy ra ở xa và chúng tôi cũng không được thông báo đầy đủ chi tiết. Còn về việc quý quốc nói là quân Bắc Hà sẽ tấn công Ong Chiang Su và yêu cầu Bangkok điều quân đến biên giới để tiếp tay bắt giữ ông ta một khi ông ta bị đánh bại và bỏ chạy, và chúa tể xứ Đàng Trong sẽ biết ơn thì Bangkok không biết trả lời sao cho phải. Việc trở mặt với một người trước đây mình đã từng dành cho nhiều đặc ân to lớn để coi người ta như một tội nhân thật trái với phép tắc của hoàng gia. Hơn nữa,

rồi đây các nước lớn nhỏ khắp nơi sẽ đồn rằng, Bangkok tham của biểu từ Đàng Ngoài nên đã bắt Ong Chiang Su giao lại cho Bắc Hà không một chút xót thương. Tiếng xấu đó sẽ lưu truyền đến tận cùng trời đất và chúng tôi sẽ không sao gánh chịu nổi.

Cách đối xử của Bangkok, dù sao chẳng nữa, cũng phải phù hợp với Thập Vương Đức như truyền thống. Vua Bắc Hà có xung đột với Ong Chiang Su, nếu như muốn Bangkok làm trung gian hoà giải giữa hai bên thì chúng tôi sẵn sàng.

Ngoài ra, theo như qui quốc đề nghị là vì không biết ranh giới giữa hai nước như thế nào nên Bangkok hãy phái binh đồn trú ở biên thổ thì theo như tục lệ của mọi quốc gia, lớn hay nhỏ, cũng phải quan tâm về lãnh thổ của phiên thuộc, cũng như ranh giới của chính mình. Quốc vương Bắc Hà đã có tài trí để cai trị thần dân thì cũng mong ngài áp dụng đường lối nào mà ngài coi là tốt hơn cả.¹²⁷

Cứ theo như câu trả lời của vua Xiêm Rama I thì triều đình Tây Sơn muốn xác định ranh giới cho rõ rệt giữa hai bên. Theo các tài liệu của thế kỷ XVIII, nhiều tiểu quốc và lãnh địa vùng Bắc Lào khi đó trên danh nghĩa là phiên thuộc Xiêm La nhưng cũng lại thần phục Đại Việt. Có lẽ chính vì thế, vua Cảnh Thịnh muốn xác định lại biên giới cho rõ ràng để ngăn chặn quân của chúa Nguyễn có thể lợi dụng khu vực phía Tây dãy Trường Sơn làm đường tiến quân đánh vào tân đô Nghệ An hiện đang xây dựng. Chúa Nguyễn muốn đưa quân theo thượng đạo đi vòng lên thì phải sử dụng một khu vực trái độn hiện đang trong vòng ảnh hưởng của Xiêm La như chúng ta đã biết. Sự co dãn về ranh giới của vùng này là một mối lo lớn cho vua tôi Tây Sơn nên việc tìm kiếm liên minh với Xiêm La là một vấn đề sinh tử mà Nguyễn Huệ hằng quan tâm ngay từ khi ông còn sống.¹²⁸

Năm Giáp Dần (1794) khi chúa Nguyễn cho người sang báo cáo tình hình chiến trận cho vua Xiêm thì phái đoàn cũng nhận được bản sao của tất cả những thư từ qua lại giữa Xiêm La và Tây Sơn để đem về trao lại cho Nguyễn Ánh.

...Phái đoàn [Tây Sơn] nhận quốc thư trả lời của vua Xiêm rồi từ biệt. Sau đó khi vua nước An Nam [chúa Nguyễn Ánh] sai Ong Bet Luang và Ong Doi Wian làm sứ giả mang thư thông báo cho nhà vua [Xiêm] về tình hình chiến trận hồi tháng hai năm Dần thì nhà vua ra lệnh chép lại các thư từ giao thiệp này giao lại cho sứ bộ mang về cho vua An Nam.¹²⁹

Việc này sử triều Nguyễn chép như sau:

Quản Hậu thuỷ dinh là Bảo hộ Nguyễn Văn Nhân, Hiệu úy Hữu chi Trung quân là Nguyễn Văn Nhân sung Chánh phó sứ sang Xiêm (cho vua thứ hai 20 cái cánh).

Trước là giặc Tây Sơn Nguyễn Quang Toản sai sứ đem vàng bạc lễ hậu cầu thông hiếu với Xiêm, làm kế “hoà xa đánh gần”. Người Xiêm biết ý, vừa gặp sứ ta đến, đem hết việc nói cho ta biết. Lại nói: “Nếu nay bắt sứ ấy đưa cho ta giết thì giặc cũng không hết, chi bằng nhân kế làm kế khiến cho giặc tin, Phú Xuân tất không đề phòng”. Nhân cùng ta hẹn ngày cất quân. Quân Xiêm theo đường núi đánh mặt sau, quân ta do đường thuỷ đánh mặt trước. Phú Xuân đã lấy được thì Qui Nhơn không đánh cũng vỡ. Sứ ta về báo

*cáo. Vua bên sai bọn Nhân sang ước ngày phát quân. Vừa nước Xiêm có việc với Diên Điện nên việc ấy không thực hiện. Bọn Nhân trở về.*¹³⁰

Ngược lại, triều đình Tây Sơn ở Thuận Hoá cũng tìm cách liên minh với các tiểu quốc miền Bắc Thái và vươn dài cánh tay sang kết hợp với Miến Điện. Ngoài những chi tiết rời rạc mà người ta mới phát hiện gần đây về việc một số Mường Châu bí mật giao ước với vua Quang Trung để làm nội ứng,¹³¹ Xiêm La thực lục [Đệ Nhất Kỷ] cũng ghi nhận vua nước Lan Chang là Nanthasen ở Vientiane và Phra Baromracha, trấn thủ Nakhonphanom, đã bí mật chuẩn bị nổi dậy nên bị vua Rama I tìm cách triệu về Bangkok trút ngôi và tống giam.

Trong tình hình chưa thể tách ra khỏi Xiêm La để đảm đương việc chống Tây Sơn một cách độc lập, năm Ất Mão (1795), chúa Nguyễn lại sai Ong Bo Ho và Ong Pho Krung đem sang Bangkok dâng cây vàng bạc, 600 gr kỳ nam [10 tamlung], 600 kg sáp ong [5 hap], 300 kg đường bổi [5 hap] đồng thời cho biết chúa Nguyễn đã nhận được 21 con voi chiến mà vua Xiêm gửi qua.¹³²

Những năm sau, chúa Nguyễn bận rộn việc đánh với Tây Sơn nên giao hiếu với Xiêm La nặng phần hình thức nhưng không phải vì thế mà không mật thiết. Nhờ thế đang lên, đã có những lần Xiêm La phải kêu gọi quân Việt sang giúp. Để ngăn chặn người Pháp đặt chân vào Miến Điện, người Anh gửi phái đoàn Michael Symes để ký với Ấn Độ giải quyết các vấn đề biên giới và ngoại thương. Người Xiêm e ngại người Anh sẽ giúp người Miến nên đã viết thư yêu cầu Nguyễn vương đem quân sang giúp bảo vệ Samutprakan. Chúa Nguyễn sai Trần Phúc Chất đem thư sang Xiêm hứa sẽ giúp, Xiêm vương tặng cho Nguyễn Ánh 100,000 cân diêm tiêu và sốt sáng hứa hẹn “... ngày nào quân ta [quân chúa Nguyễn] đánh Tây Sơn, nếu thiếu quân dụng [thì vua Xiêm] sẽ xin giúp. Lại xin chọn người giỏi hội với bộ binh Xiêm theo đường thượng đạo thẳng tới Vạn Tượng để đánh úp lấy Nghệ An, một là để chặn đường viện binh từ Bắc Hà, một là để đánh sau lưng Thuận Hoá, đến đâu thì quân nhu sẽ có người Man Lào cung ứng, không phải lo.”¹³³

Khi Xiêm La yêu cầu, chúa Nguyễn sai hữu quân Nguyễn Huỳnh Đức và chưởng cơ Nguyễn Văn Trương đem hơn 7.000 thủy binh và hơn 100 chiến thuyền sang giúp nhưng khi đến Côn Lôn thì chiến sự đã xong nên lại rút về.¹³⁴ Việc này sử Xiêm chép khá tường tận:

Nói về các cuộc hành quân vào lúc đó, vua Xiêm tin rằng người Anh sắp sửa nhúng tay vào vì các tù binh Miến cung khai trình hợp với các thông tri người Miến đưa ra trước đây. Vì thế nhà vua gửi một văn thư chính thức có đóng dấu cho vua An Nam, yêu cầu gửi quan sang giúp phòng thủ Samutprakan. Vua An Nam hồi đáp báo rằng ông đã sai Ong Hi Kun chỉ huy thủy quân, Ong Yam Kuan làm phó tướng, cùng với Ong Po Ho, Ong Tham Tri, Ong Bin Po, Ong Thung Wai, Ong Phon Wai, Ong Wo Wai, Ong Fet Wai, và Ong Pho Tiang sang giúp. Họ mang theo 15 chiến thuyền lớn rộng 15 wa [30 mét], 15 thuyền kulai, 78 thuyền ngae-sai – tất cả là 108. Binh sĩ tổng cộng là 7.720 thủy binh có trang bị vũ khí. Lực lượng khởi trình ngày mồng năm tháng năm.

Tuy nhiên, việc người Miến đoán chắc rằng người Anh sẽ đem hải quân giúp họ tấn công Bangkok hoàn toàn không có thật. Nhà vua khi đó mới gửi thư yêu cầu lực lượng Việt dừng lại vì không còn cần đến.¹³⁵

Cũng năm đó (Đinh Tị, 1797), chúa Nguyễn lại sai người đem cây vàng bạc sang Xiêm lần thứ 6. Kèm theo biểu tượng thần phục này là các loại phướng vật gồm có 600 gr [10 tamlung] trầm hương, một bộ đồ trà viền vàng, bốn khẩu thần công bằng đồng bắn đạn 5 niu, 16 đại bác bằng sắt bắn đạn 4 niu, 300 kg [5 hap] sáp ong, 300 kg [5 hap] đường bổi. Khi phái đoàn trở về, vua Xiêm tặng lại cho Nguyễn Ánh 30 tấn [500 hap] thuốc súng, 10 súc lụa, một chiếc thuyền phenma dài 17 m [8 wa 2 sok] và 26 mái chèo.¹³⁶

Năm Kỷ Mùi (1799), nhân khi người chị của vua Rama I từ trần, chúa Nguyễn cũng cho người sang phúng điếu 180 kg [3 hap] sáp ong, 600 kg [10 hap] đường bổi. Ngoài ra còn các phẩm vật dành cho vua Xiêm bao gồm 600 gr [10 tamlung] kỳ nam, 20 súc lụa xanh patsatu, 20 súc lụa tím, 300 kg [5 hap] kim nhũ, 230 cuộn giấy vàng, 15.000 tờ giấy bạc lớn và 30.000 tờ giấy bạc nhỏ (để dùng trong đám ma).

Thời gian này cũng là thời gian chúa Nguyễn chuẩn bị những chiến dịch lớn sau cùng đánh nhà Tây Sơn. Vào cuối tháng 3 năm Kỷ Mùi (1799), chúa Nguyễn sai Nguyễn Văn Thụy (Thoại) và Lưu Phước Tường sang Xiêm tặng cho vua Xiêm một thuyền đại hiệu và 10 súng gang đồng thời gửi thư yêu cầu Xiêm điều động Chân Lạp và Vạn Tượng theo đường thượng đạo đánh vào Nghệ An để chia xẻ thế mạnh của Tây Sơn.

Vua Xiêm cũng gửi tặng lại cho chúa Nguyễn 30.000 kg [5.000 hap] diêm tiêu và cho phép mua của Xiêm số sắt cần dùng. Về việc điều quân Miên và Lào thì vua Xiêm cho rằng đã đến mùa mưa, việc đưa quân đi ngang rừng núi không tiện, có gì phải đợi đến mùa khô. Do đó, Rama I chỉ bằng lòng sai quân Miên theo chúa Nguyễn đi đánh Qui Nhơn mà thôi.

Khi Nguyễn Văn Thụy và Lưu Phước Tường về trình lên chúa Nguyễn, Nguyễn Ánh tỏ ra bất bình, không công khai phản đối nhưng vẫn lấy danh nghĩa hư trương thanh thế rằng liên quân Xiêm – Lào sắp đánh Nghệ An. Chuyến đi sứ đó Việt sử chép như sau:

...Cho Cai cơ Nguyễn Văn Thụy làm Khâm sai thượng đạo tướng quân, Cai đội Lưu Phước Tường làm Khâm sai điển quân, hiệp cùng Tham mưu Nguyễn Hoài Châu và Tham quân Lê Văn Xuân đem quân sở thuộc 150 mang quốc thư và quan vật (các thứ nhiều sa gấm đoạn) theo đường thượng đạo sang chiêu dụ nước Vạn Tượng. Bọn Thụy mới đến nước Xiêm, vua Xiêm sắp sai tướng để cùng đi với Thụy, chợt xảy việc với Điện Điện, bèn hiến 5 vạn cân diêm tiêu để giúp quân dụng, lại cấp cho giấy thông hành qua thượng đạo và nói: “Giấy thông hành này rất đặc lực, ta sai người cầm giấy đi, đến đâu cũng có người cung ứng hộ tống không trở ngại gì”. Bọn Thụy về đến hành tại, đem việc tâu lên. Vua sai đi ngay, dụ rằng: “Việc quân không nề dối trá, chính có thể nhân cơ mà làm. Bọn người đến nước Vạn Tượng nên phao tiếng là quân Xiêm cùng với quân ta do đường thượng đạo đánh Nghệ An, khiến cho quân giặc kinh sợ ngờ vực, không dám vét hết quân Bắc Hà vào cứu viện, như thế thì thành Qui Nhơn bị cô lập, sớm chiêu hãn vớ ...”

Khi Nguyễn Văn Thụy và Lưu Phước Tường đến được Viên Chăn (thủ đô Vạn Tượng), vua Vạn Tượng là Chiêu Ân tiếp đón nói rằng:

*Tây Sơn là cừu địch của nước Vạn Tượng. Ngày nọ nghe tin quân Thanh Hoá và Nghệ An giặc đã đem hết về Thuận Hoá, nay nhân sơ hở mà ập đánh tướng cũng không khó. Nhưng mùa gió nam muộn rồi, chưa biết quân nhà vua tiến thoái thế nào? Nếu lấy được chưa chắc đã giữ được. Chi bằng sai một người trở về tâu kín việc binh, đợi đến sang năm định hẹn, hễ quân nhà vua tiến đánh Thuận Hoá, thì Ân sẽ xin đem hết quân trong nước thẳng xuống Nghệ An quyết đánh một trận để giết hết Tây Sơn, bắt lấy đảng nó làm nô để rửa nhục cho người trước, đó là lòng mong mỏi của Ân.*¹³⁷

Năm Tân Dậu (1801), chúa Nguyễn lại sai Lưu thủ Vĩnh Trấn Nguyễn Văn Thiện và Tham tri Công bộ Nguyễn Khắc Thiệu đem cây vàng bạc và 600 gr [10 tamlung] kỳ nam, 300 kg [5 hap] sáp ong, 300 kg [5 hap] đường bồi sang Bangkok. Vua Xiêm tặng lại chúa Nguyễn 3 tấn [500 hap] diêm tiêu, một súc lụa tím, một súc lụa xanh, một súc lụa đen.¹³⁸

Cuộc tiến quân của chúa được các lực lượng tiếp viện của đồng minh ở phía tây đẩy anh em Nguyễn Quang Toản vào thế bị giáp công từ nhiều phía. Họ cũng còn bị chia cắt với một đồng minh quan trọng là Miến Điện. Theo Xiêm La thực lục [Đệ Nhất Kỷ] thì:

*Vào năm con chó (tức năm Nhâm Tuất 1802), tức năm thứ tư của triều đại, và là năm 1164 của kỷ Chula, Phraya Chiangmai gửi một bản tin nói là ông đã sai một đạo quân tấn công Sak. Quân của ông ta đã bắt được lãnh tụ của Sak tên là Racha Chomhong và con trai là Maikhattiya cùng với 5000 cư dân của xứ này. Bị bắt cùng với họ là một người Miến Điện tên là Suringmani mà vua xứ Ava (tức vua Miến) đã sai mang một lá quốc thư sang Bắc Hà (Tonkin). Cũng bắt được thêm hai lá thư Việt Nam có quốc ấn gửi cho vua Ava. Phraya Chiangmai đã sai giải giao xuống Bangkok Racha Chomhong, Maikhattiya, Suringmani, một người Miến tên là Ai Chare và các lá thư của Việt Nam. Ông ta cũng gửi một lá thư riêng cho hay là có tin tức thêm rằng Miến Điện đang xua quân tấn công Chiangmai ...*¹³⁹

Đến giai đoạn này, tình hình nước ta đã đến hồi kết cục. Triều đình Cảnh Thịnh (sau đổi là Bảo Hưng) đã thua tại nhiều nơi, mất cả kinh thành phải chạy ra Bắc. Tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802), chúa Nguyễn lên ngôi lấy niên hiệu là Gia Long.

Ngày 17 tháng 6, vua tôi nhà Tây Sơn bị bắt ở Bắc Ninh. Ngày 21 tháng 6, vua Gia Long vào thành Thăng Long. Ngoài việc ổn định tình thế, chiêu dụ tướng sĩ, vua Gia Long nghĩ ngay đến việc bang giao với nhà Thanh và cầu phong. Việc được Trung Hoa công nhận là ước mơ của mọi vị vua nước ta để coi như chính thống. Ông thiết tha với danh hiệu quốc vương nên đã có ý muốn tiếp sứ Thanh ở cửa ải.¹⁴⁰ Chính vì việc này mà chúa Nguyễn cũng ngần ngại khi đem quân ra Bắc Hà vì lúc đó Nguyễn Quang Toản vẫn còn là một khuôn mặt hợp pháp đối với nhà Thanh.

VII. CHÍNH SÁCH CỦA VUA GIA LONG

Sau khi lên ngôi, vua Gia Long vẫn tiếp tục một chính sách thân thiện với Xiêm La nhưng trong một tư thế bình đẳng hơn và cố gắng xác định rằng tương quan giữa hai nước không còn như trước nữa.

Theo Xiêm La thực lục [Đệ Nhất Kỷ] thì năm Kỷ Hợi (1803), vua Gia Long gửi một lá thư thông báo cho vua Xiêm biết diễn tiến tình hình tại Việt Nam, việc tái chiếm Thuận Hoá và Thăng Long cùng việc xử tội toàn gia Ông Hoàng Trát (Wang Kroet) tức Nguyễn Quang Toàn để tế tổ tiên.

Để trả ơn hai vua Xiêm La trước đây đã “*tặng hoặc bán cho ông súng ống, đạn dược, và các loại sắt thép, thiếc, đá lửa, gỗ ... giúp ông gia tăng lực lượng quân sự để đi tới thắng lợi. Nay ông sửa soạn những tặng phẩm sau đây để biếu vua Xiêm: mười thoi vàng, một trăm thoi bạc, một thanh kiếm cong, 6 hap [360 kg] sáp ong, 60 hap [3600 kg] đường bối, 250 súc lụa Việt đủ màu. Về phần vua thứ hai của Xiêm, vua Gia Long biếu 5 thoi vàng, 50 thoi bạc, 4 hap [240 kg] sáp ong¹⁴¹, 40 hap [2400 kg] đường bối, 150 súc lụa đủ màu*”.¹⁴²

Tuy nhiên, vua Gia Long cũng ngầm khẳng định lại vị thế mới của mình và không còn gửi cây vàng bạc sang Xiêm nữa.¹⁴³ Ông cũng biết rằng một khi đứng vào vị thế ngang hàng với Xiêm La và Miến Điện trong vùng Đông Nam Á, những tranh chấp về quyền lợi, lãnh thổ ... là điều không thể tránh khỏi trong tương lai. Có lẽ ông cũng muốn giữ trọn tình với Xiêm La nên những đụng độ đầu tiên giữa hai bên chỉ xảy ra khi Rama I đã qua đời.

Tháng 11 năm đó, vua Xiêm sai Phra Phetcharapanisisunthon cầm đầu một phái đoàn, có Luang Ratchanakhanaratchamontri làm phó sứ, Nai Sane làm bồi sứ và Khun Sisenaprachaban làm thông ngôn đem quốc thư và phẩm vật sang nước ta mừng vua Gia Long. Những quà biếu bao gồm: một vương miện, ba tấm chăn thêu, bốn súc vải, một kiệu vàng, một chiếc lọng cán dài ... Vua Gia Long phúc đáp cảm ơn Xiêm vương nhưng không nhận chiếc mũ và chỉ nhận những tặng vật khác. Sự từ khước có thể coi như khẳng định ngầm rằng từ nay Việt Nam đứng ngang hàng với Xiêm La.¹⁴⁴

Một chi tiết đáng chú ý là tháng 12 cùng năm, đệ nhị vương Xiêm La – tức hoàng thái đệ Kromphraratchawang Bawon Sathamongkhon từ trần tại điện Buraphaphimuk, thọ 60 tuổi. Hai người con của ông này âm mưu soán ngôi vua Rama I (tức là bác ruột của họ), việc bị bại lộ nên bị bắt chém đầu.

Theo Klaus Wenk, trong suốt thời gian vua Rama I còn trị vì, vua Gia Long vẫn rất thân mật, nhiều lá quốc thư gửi sang đôi khi nhắc đến những việc riêng tư. Tuy nhiên, ông vẫn đề phòng một khi vua Rama I chết đi, vua thứ hai của Xiêm (Maha Uparat) nối ngôi rồi có thể không hoà hoãn như trước vì hai người vốn có những đụng chạm từ khi ông còn ở Xiêm La. Theo sử Xiêm, tháng 8 năm Canh Tý (1804), vua Gia Long đã gửi một phái đoàn do Kwan Thiang Dao và Cam Sap Chuang mang quốc thư và tặng phẩm bao gồm 5 thoi vàng, 50 thoi bạc, 100 súc lụa đủ màu, 100 súc vải trắng. Ngoài ra vua Gia Long cũng gửi 300 kg [5 hap] sáp ong, 300 kg [5 hap] đường thốt nốt để dùng vào lễ hoả thiêu đệ nhị vương. Trong thư gửi vua Xiêm, vua Gia Long phân tích về nguy cơ không lập thái tử và hối thúc Rama I mau mau chỉ định người

thừa kế. Lễ vật của Việt Nam đến Bangkok thì lễ hoả táng đệ nhị vương Xiêm La đã hoàn tất. Vua Xiêm cũng gửi tặng vua Gia Long một súng kíp (flintlock) báng nạm vàng, một súng báng nạm vàng pha đồng, một súng hai nòng, nhiều đồ trang sức bằng đá quý, kim cương và các loại vải vóc ... Trưởng tử của Xiêm vương là Chaofa Kromluang Itsarasunthon cũng gửi nhiều quà cho vua Gia Long.¹⁴⁵

Tháng 2 năm Ất Sửu (1805), vua Gia Long lại gửi một phái đoàn do trấn thủ Hà Tiên cầm đầu sang Bangkok mang quốc thư gửi vua Xiêm và thư riêng của hoàng hậu gửi cho con trai của Tôn Thất Xuân [Tôn Thất Xuân là chú vua Gia Long đã chết, con của ông này tức em họ vua Gia Long]¹⁴⁶ ban cho một thoi vàng nặng 600 gr [10 tamlung], 5 thoi bạc nặng 600 gr [10 tamlung] để tạ ơn đã tặng bà một chiếc nhẫn kim cương hồi năm ngoái do phái đoàn Việt cầm về. Ngoài ra, phái đoàn còn đem qua nhiều quà cáp đáp lễ của vua Gia Long gửi các viên chức Xiêm La.

Nhân dịp này, vua Rama I cũng viết thư cảm ơn vua Gia Long và thông báo quyết định lập con trai trưởng – hoàng tử Itsarasunthon - lên làm đệ nhị vương – Kromphraratcha-wang Bawon Sathanmongkhon - để thừa kế ngai vàng một khi ông mất để vua Gia Long khỏi lo.

Năm Bính Dần (1806), Xiêm La cử hành lễ tấn phong và đội mũ cho hoàng thái tử, vua Gia Long đã cử một phái đoàn do Kham Sai Cai và Koe Thin Lok Hao đem quà sang mừng. Tặng phẩm gồm có 2.4 kg [2 chang] kỳ nam, 3.6 kg [3 chang] quế loại tốt, 2.4 kg [2 chang] quế loại vừa, 300 súc lụa đủ màu, 100 súc lụa trắng, 50 súc vải Bắc Hà. Quà cho hoàng thái tử bao gồm 100 súc lụa mỏng đủ màu, 50 súc lụa trắng, 50 súc vải trắng và 50 súc vải Bắc Hà.¹⁴⁷

Tháng 9 năm Kỷ Tị (1809), vua Rama I từ trần tại điện Phaisanthaksin, Bangkok, hưởng thọ 74 tuổi, trị vì 28 năm. Hoàng tử Itsarasunthon lên kế vị, tức vua Rama II (Phra Phutthaloetra Naphalai). Khi ấy ông đã 41 tuổi. Đến giai đoạn này, binh thế của Xiêm La so với Việt Nam thì không bằng nên họ phải nhượng bộ trong nhiều cuộc tranh chấp và bang giao Việt - Xiêm càng lúc càng căng thẳng nhưng những đụng độ lớn chỉ xảy ra khi vua Minh Mạng lên ngôi.

VIII. KẾT LUẬN

Khi đánh giá lại tình hình Việt Nam cuối thế kỷ XVIII, chúng ta thấy có nhiều nguồn tài liệu khác nhau và những chi tiết không đồng nhất. Con đường khôi phục quyền lực của chúa Nguyễn Ánh có nhiều điểm chưa hoàn toàn minh bạch, điển hình là giai đoạn hai năm từ 1782 đến 1784. Chúng ta cũng không thể khẳng định chúa Nguyễn sang Xiêm La năm Nhâm Dần (1782) hay năm Quý Mão (1783) và quân Xiêm sang nước ta một lần hay hai lần.

Trước đây, các sử gia chỉ thuần túy nhìn lực lượng viện binh của Xiêm La như những đoàn quân “xâm lược” nên hành động của Nguyễn Ánh bị kết án là “cõng rắn cắn gà nhà”. Tuy nhiên, nếu nhìn vào các hình thái liên minh và tổ chức chính quyền của khu vực Đông Nam Á, với biên cương quốc gia, dân tộc và cơ cấu tương đối linh động, co giãn thì không phải chỉ có hai đối thủ Tây Sơn và Nguyễn Ánh mà là những thế lực chông chéo, qua lại. Bên cạnh chính quyền của từng vùng, từng giai đoạn, chúng ta lại thấy có những lực lượng địa phương rất đáng kể như người Hoa, người Miên, người thiểu số ... bị khai thác và lôi cuốn vào đấu tranh trong một thế bất đắc dĩ ngoài ý muốn. Mạng lưới kinh tế của khu vực bao gồm cả người bản xứ và thương nhân cũng quan trọng trong vai trò liên lạc, hậu cần và cả chiến đấu khi bắt buộc.

Sự liên hệ giữa chúa Nguyễn với Xiêm La vẫn được xem xét dưới lăng kính “giả” mà sử thần nhà Nguyễn chép rất kỹ cả:

... Năm Mậu Thân thứ 9 (1788), lấy lại Gia Định, vua cũng nghĩ đến tình lân hiếu. Từ đó thường sai người đưa thư, cho quà cáp và đem tin thắng trận báo cho biết. Người Xiêm mỗi khi thấy sứ ta đến cũng đem phượng vật đưa dâng. Năm Kỷ Dậu thứ 10, người Xiêm bị đói kém, xin đong gạo của ta. Vua sai bán gạo ra hơn 8800 phượng.

Những liên hệ song phương 10 năm sau đó, sử không chép mà nhảy vọt sang:

Năm Mậu Ngọ thứ 19 [1798], nước Xiêm bị nước Miến Điện đánh, sai sứ sang xin quân cứu viện của ta. Vua sai hữu quân là Nguyễn Hoàng Đức và chưởng cơ là Nguyễn Văn Trương đem binh thuyền đến cứu viện. Khi đến biển Côn Lôn, người Xiêm đã phá vỡ quân Miến, sang báo tin thắng trận, bèn rút quân về.

Để xoá mờ những chênh lệch trong tương quan Xiêm – Việt giữa vua Rama I và chúa Nguyễn, với cách miêu tả tưởng như hai bên bình đẳng, thực sự vị thế hai bên có những bất đồng. Xiêm La đã hình thành một đại quốc có nhiều ưu điểm về chính trị, kinh tế cũng như quân sự trong khi chúa Nguyễn chỉ mới bắt đầu khởi nghiệp, thế cô, lực nhược và chưa nhìn thấy một tương lai sáng sủa. Nếu như anh em Tây Sơn không có những mâu thuẫn, có lẽ Nguyễn Ánh cũng chỉ mong chiếm lại Gia Định để xây dựng một giang sơn riêng, làm chúa một cõi. Chưa nói đến chênh lệch về tuổi tác (vua Rama I sinh năm 1737, chúa Nguyễn sinh năm 1762, kém 25 tuổi), sự khác biệt về vị thế giữa hai bên đưa đến việc Nguyễn Ánh bằng lòng thần phục Xiêm La như một thuộc quốc thật không có gì phải ngạc nhiên. Khi ở Bangkok, tuy không bị đối xử như một vương tử “du học” theo kiểu Ang Eng (Nặc Ông In) - nghĩa là hoàn toàn được đào tạo theo lối Thái - nhưng địa vị và quyền lợi cũng tương tự. Người Xiêm chỉ coi ông như một ông hoàng vong gia thất thổ đến nương nhờ, hưởng trợ cấp hàng tháng, nửa quan lại, nửa quốc khách. Triều đình Xiêm La cũng nuôi dưỡng cùng một lúc không phải chỉ một Nguyễn Ánh mà nhiều

người khác, có khả năng và điều kiện để trở về làm vua ở các tiểu quốc Vạn Tượng, Chân Lạp, Xiêm Mai ... Điều khác hơn là ông được tham dự các buổi thiết triều và ngồi xếp bằng như lối Việt Nam, thay vì quỳ mọp như quan lại khác.

Rất có thể ông chưa hẳn đã là lá bài tốt nhất nên Nguyễn Ánh phải bỏ trốn trong một cuộc vượt thoát rất phiêu lưu. Xét về tiềm năng về làm vua xứ Đàng Ngoài, trước đây đã có Tôn Thất Xuân¹⁴⁸, Mạc Thiên Tứ sang sống ở Xiêm La thì giai đoạn này cũng có thể có nhiều người khác chạy sang nương nhờ để mưu toan phục quốc. Có điều về sau chúa Nguyễn hoàn thành đại nghiệp nên một số người khác bị thanh trừng dưới tội danh kiêu ngạo, phản bội, hải tặc hay ngộ thất quân cơ ... Đó là lý do mà tài liệu từ Xiêm La, Việt Nam và Tây phương có một khoảng thời gian hơn một năm (1782-1784) thiếu đồng nhất.

Khi đã lấy được Gia Định rồi, thực lực của Nguyễn Ánh vẫn chông chênh như bao lần trước, khó có thể chống được với đại quân Tây Sơn từ Qui Nhơn hay Thuận Hoá kéo vào. Việc chúa Nguyễn hết sức tích cực cải cách quân sự và hành chính không phải chỉ để đối phó với Tây Sơn mà cũng để dần dần thoát ly khỏi sức ép của Xiêm La. Nhìn vào góc cạnh đó, cơ hội du nhập văn minh cơ giới và cải cách của Tây phương không những giúp chúa Nguyễn hoàn thành giấc mộng đế vương mà cũng là yếu tố quan trọng để duy trì tư cách độc lập của mình.

Như trên đã viết, chỉ đến sau khi lên ngôi, vua Gia Long mới không còn thân phục Xiêm La nữa và lẳng lẳng huỷ bỏ một tướng quan bất bình đẳng. Chính vì thế mới có một việc trở trêu sau đây:

Năm thứ 6, tháng 2 [Đinh Mão 1807] nước Xiêm lập người con thứ là Chiêu Lục Thụ làm nhị vương, sai sứ dâng phương vật và báo tang của tam vương nước ấy.

Vua dụ quần thần rằng: Nước Xiêm đem tang của tam vương báo cáo với ta rất là vô vị. Nhưng ta cùng nước Xiêm giao hiếu, nghĩa không nên đoạn tuyệt, bèn sai sứ sang phúng. Kịp khi về người Xiêm đưa thư tỏ bày tạ ơn.

Tháng 7, Xiêm Phật vương là Chất Tri chết (ở ngôi 28 năm), con là nhị vương Chiêu Lục Thụ nối ngôi, phong cho em là Chiêu Oan Na làm nhị vương. Người em khác mẹ là Chiêu Mân vì có không được lập mưu làm loạn, bắt được giết đi¹⁴⁹. Tháng 12, sai sứ sang báo tang. Khi sứ đến thành Gia Định, thành thần thấy lời nói trong thư phần nhiều khoe khoang, cho là nhận thư thì làm thêm sự kiêu ngạo của họ mà khước đi thì hại việc hoà hiếu. Bèn dâng mật sớ tâu lên, vua nói: “Người Xiêm không có văn tự, đó là lỗi của người Trung Quốc sinh sớ, không đáng trách”. Sai đưa sứ vào kinh hậu đãi rồi cho về. Bèn sai sứ sang phúng.¹⁵⁰

Việc báo tang ấy không “vô vị” chút nào mà là tiếp nối một truyền thống có sẵn giữa chúa Nguyễn và triều đình Bangkok. Có điều bây giờ người nhận tin lại là vua Gia Long, một người cũng được nhà Thanh phong hiệu Việt Nam quốc vương ngang với Xiêm La quốc vương chứ không còn là Nguyễn Ánh ngày nào. Sử nhà Nguyễn bỏ qua 10 năm từ 1788 đến 1798, rồi lại chỉ đề cập đến việc đem quân cứu viện và báo tang chứng tỏ triều đình không muốn nhắc đến những liên hệ mà chúa Nguyễn bị lép vế. Dù chỉ là việc tòng quyền khi sa cơ thất thế, sử gia đã lập lờ giữa “thông hiếu” và “thần phục”.

Tương quan Xiêm – Việt cuối thế kỷ XVIII có nhiều chi tiết ẩn ẩn, hiện hiện khiến hậu nhân đã đánh giá là họ có âm mưu can thiệp vào việc nội bộ của Việt Nam. Thực ra, mô hình *mandala* là một hình thức rất phổ cập của các quốc gia Đông Nam Á. Khi đã coi như một việc đương nhiên, chấp nhận đóng một vai trò trong đó có nghĩa là phải tuân thủ một số nghĩa vụ và được hưởng một số quyền lợi. Chúa Nguyễn đã nhận được sự trợ giúp quân sự từ Xiêm La và các thuộc quốc – từ nhân lực đến tài lực, vật lực, vũ khí - không phải chỉ một lần. Ông cũng phải “*đóng góp*” một khi được yêu cầu như trong vụ đưa quân sang giúp Xiêm La để chống với quân Anh – Miến (nhưng không xảy ra). Ngoài hình thức triều cống “*cây vàng bạc*”, chúa Nguyễn cũng phải tham gia vào những sinh hoạt khác như cử người tham dự những đại lễ, kể cả tang ma hiếu hỉ của triều đình Bangkok. Vì thực lực hai bên không chênh lệch bao nhiêu, nhất là mỗi bên đều có những mối quan ngại cá biệt, Xiêm La không dám đòi hỏi chúa Nguyễn phải thần phục tuyệt đối như Chân Lạp, Vạn Tượng, Xiêng Mai ... và Nguyễn Ánh cũng ỡm ờ qua lại để còn có cơ nhờ cậy khi cần đến.

Việc triều đình nhà Nguyễn thay đổi từ khuynh hướng tổ chức ảnh hưởng Nam – Á của thời kỳ đầu sang mô thức chính trị hoàn toàn Hán hoá theo kiểu nhà Thanh (từ Minh Mạng trở đi) đã khiến cho nhiều lân bang e dè, tạo thành những nghi kỵ gây bất lợi về sau, hoàn toàn thiếu hẳn sự đồng tình với khu vực. Phải chăng đó cũng là lý do tại sao khi phải đối phó với các đoàn quân xâm lăng của Tây phương, triều đình Việt Nam không còn biết gì hơn là chạy theo khuôn mẫu của Thanh đình, bắt chước chính sách của họ một cách tuyệt vọng mà không bao giờ ngoảnh lại liên minh với chính khu vực mà họ đã mọc mầm trước đây một thế kỷ?

Tháng 11, 2007

PHU LUC

ĐƠN VỊ CHIỀU DÀI (XIÊM)

Sen = 40 mét = 20 wa

Wa = 2 mét = 4 sok

Sok = .5 mét = 2 khup

Khup = .25 mét = 12 niu

ĐƠN VỊ SỨC NẶNG (XIÊM)

Hap = 60 kg = 50 chang

Chang = 2 pip = 1.2 kg

Pip = .5 chang = 600 gram

Tamlung = .05 chang = 4 bat = 60 gr

Bat = 15 gr

ĐƠN VỊ KHỐI LƯỢNG (XIÊM)

Tang = 20 lít

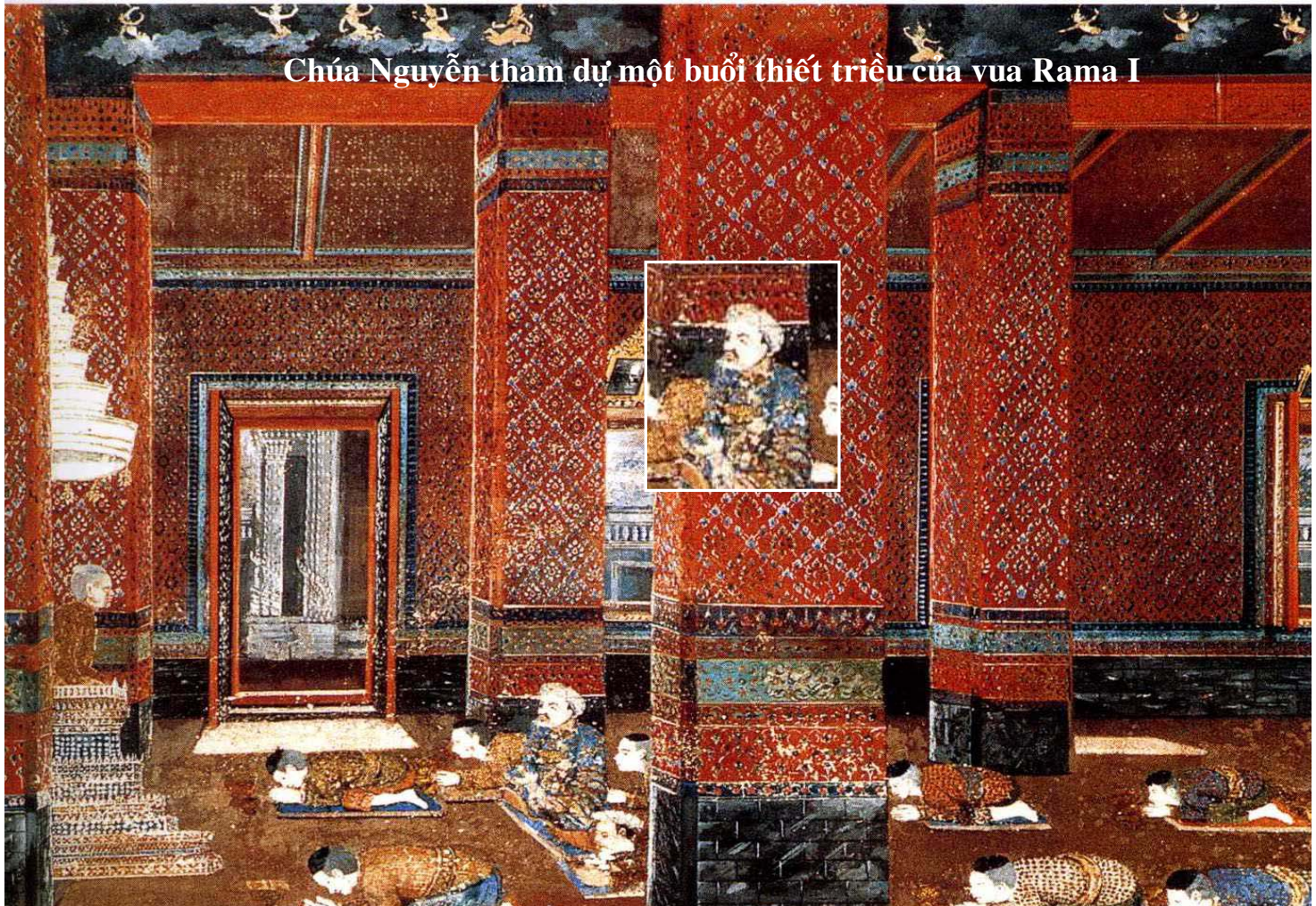
Kwian = 100 tang = 2000 lít

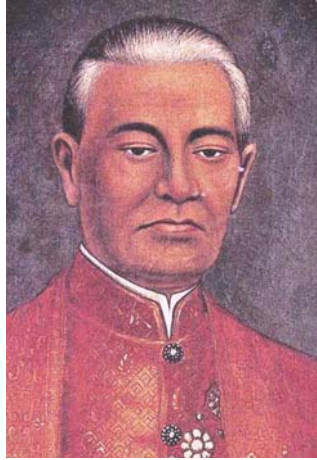
TIỀN TỆ (XIÊM)

Chang = 80 bat

Tamlung = 4 bat

Chúa Nguyễn tham dự một buổi thiết triều của vua Rama I





Vua Xiêm La Rama I



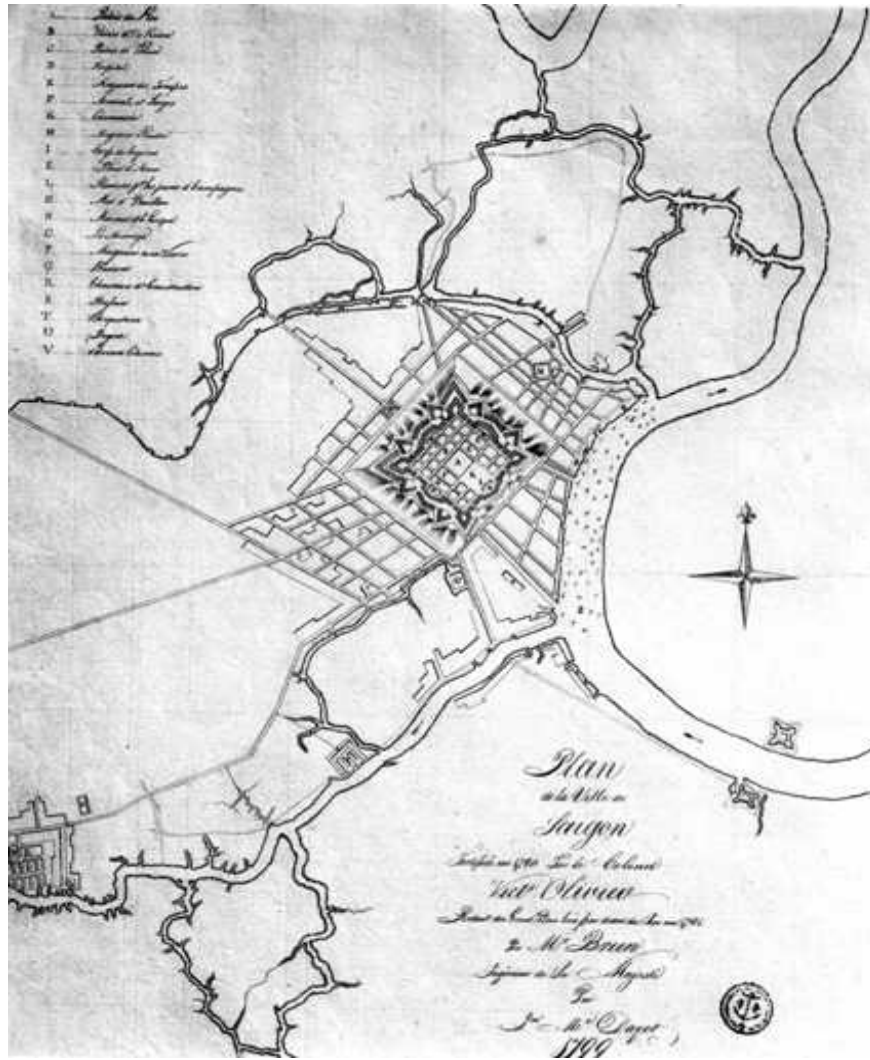
Chúa Nguyễn khi ở Bangkok



Giám Mục Bá Đa Lộc



Hoàng tử Cảnh



Bản đồ Saigon 1799



**Tượng Bá Đa Lộc và Hoàng Tử Cảnh
trước nhà thờ Đức Bà Sài Gòn thời Pháp thuộc**

CHÚ THÍCH

¹ Robert Heine-Geldern, *Conceptions of State and Kingship in Southeast Asia*. (New York: Ithaca, Cornell University, 1956) tr. 1

² Cho đến gần đây mọi dân tộc trên thế giới, kể cả khu vực Đông Nam Á, đều cho rằng trái đất là một mặt phẳng.

³ Núi Meru là một ngọn núi cao trong huyền thoại Ấn Độ là nơi ở của thần Visnu và Indra. Vua Xiêm La tự đồng hoá mình với thần linh của Ấn độ giáo. Ta dịch theo tiếng Hán là núi Tu Di (須彌).

⁴ Điều đáng chú ý là khi lên ngôi, Nguyễn Huệ đã phong cho công chúa Ngọc Hân là Bắc Cung Hoàng Hậu và bà chỉ là một trong nhiều vợ chính thức (không kể cung phi) khiến chúng ta có thể đặt câu hỏi là phải chăng tổ chức chính quyền của nhà Tây Sơn chịu ảnh hưởng của văn minh Nam Á hơn là văn minh Trung Hoa như người Việt? Chúng ta cũng biết ông còn nhiều hoàng hậu khác chẳng hạn như Phạm Hoàng Hậu, Bùi Hoàng Hậu (mẹ Nguyễn Quang Toản) ...

⁵ *Very much the same kind of organization existed in Siam, Cambodia and Java. Again and again we find the orthodox number of four principal queens and four chief ministers, the four "pillars" as they were called in Cambodia. In Siam, as in Burma, they originally governed four parts of the kingdom lying toward the four cardinal points.* Robert Heine-Geldern, sđd. tr. 7

⁶ Theo Phật giáo thì mandala (Mạn Đà La, Mạn Đồ La, Mạn Đát La, Mạn Nô La ...) nghĩa là luân viên cụ túc (tròn trặn viên mãn), một đại pháp môn có đủ vành, nan hoa, trục để thành một bánh xe tròn trặn còn theo triết học Ấn Độ thì là một vòng tròn huyền bí lớn (a large circular magical circle) vẽ trên mặt đất.

⁷ [The] *mandala represented a particular and often unstable political situation in a vaguely definable geographical area without fixed boundaries and where smaller centers tended to look in all directions for security... Each one contained several tributary rulers, some of whom would repudiate their vassal status when the opportunity arose and try to build up their own networks of vassals.* O. W. Wolters, *History, Culture, and Region in Southeast Asian Perspectives* (Singapore: Institute of Southeast Asian Studies, 1982) tr. 16-7 [trích lại theo Thongchai Winichakul, *Siam Mapped: A History of the Geo-Body of a Nation* (Honolulu: University of Hawai'i Press, 1994) tr. 82, chú thích 2]

⁸ ... *Rulers secured a gradually diminishing degree of hegemony and influence over the upland regions by controlling the lower reaches of river arteries (this was especially true in the case of insular Southeast Asia) or the rice-fertile lowland regions (more so in the mainland than among the islands). A map of the river was, in effect, a barometer of sovereignty. Historians have drawn clear parallels between the control of rivers and irrigation canals, and the rise of despotism in Southeast Asia.* Thomas Suárez, *Early Mapping of Southeast Asia* (Hongkong: Periplus, 1999) tr. 20

⁹ Sau cuộc chiến, nước thắng trận thường bắt đi rất nhiều dân chúng, trai tráng, phụ nữ ... từ các xứ bị họ đánh bại về làm nô lệ. Người Xiêm bắt người Lào, người Miên về xây kinh thành Bangkok. Các vua Việt Nam đời Lý, đời Trần, đời Lê... cũng bắt rất nhiều người Chăm về làm nô tì. Các công tác đào kênh khi mới khai khẩn miền Nam ngoài người Việt, người Hoa cũng có rất đông nô lệ người Chân Lạp.

¹⁰ Tục lệ này gợi cho chúng ta hình ảnh lễ đăng quang của vua Quang Trung trên núi Bân, một nghi thức hoàn toàn khác hẳn những vua chúa miền Bắc thường thực hiện trong cung điện.

¹¹ *Whereas European eyes presumed that a country's possessions extended as far as its border with its neighboring country, in Southeast Asia there were usually spaces in-between, 'empty' land, which was not part of any kingdom and which sometimes served as a neutral buffer. And while the European boundary formed an invisible wall that was to be guarded lest anyone attempt to violate it, the Southeast Asia border was porous, and was not intended to keep people either 'in' or 'out'.* Thomas Suárez, tr. 20

¹² *As in feudal Europe, a Southeast Asian kingdom was an array of imprecisely defined spheres of influence, typically consisting of the king's immediate territory, over which he had total control, followed by a succession of further and further removed regions from which he might exact tribute and over which he exerted varying degrees of authority. Beyond these would be outlying regions that had their own monarch but which were not entirely autonomous. These regions might be accountable to one or more larger kingdoms, being obliged to pay tribute and never to act in a manner contrary to the large kingdom's interests.* Thomas Suárez, tr. 20

¹³ Quốc Sử Quán Triều Nguyễn. *Đại Nam Thực Lục (ĐNTL), Tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I]* (bản dịch Viện Sử Học). (Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2001) tr. 207

¹⁴ *ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I]* tr. 207

¹⁵ sách của nhà Dòng vì thế gọi ông là Hữu Ngoại

¹⁶ Đỗ Thanh Nhân gốc Hoa kiều (Đại Nam liệt truyện, quyển XXVII chép là người huyện Hương Trà, Thừa Thiên, có lẽ là Minh Hương), quân của họ Đỗ cũng bao gồm nhiều thành phần vong mạng. Có tác giả cho rằng Đông Sơn mang ý nghĩa đối nghịch với Tây Sơn. Việc tranh chấp và biến động của Gia Định nói riêng và của toàn vùng Đông Nam Á có dính líu đến nhiều thế lực của người Hoa trong một mạng lưới rộng về kinh tế cũng như về chính trị.

¹⁷ *ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I]* tr. 209. Trong khi đó, tài liệu của các nhà truyền giáo chép chi tiết hơn:

6. Ông Hữu Ngoại trở lòng kiều căng gian ngược

Ông Hữu Ngoại [Đỗ Thanh Nhân] ngày càng thêm lộng lượ, nên chẳng thèm chức Thượng Tướng nữa. Người xin vua phong cho chức cao hơn. Vua phải nghe mà đặt ông ấy là phó chính [phụ chính], nghĩa là kẻ làm đệ nhị sau vua. Vua ban cho chức cao trọng làm vậy, chẳng phải là bởi lòng thương, song bởi sợ ông ấy, nên chẳng dám chối đều gì. Ông Hữu Ngoại thấy mình đã lên hạng bậc cao trọng dường ấy, thì càng sinh lòng cậy mình kiều ngạo hơn khi trước và khinh dễ các quan; lại chẳng còn xem vua là gì. Dầu các quan dẫu vua đều thì phải cứ lời ông ấy mà liệu các việc; cho nên xem ra như vua còn có tên vua không, vì chính quyền vua thật ở tại một mình ông phó chính mà thôi.

Ông ấy đã biết tỏ sự mình được làm vậy, thì tại quân Đông Sơn đã giúp mình và hằng theo mình. Bởi vậy ông ấy ở cách rộng rãi với các quan và quân lính thuộc về cơ ấy, hầu lấy lòng nó. Quân ấy ăn lương cấp và ức hiếp người ta lắm; còn vua thì ông phó chính cứ tháng mà phát lương, là ít nhiều tiền gạo cho đủ nuôi mình cùng đầy tớ riêng trong nhà, như đã quen phát cho các quan mà thôi. Các việc riêng trong nội về vợ con cùng kẻ nội thị và kẻ giúp, thì mọi sự mặc ông phó chính; vua chẳng có quyền mà liệu việc gì. Ông ấy cũng chỉ ra mặt với người ta cách trọng thể, các quan và những quân Đông Sơn hầu hạ đông lắm, cho nên ai ai cũng sợ hãi chịu phép. Có khi ông ấy cũng chê vua nữa mà rằng: Ít trí khôn lắm, chẳng có sức trị nước được. Bởi vậy chẳng cho vua đi đâu, khác chi là giam cầm vậy. Hoặc một hai khi vua bước ra đường, thì ông phó chính bắt quân Đông Sơn theo mà giữ lấy. Sau nữa ông phó chính làm hết sức cho được khuyến dụ Đức Thầy Vêrô [tức giám mục Bá Đa Lộc] bỏ vua mà về phe mình; song le chẳng dặng.

Ông phó chính hay chơi bởi xà xí [xa xỉ], những cậy nhờ quân Đông Sơn là quân kẻ cướp, mà chẳng lo cho vua; cho nên kho vua chẳng đủ mà chịu các điều tổn phí hằng ngày. Quân Đông Sơn ức hiếp dân sự, bắt người ta nặng việc quan quá lẽ. Ông phó chính có lòng ghét ai, thì kẻ ấy chẳng có lẽ nào mà khỏi tội dặng. Vậy bởi người chẳng ưa ông Thượng Trông [tức Tống Phước Khuông], là quan đại thần đã gả con cho vua, nên đã truất chức ông ấy, lại ép vua bỏ vợ là con ông ấy đi nữa.

Ông phó chính làm nhiều điều quái gở hơn nữa. Vì hễ ai lấy tình anh em mà trách một hai điều, vì ở trái phép công bình, tức thì ông ấy giận quá sức mình, mà cậy kẻ bỏ vợ tội rất nặng cho nó mà luận tội xử tử. Bởi đó ai ai cũng ghét; có những quân Đông Sơn phục ông ấy mà thôi. Thiên hạ sợ phép người, thì chẳng ai dám nói đều gì; lại vua càng ngày càng thêm sợ ông ấy hơn nữa.

Ông phó chính đã chiếm lấy quyền phép thể ấy cũng có ý liệu việc khác, là lo mưu kế mà giết vua. Vả (sic) [vả] lại người thấy Đức Thầy Vêrô chẳng chịu bỏ vua mà theo mình, thì sinh lòng muốn giết Đức Thầy làm một cùng vua. Dầu ông ấy giấu, mới bàn với một hai người mà thôi, song vua cũng đã biết. Nên vua giữ mình lắm, hễ bao giờ ăn

uống vật gì, thì biểu người ta ăn trước, ném trước dĩa, đoạn vua mới dám ăn; lại vua cũng xin Đức Thầy Vêrô gửi nước lã cùng đồ ăn cho, vì sợ ông phó chính bỏ thuốc độc vào trong đồ ăn chẳng.

7. Vua cứ thẳng phép mà giết ông phó chính

Vua phải cực khổn thể ấy thì buồn lắm, cũng năng nói truyện (sic) [chuyện] với Đức Thầy Vêrô, mà bàn cho biết phải liệu làm sao. Vua chỉ quyết lo mưu chước mà giết ông ấy khi xuất kỳ bất ý, vì ông ấy ở vô phép làm vậy chẳng còn chịu dặng. Đức Thầy Vêrô hết sức khuyên bảo vua đừng làm sự quái gỡ thể ấy, chẳng những vì là điều chẳng phải, mà lại vì là điều chẳng khôn nữa. Vì quân Đông Sơn thân thể cùng có lòng mến ông phó chính, mà vua thì yếu thể lắm, cho nên nếu vua giết ông ấy đi, thì quân Đông Sơn sẽ làm giặc oán thù chẳng khỏi, nên thêm xô xao loạn lạc mà thôi.

Vua lấy những lẽ ấy làm phải, thì chẳng còn nói việc ấy cùng Đức Thầy nữa; nhưng mà bởi người giận lắm mà chịu chẳng dặng, thì đã bàn các việc với một người trong nội thị, là người trung tín và gan dạ. Người dạy nó ẩn lại nơi riêng cách phòng vua quen nằm. Vậy ban đêm vua giả đau bụng quá. Khi ông phó chính nghe tiếng vua rên xiếc (sic) [xiết], thì gửi thuốc vào dưng. Vua chẳng uống; song cũng giả như uống thật, lại kêu rằng: càng uống thì càng thêm đau. Đoạn thì vua sai kẻ đi mời ông phó chính đến cho kíp, vì có việc rất cần phải nói riêng. Vậy những thuốc ông phó chính gửi thì là thuốc độc cả; ông ấy bèn nghĩ vua đã uống rồi và tin thật người đã gần chết, nên vội vàng đến, chẳng hỏi nghi điều gì, và ngồi gần vua mà xơi trà như đã quen lệ. Bấy giờ vua dạy người ra đi cho hết, như thể có ý nói điều gì riêng với ông phó chính. Khi người ta lui ra đoạn, thì vua ra hiệu, liền thấy những quân đã ẩn mình xông vào đâm ông ấy chết. Khuyết Danh. *Sử Ký Đại Nam Việt* (Annales Annamites). (Saigon: Nhà Dòng Tân Định, 1909) [Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam in lại Sài Gòn, 1974, tái bản Montreal, 1986] tr. 16-8

¹⁸ Tài liệu nhà Dòng gọi là Chương Thuyên Thạch.

¹⁹ *thượng sư*, tiếng người Xiêm gọi chúa Nguyễn Ánh.

²⁰ Thadeus and Chadin Flood [dịch và hiệu đính]. *The Dynastic Chronicles, Bangkok Era, The First Reign*, Chaophraya Thiphakorawong Edition, Vol. I: Text (Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1978) tr. 46-8

²¹ Chakri là một tướng lãnh rất có khả năng và theo một số tài liệu của Thái Lan thì ông được vua Xiêm phong làm Somdech Chao P'raya Maha Kasut Suek có nghĩa là Vua Chiến Tranh (King of War), một danh hiệu tương đương với chữ Generalissimo của ngày nay. Chula Chakrabongse, *Lords of Life: A History of the Kings of Thailand* [2nd ed] (London: Alvin Redman, 1967) tr. 76

²² theo sử Xiêm, hoàng tử tên là Kromkhun Intharaphithak (ta gọi là Chiêu Nỗ) là người dự định sẽ làm vua Chân Lạp khi họ chiếm xứ này để sáp nhập vào Xiêm La. William A. R. Wood, *History of Siam* (Bangkok, 1924) tr. 269

²³ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I], tr. 29-30. Gia Định Thành Thông Chí [nguyên tác Trịnh Hoài Đức, bản dịch Lý Việt Dũng] (Đồng Nai, 2006) thì chép là: "... Năm Tân Sửu (1781), vua Xiêm là Phi nhã Tân chia quân làm 3 đạo, sai con là Chiêu Nỗ đánh phủ La Vách, Phi nhã Chất Tri đánh phủ Lò Gò Vật, Phi nhã Sô Sĩ đánh lộ Phong Xoài ... (tr. 116)

²⁴ Việc vua Taksin bị điên đã được nhiều người ngoại quốc có mặt tại kinh đô ghi nhận chẳng hạn việc ông có ảo tưởng rằng mình có thể tu luyện phép thần thông bay được trên không... Nhiều tu sĩ bị đánh vì không chịu công nhận ông là một bồ tát hoá thân ... *Lords of Life*, tr. 77-8

²⁵ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển I] tr. 209.

²⁶ Sau khi vua Gia Long lên ngôi, thân quyến của Tôn Thất Xuân vẫn ở lại Xiêm La, không về nước

²⁷ *Sử Ký Đại Nam Việt*, tr. 22-3. Có tài liệu thì lại cho rằng bức thư bị quân Tây Sơn bắt được đem đánh tráo. Nguyễn Văn Huy, *Người Hoa Tại Việt Nam* (NBC, 1993) tr. 40-1

²⁸ địa danh bao trùm một khu vực kéo dài từ Tân An xuống tận Cái Bè, giáp với Đồng Tháp Mười. Theo Gia Định Thành Thông Chí (GDTC) thì "ở trấn Định Tường có rất nhiều giồng đất, có 3 giồng lớn: trên có Chúa Triệu, giữa có Cai Lữ, dưới có Kiến Định, đó là đất tụ nghĩa của nhóm Đông Sơn, vì vậy mà có tên ấy" (Đồng Nai, 2005) tr. 167. (Xin đọc thêm Lê Công Lý, "Đất Ba Giồng Xưa", NCPT 4[63], Huế 2007)

²⁹ ... Thanh Nhân chết rồi, đồ đảng nhiều kẻ trốn đi Ba Giồng làm trộm cướp. Vua (tức chúa Nguyễn Ánh) sai chiêu dụ, đều chống cự không chịu... Tháng 5 nhuận, thuộc tướng Đông Sơn là Võ Nhân và Đỗ Bảng giữ đất Ba Giồng làm phản. Vua sai Nguyễn Đình Thuyền và Tống Phước Lương chia đường tiến đánh. Phước Lương đánh ở sông Lương Phú (tên thôn) bị thua; Thống binh cai cơ Tống Văn Phúc (con Thống suất điều khiển ngũ dinh Tống Văn Khôi) chết trận. ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I] tr. 210. Điều đó cũng dễ hiểu vì Ba Giồng là hậu diện của Gia Định, khi bị tiến đánh từ hướng bắc sẽ trở thành thế lưng đầu thọ địch. Việc đó quả thực sau này xảy ra khi tàn quân của Đỗ Thanh Nhân thấy thế nguy bèn liên minh với quân Tây Sơn để chống lại Nguyễn Ánh.

³⁰ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I] tr. 211. Về sau Emmanuel được phong tặng chức Hiệu Nghĩa Công Thần Phụ Quốc Thượng Tướng Quân (trong nhiều sách viết là Manuel, ở đây chúng tôi theo cách viết của Trương Vĩnh Ký trong *Cours d'Histoire Annamite à l'Usage des Écoles de la Basse-Cochinchine*, 1875)

³¹ Mantiennne Frédéric, *Les Relations Politiques et Commerciales entre la France et la Péninsule Indochinoise (XVIIIe siècle)* (Paris: Les Indes Savantes, 2003) tr. 111

³² Trận này các nhà truyền giáo có chép như sau: ... Bấy giờ quan quân thấy tàu quân Tây Sơn vào cửa mà chạy xuôi nước thuận gió làm vậy, thì kinh khiếp cả. Và lại ông Manoe [Emmanuel] chẳng quen dăng, thì tàu phải cạn, chẳng còn đi được; lại chẳng ai có gan đến cứu người. Quân trong tàu thấy làm vậy (sic) [vậy], lại quân giặc ở gần lắm, thì mất vía. Lại thấy tàu đã bê vào bờ, nên quân ấy chạy trốn, chẳng còn ai ở lại. Ông Manoe ở một mình trong tàu túng lăm; song chẳng ngã lòng, một cứ thói quân lính bên Tây mà đánh cho đến chết. Quân giặc thấy tàu phải cạn thì đua nhau đến. Nhưng mà bao nhiêu người xuống tàu ấy, thì ông Manoe chém đi hết. Song bởi quân ấy đông quá, mà ông Manoe thì một mình, chẳng làm chi được. Bấy giờ ông ấy thấy tàu đầy quân giặc, thì xuống dưới lòng xét, nơi đã quen trữ (sic) [trữ] các thuốc súng mà đốt đi. Cho nên bỗng chốc (sic) [chốc] cả thuyền vỡ ra cháy cách góm ghieếc lăm; bao nhiêu người trong tàu chết hết; xà (sic) [và] những tàu ở xung quanh thì phải vỡ cả. Ông Manoe chết cách khốn nạn như vậy; song thiên hạ khen là anh hùng ... Sử Ký Đại Nam Việt, 1974 tr. 24

³³ ... Vua mặc áo chiến đội nón chiến đứng ở đầu thuyền, vẫy quân đánh gấp. Giặc nhắm đầu thuyền bắn, gãy cả cột buồm, quân sĩ đều thất sắc; vua đứng yên không động, tay cầm súng chim [điểu thương] bắn lại thuyền giặc, và hạ lệnh cho quân sĩ vừa đánh vừa lùi... ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I] tr. 212

³⁴ là quân của Lý Tài khi theo Nguyễn Nhạc, khi theo Nguyễn Ánh không nhất định.

³⁵ Về cái chết của Phạm Ngạn, chính sử triều Nguyễn viết:

... Mùa hạ, tháng 4, tiết chế dinh Bình Thuận là Tôn Thất Dụ đem Tả chi Trần Xuân Trạch, thuộc tướng là Trần Văn Tự, và thuộc tướng đạo Hoà Nghĩa là Trần Công Chương vào cứu viện. Gặp tiền binh của giặc, ập đánh, chém được hộ giá giặc là Phạm Ngạn ở cầu Tham Lương. Tham tán Hồ Công Siêu bị súng giặc bắn chết. Nguyễn Văn Nhạc nghe tin Ngạn chết, đau như mất hai tay, cho rằng đạo quân Hoà Nghĩa toàn người Thanh, bèn sai bắt hết người Thanh hơn một vạn người ở Gia Định, không kể là lính là dân hay là người buôn bán, đều giết hết mà quăng xác đầy sông. Hơn một tháng trời, không ai dám ăn tôm cá và uống nước sông ... ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I] tr. 212

Giới truyền giáo có thêm một số chi tiết:

...Vả (sic) [vả] lại, có nhiều quân Ngô [tức người Hoa] khác trong thành Sài Gòn, và trong các làng Đồng Nai lập cơ nghiệp đã lâu, có vợ con và đã lập nhiều phố, thì đã nên như người An Nam. Quân Ngô thuộc ấy chẳng chịu phục quân Tây Sơn, nên hiệp lại với nhau cho dựng đánh quân ấy; và ông Tiết Chế Dũ [Tôn Thất Dụ], là người dòng dõi nhà Nguyễn thì làm quan tướng quân Ngô thuộc ấy. Ông ấy có lòng với vua, và có tài đánh giặc. Có một lần, ông ấy đang ẩn mình với các quân Ngô trong rừng kia, gần cầu Tham Lương, vừa có một quan lớn quân Tây Sơn, tên là Hộ Giá Ngân, có danh tiếng gan dâm (sic) [can đảm], và hay nghề võ, cùng có họ với vua nguy Thái Đức nữa, ông nẩy vào trong rừng ấy cùng những quan nhỏ và nhiều quân lính; mà ông ấy vô tình, đi trước có ý tìm bắt quân Ngô, vì đã biết nó đang ở trong ấy. Xảy có một người Ngô đang ẩn trong bụi tre xông vào khi xuất kỳ bất ý, đâm ông Hộ Giá Ngân phải dấu [bị thương]. Ông ấy chẳng chết tức thì, hã còn sống hai ba

ngày; mà bởi giận quân Ngô lắm, thì nài xin ông Thái Đức và hai anh em ông ấy phải ra sức tuyệt các quân Ngô ở trong nước An Nam mà trả thù cho mình.

Quân Tây Sơn sẵn lòng ưng đều ấy; cho nên khi đã chôn xác ông ấy rồi, mà bắt đặng quân Ngô ở đâu, trong nhà hay là trong tàu, thì giết hết, chẳng tha người nào sống. Các năm trước chưa hề thấy sự gở (sic) [gở] lạ đến nỗi ấy trong nước An Nam bao giờ. Nó giết nhiều quân Ngô lắm; có kẻ tính hơn một vạn Ngô phải chết, cho nên sông Sài Gòn gần đây những xác ấy, nước sông đã đỏ như máu nữa. Qua năm ba tháng quân Tây Sơn đã cướp lấy mọi sự, cùng giết nhiều người trong Đàng Ngoài đoạn, thì trở về Qui Nhơn, là chính nơi nó quen ở; mà tàu nó chở đầy những vàng bạc, và những của cải đã cướp đặng ... Sử Ký Đại Nam Việt, tr. 25-6

³⁶ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển I] tr. 214

³⁷ The “Gold and Silver Trees” were actually artificial trees with gold and silver leaves and flowers. The custom of sending gold and silver trees as tribute implied that the sender agreed to be a vassal state of the country to whom they were sent. It was a symbolic act of submission. In general a vassal state to the Thai court of Bangkok (or Thornburi and Ayutthaya) was not directly governed as an integral part of the kingdom, but was left quite free in the handling of its own domestic affairs, with the exception that all of its foreign relations had to be handled by Bangkok, and its chief had to be confirmed in office by the court of Bangkok. Bangkok also guaranteed protection of the vassal state from external threats. In return, the vassal state was obliged to furnish armies to the Thai government when requested to do so, and the vassal chief of his representative was expected to go to Bangkok on important occasions, such as the coronations of a new king. Finally, the vassal state was expected to send “Gold and Silver Trees” to Bangkok as tribute once every three years. Flood, Chadin. *The Dynastic Chronicles Bangkok Era The First Reign B.E. 2325-2352 (A.D. 1782-1809) Vol II: Annotations and Commentary* [Chaophraya Thiphakorawong Edition]. Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1990 tr. 41

³⁸ Sử nước ta chép nhiều lần chúa Nguyễn chạy ra đảo Côn Lôn. Tuy nhiên đảo Côn Lôn ngày nay ở quá xa nên chúng tôi đoán rằng phải là một hòn đảo nào ở quanh vịnh Rạch Giá. Có lẽ sử chép đây là đảo Nam Du (một quần đảo ngoài khơi Rạch Giá). Trong An Nam Đại Quốc Hoạ Đồ có vẽ quần đảo này ghi tên là Cổ Lôn. Trong *Xiêm La Quốc Lộ Trình Tập Lục* (暹羅國路程集錄) cũng có đề Cổ Sơn Hòn: Hòn Nam Du (tr. 94)

³⁹ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 217-8. Có lẽ đây là hậu quả của một cuộc động đất từ Indonesia truyền tới chứ không phải một hiện tượng siêu nhiên nào.

⁴⁰ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 219. Cũng về việc bôn tẩu của chúa Nguyễn, các nhà truyền giáo cũng kể lại việc tìm kiếm và giúp đỡ của giám mục Pigneau de Béhaine rất sống động như sau:

... Đức Thầy Vêrô chẳng biết vua Nguyễn Anh ẩn tại chỗ nào, nên dặn thuyền ông Liốt phải sai kẻ tìm côi chung quanh cho biết người ở đâu. Ông Liốt đã vưng lời Đức Thầy mà sai thuyền đi tìm nhiều nơi lắm, mà chẳng gặp nơi nào. Đến sau có người bồng đạo ở thành Chấn Ta Bun, tên là ông trùm Nam, người có ý đi tìm lim trầm mà bán, khi tình cờ vào côi hòn Dừa, thì gặp vua Nguyễn Anh tưng cực mọi đàng, chẳng có gì ăn sót. Vậy ông trùm Nam có bao nhiêu gạo thì dâng cho vua hết; đoạn trở về thành Chấn Ta Bun mà tin cho ông Liốt đặng biết vua ở đâu, và phải gian nan thiếu thốn thế nào. Tức thì ông Liốt vội vàng sai thuyền chở đầy gạo, cá khô, gà, vịt, heo cùng các đồ ăn khác mà dâng cho vua; thì vua và các đầy tớ mới khỏi chết đói. Ông Liốt cũng gởi thơ cho Đức Thầy đặng biết các điều ấy, thì Đức Thầy liền xin vua Xiêm mà trở về Chấn Ta Bun; và người mua đặng bao nhiêu gạo cùng đồ ăn khác, thì mua hết cho đầy thuyền lớn; đoạn người sang hòn Dừa với vua. Hai bên gặp nhau thì vui mừng quá bội. Sử Ký Đại Nam Việt, tr. 29

⁴¹ theo ĐĐTTC thì chỉ có mình Chất Tri đem quân về, Sô Si ở lại đàm phán giảng hoà với Thoại Ứng Hầu Nguyễn Hữu Thoại (tr. 168)

⁴² Việc Chakri làm vua Xiêm thuận lợi hơn cho chúa Nguyễn rất nhiều nên về sau Nguyễn Ánh đã có thể sang Xiêm sống đời lưu vong mặc dầu ông không khỏi e ngại một tình trạng tương tự như đã xảy ra cho Tôn Thất Xuân. Vua Taksin cũng xin qui y để sống nốt những ngày còn lại nhưng không được chấp thuận. Một trong những điều bị coi như cấm kỵ (taboo) của người Xiêm là máu của một người thuộc hoàng gia không để chảy ra nên khi hành quyết phải dùng chày. Đàn bà ngoại tình thì bị bỏ vào bao vớt xuống sông. Taksin được hưởng đặc

ân của một vương tử nghĩa là đánh vào sau ót bằng một chiếc chày làm bằng gỗ đàn hương (sandalwood) như qui luật của Xiêm La từ năm 1450. Xác của ông được hoả táng theo nghi thức Phật giáo và có sự tham dự của hai anh em tân vương. Chula Chakrabongse, *Lords of Life*, tr. 78-9 và H. G. Quaritch Wales, *Siamese State Ceremonies: Their History and Function* (London: Bernard Quaritch, Ltd., 1931) tr. 37

⁴³ Vua Rama I, đến năm 1782, trong kỷ niệm 200 triều đại Chakri (Rattanakosin Era) được tấn phong là Phật Vương Yodfa Chulakok Vĩ Đại. Ông tên tục là Tong Duang [cha Hoa, mẹ Xiêm], miếu hiệu Somdej Phra Borom Pathom Maha Chanok (The Royal Premier and Supreme Ancestor). Dưới triều vua Taksin, ông được phong tước Chao Phraya Chakri. Ông làm vua cả thủy 27 năm, mất ngày 7 tháng 9 năm 1809, thọ 72 tuổi. *Coinage of the Rattanakosin Era AD 1782-1982* (Bangkok, 1982) tr. 15

⁴⁴ The city of King Taksin was on the west bank of Menam, and is usually referred to by Siamese writers as T'onburi or T'anaburi. Chao P'ya Chakri, on becoming King, founded the present city of Bangkok. To the average European mind the distinction between T'anaburi and Bangkok is a distinction without a difference. (Thành phố của vua Taksin nằm ở bờ phía tây sông Menam, thường được các cây bút Xiêm La gọi là T'onburi hay T'anaburi. Chao P'ya Chakri khi lên làm vua xây dựng kinh đô Bangkok ngày nay. Đối với người Âu Châu bình thường thì họ không phân biệt T'anaburi và Bangkok) W. Wood: *A History of Siam* (Bangkok, 1924) chú thích 1 tr. 253.

⁴⁵ Theo tài liệu nhà Dòng thì chúa Nguyễn bị người Xiêm lừa bắt đem về Bangkok. “...*Quân do[thám] ấy đến Hà Tiên, thì gặp một đội quân Xiêm đang sắm sửa đi đánh quân Tây Sơn. Quan đại tướng quân Xiêm biết là quân do vua An Nam sai, thì tỏ lòng thương cùng cho xem sắc chỉ vua Xiêm đã sai mình đi đánh quân Tây Sơn, và nói nhiều lời cho quân do [thám] tin thật, bởi vua Xiêm có nghĩa riêng với vua An Nam có sẵn lòng hiệp cùng mình, thì càng dễ lo liệu các việc. Quân Xiêm lại gọi nhiều của lễ quý trọng mà mừng vua.*

Vua nghe các điều ấy thì chẳng vội tin, một sai người khác hai ba lần, cho đặng biết quân ấy có ý đánh giặc mà giúp mình chăng. Kế ấy trở về cũng nói như những người trước, và quyết quân Xiêm có lòng ngay và có ý cứu giúp vua thật. Bởi (sic) đó vua mới sang Hà Tiên cho đặng gặp quan đại tướng Xiêm. Nhưng mà khi đến nơi, thì quân Xiêm bắt lấy và chẳng nói đến sự đi đánh giặc nữa, một sắm sửa trở về mà nộp vua An Nam cho vua Xiêm. Bấy giờ vua thấy mình mắc mưu làm vậy, thì phàn nàn cho đến đổi la khóc cùng trách mình đại vì nhớ khi trước Đức Thầy [Bá Đa Lộc] đã nói đi nói lại rằng không nên tin quân Xiêm bao giờ, bởi vì quân ấy chẳng thật lòng, song hối bất cập...” Sử Ký Đại Nam Việt tr. 31-2

⁴⁶ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 220-1. Về việc chúa Nguyễn sang Bangkok, sử Xiêm La chép khác sử Việt Nam đến 2 năm (1782 thay vì 1784), tuổi của chúa Nguyễn cũng sai (33 thay vì 23).

⁴⁷ ... *Thai sources in general agree with what was already known; however, certain significant details differ, and there is an abundance of facts not previously published. There is, to be sure, one discrepancy difficult to overcome in the dating of the events: Thai's accounts agree in putting the arrival of Nguyen Anh in Bangkok in the year 2325 [1782], and in this connection it is to be noted that at least two of these accounts were composed by contemporaries.* Klaus Wenk, *The Restoration of Thailand Under Rama I, 1782-1809* (The University of Arizona Press, 1968) tr. 111

⁴⁸ Nhiều chi tiết ghi lại trong *Gia Định Thành Thông Chí* (Cương Vực Chí) lại không thấy nhắc đến trong ĐNTL.

⁴⁹ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 34-5. Theo bảng đối chiếu với dương lịch thì vào đầu tháng 3 – 1782.

⁵⁰ *GDTTC*, tr. 170-1

⁵¹ Sử Xiêm chép là *Year of the Rabbit, the fifth year of the decade, the year 1145 of the Chula Era [A.D. 1783]*

⁵² *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 56-8

⁵³ Bassac tức khu vực Trà Vinh (Preah Trapeang theo tiếng Miên), cửa sông đổ ra biển giữa Tiền Giang và Hậu Giang. Tuy nhiên, địa danh này có thể để chỉ cả vùng lưu vực sông Hậu Giang nói chung.

⁵⁴ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 222

⁵⁵ *Sử Ký Đại Nam Việt* chép là “...ông Triều Cần ở lại với quân cơ dựng ba tháng, những chơi bời ăn uống, ăn cướp của người ta mà thôi.” (tr. 33) Trong một lá thư gửi linh mục J. Liot ngày 25 tháng 1 năm 1785, chúa Nguyễn phải than rằng: “*Nay thì binh Xiêm đại tứ lỗ lược [thả sức cướp bóc], dân nhân phụ nữ [hãm hiếp đàn bà con gái], lược nhân tài vật [lấy của cải người ta], tủng sát bất dung lão thiếu [giết bừa không kể già trẻ], vậy nên Tây tặc binh thế nhật thịnh, Xiêm binh thế nhật suy [cho nên thế quân giặc Tây càng lúc càng thịnh còn thế quân Xiêm mỗi lúc một suy]*”. (Trích lại theo Phan Huy Lê, “Chiến Thắng Rạch Gầm – Xoài Mút trong lịch sử Tây Sơn và lịch sử dân tộc” *Nghiên Cứu Lịch Sử* 1 (220), 1985 tr. 8

⁵⁶ Trà Luật, Trà Lộ, Trà Tân ... tùy theo tài liệu. Theo nghiên cứu của Nguyễn Phan Quang và Dương Văn Huệ trong “Về Địa Danh Trà Luật trong chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút”, *Nghiên Cứu Lịch Sử* 1 (220), 1985 thì là Trà Luật hay Trà Luộc.

⁵⁷ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 223. Tài liệu nhà dòng chép rằng:

... Khi ấy bộ binh và binh thủy quân Xiêm đã hiệp lại cùng nhau và đóng trong Trà Suối, lại lập nhiều lũy nơi nơi kia, quân Tây Sơn đến nơi thì chẳng kịp nghỉ, nhờ xuôi nước thuận gió thì binh thủy giáp trận trước, mà xông vào đánh tàu Xiêm dữ lắm. Khi đầu quân Xiêm chẳng ra dấu sợ, chỉ đánh mà thôi. Chẳng khỏi bao lâu nó thấy quân mình chết đã nhiều, và quân Tây Sơn lấy được hai ba chiếc tàu, thì ngã lòng trốn hết. Bao nhiêu tàu nó thì quân Tây Sơn lấy hết, chẳng sót chiếc nào. Bấy giờ lại giáp trận đánh bộ; mà bởi quân Xiêm đã kinh khiếp rồi, thì chẳng dám đánh trận nào nữa, một chỉ ra sức cầm quân trong các lũy đã lập. Nhưng vậy chẳng đáng ích gì, vì quân Tây Sơn hãm lấy hết, nên quân Xiêm bị tử trận hay là bị bắt làm tội thì nhiều lắm. Mấy quân trốn khỏi, thì ra sức tìm đường lên rừng mà trở về Xiêm; song cũng không về được mấy người, vì khi thất lạc, người thì đã phải chết trôi, kẻ thì phải chết đói, kẻ thì nhọc nhằn quá, đuổi sức đi mà chết dọc đường gần hết. Quân Xiêm phải nạn làm vậy, thì từ ấy về sau chẳng còn dám đánh giặc trong nước An Nam nữa.” *Sử Ký Đại Nam Việt*, tr. 34

⁵⁸ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 221-223

⁵⁹ ông này là con của chị vua Rama I, bố là người Hoa, gọi nhà vua bằng cậu ruột (*The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. II] tr. 121

⁶⁰ tức Hà Tiên của Việt Nam.

⁶¹ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 61

⁶² *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 227-8. Tuy nhiên cũng cần xét theo ngữ cảnh và nhất là dụng ý của các sử thần muốn đề cao tính chất chính thống của việc phục quốc và làm lu mờ tất cả các lực lượng viện trợ. Xem thêm Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. *Lịch Sử Việt Nam* (tập I). Hà Nội; nxb KHXH, 1976 tr. 340-2, và Văn Tân, “Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút (1-1785)”, Nguyễn Danh Phiệt, “Vài suy nghĩ về chiến thắng Rạch Gầm – Xoài Mút”, Phan Huy Thiệp, “Từ Rạch Gầm – Xoài Mút đến Ngọc Hồi – Đống Đa”, Nguyễn Anh Dũng, “Nghệ thuật lập thế và đánh địch trên thế mạnh trong trận thắng Rạch Gầm – Xoài Mút”, Lê Đình Sỹ, “Mấy suy nghĩ về sự chỉ đạo chiến thuật của Nguyễn Huệ trong trận quyết chiến Rạch Gầm – Xoài Mút”, Đỗ Hữu Nghiêm, “Hoạt động của quân đội Tây Sơn ở Gia Định khi Nguyễn Ánh rước quân xâm lược Xiêm La về và sự hình thành cục diện chiến trường mới tại Tiền Giang đầu tháng 1 – 1785” ... trong *Nghiên Cứu Lịch Sử* số 1 (220), 1985 của Viện Sử Học Hà Nội.

⁶³ ... Vua đi Trấn Giang. Bầy tôi theo hầu chỉ có bọn Hộ bộ Trần Phúc Giai, Cai cơ Nguyễn Văn Bình, Thái giám Lê Văn Duyệt hơn mười người. Đi đường hết lương, có người dân đem cơm ngô dâng. Mạc Tử Sinh bỗng đi thuyền tới. Vua bèn sai Tử Sinh và Cai cơ Trung (không rõ họ, cậu Chu Văn Tiếp) sang Xiêm báo tin ... Ất tỵ, năm thứ 6 [1785], mùa xuân, tháng giêng, vua trú ở đảo Thổ Châu. [tức Pulo Panjang là một quần đảo hoang không có người ở, 53 hải lý phía tây nam Phú Quốc] *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 223

⁶⁴ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 223

⁶⁵ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 35

⁶⁶ *Royal Siamese Maps*, tr. 27

⁶⁷ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 36. Theo tục lệ Xiêm La, triều đình từ Phó Vương trở xuống đều có những công tác kinh tài riêng để phụ thêm vào bổng lộc, thường là buôn bán qua các thuyền buôn với bên ngoài, nhất là thuyền buôn đi qua các nước chung quanh.

⁶⁸ *Ong Chiang Su had also trained people to perform the Yuan Hok dance and the Yuan Ramkrathang dance as well as the Singtolokaeo, performed in the day time, and the Singtokhapkaeo, performed in the evening. These were Vietnamese-style performances similar to those presented before Vietnamese royalty. The king thus had ordered that they be staged in front of the royal pavilion whenever there were festivals, and this has remained the custom to this day. The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 120

Một trong những chi tiết đáng chú ý mà hiện nay chúng tôi chưa tra cứu được tường tận. Theo Peter A. Poole trong *The Vietnamese in Thailand: A Historical Perspective* (Ithaca and London: Cornell University Press, 1970) thì chúa Nguyễn có một người em (hay chị ?) là cung phi của vua Rama I mà tác giả cho rằng “để cải thiện tương quan” (*Prince Anh ... took advantage of his stay in Bangkok to improve relations with King Rama I by giving him his sister in marriage*) (tr. 24) Cũng theo Poole, vua Rama I rất sủng ái người vợ Việt nên ông đã sáng tác một bài hát ca ngợi bà và hiện nay bản nhạc này vẫn được trình tấu trong Hội Thuyền Rồng hàng năm vào mùa thu (autumn procession of the Royal Barges). Bà cũng được coi như là người đã xây dựng một ngôi chùa ở Taphan Kao, Bangkok là Wat Sammanamborihan (tr. 32, chú thích 3).

⁶⁹ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 228

⁷⁰ *Sử Ký Đại Nam Việt* tr. 29-30

⁷¹ ... Trong khi trận chiến khốc liệt này đang diễn tiến trong tháng hai và ba năm 1785, lực lượng Miến Điện tại phía nam bán đảo, chiếm đóng hầu hết các đô thị dọc theo cả hai bên bờ biển từ Chumphon trở xuống mà chỉ gặp phải những chống cự yếu ớt cho đến khi họ bị tuyến phòng thủ mãnh liệt ngăn lại ở Thalung (bờ biển phía tây) và đường tiến quân xuống Phatthalung (bờ biển phía đông). Cho đến lúc này, cánh quân phía tây do phó vương Xiêm La chỉ huy mới tiến vào. E sợ quân bị cắt ngang, quân Miến bắt đầu rút về bắc, sau một cuộc đụng độ ngắn ở Chaiya, họ phải bỏ chạy qua bờ biển phía tây rồi trở về. David K. Wyatt, *Thailand, A Short History*. New Haven and London: Yale University Press, 1984 tr. 149-51

⁷² David K. Wyatt, sđd. tr. 152

⁷³ Klaus Wenk, sđd. tr. 111

⁷⁴ Klaus Wenk, sđd. tr. 111

⁷⁵ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển II] tr. 225

⁷⁶ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 227 chép: “... Người nước Bút Tu Kê (Portugal) là Ấng Tôn Nui đưa quốc thư cùng vài tây, súng tay đến hành tại để dâng, nói rằng hoàng cả Cảnh cầu nước ấy giúp quân, hiện đã có 56 chiếc thuyền tại thành Cô A (Goa) để giúp. Lại đem lễ vật biếu vua Xiêm, và xin đón vua [Nguyễn Ánh] sang nước mình. Vua Xiêm thấy y giúp quân cho ta, rất không bằng lòng. Vua bảo kín Ấng Tôn Nui hãy về.”

⁷⁷ Klaus Wenk, sđd. tr. 112,

⁷⁸ nguyên văn prince heir apparent, tức là đệ nhị vương (Maha Uparat) và cũng là người sẽ thừa kế ngai vàng sau khi vua Chakri qua đời (tuy nhiên ông này chết trước vua anh).

⁷⁹ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 120-5

⁸⁰ Việc chúa Nguyễn và những bầy tôi của ông chạy thoát đến được đảo Kut (ta gọi là Cổ Cốt) sử nước ta chép rất giản lược: “... Thuyền vua đến đảo Cổ Cốt. Người Thanh là Hà Hỷ Văn (người đảng Bạch Liên Giáo ở Tứ Xuyên nước Thanh, tự xưng là Thiên địa hội, cướp bóc ở miền Mân Việt), đem binh thuyền về theo. Hỷ Văn dẫu ở đảo Côn Lôn, ý muốn theo về giúp.” *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 228

⁸¹ Theo Klaus Wenk thì 1 kwian là một xe trâu (oxcart), mỗi xe tính ra bằng 44 phượng gạo. Tài liệu của Thái thì viết 1 kwian là 100 tang hay 2000 lít. Tuy nhiên cũng có thể đây là phiên âm của quan (tiền).

⁸² *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 135-7

⁸³ ...Thuyền vua đến Hòn Tre đậu lại. Cai cơ Trung cướp thuyền buôn Xiêm và giết hết mọi người. Vua sai chém, đưa thủ cấp sang Xiêm. Vua Xiêm sai người đến tạ. *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 228

⁸⁴ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 227

⁸⁵ hiện nay triều đình Thái Lan còn giữ được một bản đồ vẽ rất chi tiết khu vực gọi là Muang Phrataphang mà họ tìm ra chính là vùng Trà Vinh (Việt) hay Preah Trapeang (Miên) ngày nay. Cửa biển Bassac ta gọi là cửa Tranh Đề (hay cửa Định An). Xem *Royal Siam Maps*, tr. 106-7

⁸⁶ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 229.

⁸⁷ ... Khi vua đến Cửa Đại trong Đồng Nai, thì tình cờ gặp chiếc tàu lớn vua Thái Đức ở Qui Nhơn dạy đem thơ cho em, là Trùng (Đông) Định Vương, ở trong Đồng Nai.

Chúa tàu ấy chẳng ngờ vua An Nam ở gần thế ấy, nên chẳng có ý tứ giữ tàu là bao nhiêu. Vua bắt đặng tàu, và giết hết quan quân ở trong ấy. Trong các đồ bắt đặng, thì có thơ ông Thái Đức gửi mà bảo em, là Trùng Định Vương, phải chém ông Bảo Tham cho chóng. Mà ông Thái Bảo Tham ấy là quan đại thần có danh tiếng trong cả và nước, vì rất khôn ngoan, cùng coi các cơ đội ông Trùng Định Vương, và giúp nhiều đều lắm. Song le bởi đã bị cáo đều nặng, cho nên ông Thái Đức hồ nghi cho ông ấy, mà có ý giết đi. Ông ấy có thân thể và quân lính phục ông ấy lắm, nên ông Thái Đức chẳng dám bắt tội tỏ tường, một có ý bảo em tính làm vậy cho kín mà thôi.

Vua Nguyễn Ánh thấy thơ ấy thì mừng lắm, cùng vội vàng gửi cho ông ấy, vì ngờ rằng: vì bằng ông ấy biết tỏ ông Định Vương có ý giết mình, thì sẽ bỏ Tây Sơn và sẽ dễ dàng ông ấy theo giúp mình. Song vua đã lầm, vì chúng quan Bảo Tham có ý làm nguy với ông Trùng Định Vương cho đặng làm vua trong Đồng Nai. Nhơn vì sự ấy chẳng những là chẳng chịu phục vua Nguyễn Ánh, lại đem quân đến đánh khi xuất kỳ bất ý; cho nên vua phải thua, mất hết mọi sự và phải trốn kiếm nơi ẩn mình.

Bởi vậy khi Đức Thủy Vêrô đem tàu Tây đến, thì chẳng gặp vua. Còn ông Bảo Tham khi đánh vua rồi, thì lại đem quân đánh ông Trùng Định Vương; ông ấy cũng phải thua, thì trốn về Qui Nhơn xin anh là ông Thái Đức cứu; song chẳng kịp, vì Trùng Định Vương đến Qui Nhơn, qua một tháng phải bệnh nặng mà chết ... Sử Ký Đại Nam Việt, tr. 51-2

⁸⁸ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển III] tr. 230.

⁸⁹ Theo sự suy đoán của chúng tôi, đây chính là nói đến cai cơ Trung, cậu của Châu Văn Tiếp. Ông này bị giết ngay khi chúa Nguyễn trở về, vừa để thị uy, vừa lập công với Xiêm La hầu chuộc lại những thái độ thù nghịch nảy sinh khi Nguyễn Ánh bỏ trốn.

⁹⁰ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 138-9. Theo suy đoán của người viết, việc chúa Nguyễn trả lại những phẩm phục này cốt để minh xác ông không còn là một quan chức của Xiêm mà là vua của một nước, dù vai trò vẫn bằng lòng như một hạ quốc của Xiêm La.

⁹¹ Theo Poole trong *The Vietnamese in Thailand* thì Rama I đáng giá rất cao khả năng quân sự của các tướng lãnh An Nam trong đoàn tòng vong (và những người theo chúa Nguyễn sang Bangkok) nên hết sức tìm cách chiêu dụ họ ở lại phục vụ cho triều đình Xiêm La. Có đến 2/3 số người Việt chọn ở lại định cư thay vì trở về chiến đấu. (tr. 24-5)

⁹² *The Vietnamese in Thailand*, tr. 24

⁹³ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 149

⁹⁴ Theo Klaus Wenk thì cây vàng bạc này cao khoảng 42 cm như vậy một niu chừng 2 phân. *The Restoration of Thailand under Rama I (1782-1809)*, 1968 tr. 114

⁹⁵ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 151-2

⁹⁶ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển IV] tr. 242-3

⁹⁷ ... Qua một ít ngày, vua thâu các binh sĩ mà đem sang bên Cao Mên cho được đánh ông Bảo Tham và ông Ốc Nhà Sốt. Khi dẫu, thì giáp trận riêng với quân Cao Mên mà được trận, lại quan Ốc Nhà Sốt bị tử trận. Đến sau lại giáp trận với ông Bảo Tham [Phạm Văn Sâm]; vừa giáp trận rồi thì quân Cao Mên liền trốn đi hết; nên ông Bảo Tham phải thua, mà xuống tàu trốn đi. Ông ấy có ý theo rạch mà ra biển; đoạn thì ẩn mình trong các cội xung quanh hay là ra ngoài Huế. Chẳng hay ông ấy ra rạch, chẳng khỏi bao lâu, phải tay quân vua bắt đặng. Ông ấy mang gông mà chịu hàng, lại đến xin phục tội với vua.

Vua biết tỏ tường ông ấy khôn ngoan, thì đã tha mọi tội cùng trả các chức lại cho. Nhưng mà qua ít lâu, ông ấy cứ tính nghịch, mà toan làm nguy lại, thì vua truyền chém đi. *Sử Ký Đại Nam Việt*, tr. 53

⁹⁸ Một giáo sĩ đã viết về ông như sau: “... Tài năng của Vương chẳng thua gì tâm địa. Vốn linh lợi, sắc sảo, chính trực, ngài chỉ liếc qua cũng nhận ra ngay những việc rất phức tạp; ngài rất sáng dạ nên nhớ dai mọi việc và đồng thời có thể mô phỏng mọi thứ một cách dễ dàng, tự nhiên. Những xưởng đóng tàu và quân cảng của Nguyễn Vương được mọi người cảm phục và nếu có chứng kiến thì người Âu tây sẽ phải tán tụng...” “Ngay từ lúc mặt trời ló dạng Nguyễn Vương đã rời cung điện để ra bến làm việc cho tới giờ ăn. Ngoài ra, ngài thường lưu tại đó suốt ngày để điều khiển bá quan đã được cất đặt mỗi người giữ một nhiệm sở và phận sự. Tại công xưởng, Nguyễn Vương cùng bá quan ngồi ăn đồng bàn. Không có gì làm xúc động hơn cảnh hàng ngàn người làm việc hết sức hăng hái dưới mắt nhà vua; ngài chú ý tới mọi việc, điều khiển tất cả và có khi cẩn thận chỉ bảo cho cả kích thước. Nguyễn Vương chỉ dùng toàn thợ gốc Đàng Trong mà đã có thể đóng tàu theo kiểu Âu tây. Khởi sự, ngài cho tháo rời từng mảnh một chiếc tàu cũ đã mua được. Ngài cho lắp lại theo đồ hình cũ nhưng khéo tới mức tàu đẹp hơn trước...” Nguyễn Ngọc Cư, “Những Ngày Tàn của Tây Sơn dưới mắt các Giáo Sĩ Tây Phương” Tập San Sử Địa 21 (1-3, 1971) Saigon tr. 159

⁹⁹ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỳ, quyển IV] tr. 245 và *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 164 “... in answer to an official request bearing the seal of a minister of state sent to him.”

¹⁰⁰ Theo Charles B. Maybon trong *Histoire Moderne Du Pays d'Annam, 1592-1820* tr. 287 thì Chaigneau mãi 1794 mới đến Đàng Trong.

¹⁰¹ P.J.B. Trương Vĩnh Ký, *Cours d'histoire Annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*, 1875 tr. 226

¹⁰² Bản dịch lá thư này được đăng trong văn khố của Bộ Ngoại Giao Pháp về Á Châu và trích lại trong Taboulet, *La Geste Française en Indochine*, Tome I, 1955 tr. 214-5

¹⁰³ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỳ, quyển IV] tr. 253

¹⁰⁴ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 168

¹⁰⁵ *Ong Chiang Su who had proclaimed himself king of Annam (Chao Anam Kok), sent Ong Bo Ho, Ong Bet Luang, and Ong Doi Wian to bring in for presentation to the king the Gold and Silver Trees as well as a pair of glass chandeliers, a pair of candle holders, a pair of mirrors, and replica of a ship that Ong Chiang Su was going to have built for the king. The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 169

¹⁰⁶ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 169

¹⁰⁷ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỳ, quyển IV] tr. 247 có chép: “Sau nghe tin giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ ở Thuận Hoá đóng nhiều chiến hạm, mưu đánh phương Nam, lại không cử binh nữa”. Thực ra việc này không phải để chuẩn bị đánh Nguyễn Ánh mà là để đề phòng việc quân Thanh sang đánh một lần nữa sau chiến bại đầu năm Kỷ Dậu (1789).

¹⁰⁸ Lào để chỉ chung mọi sắc dân sống trong lãnh thổ phía Tây VN

¹⁰⁹ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 169-70

¹¹⁰ *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*, quyển XXX, tr. 39b, 40a

¹¹¹ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 171

¹¹² ... the two countries might be united as one and the same sheet of gold and that commoners and the merchants could live in tranquility and happiness. Sđd. tr. 172

¹¹³ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 171

¹¹⁴ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỳ, quyển IV] tr. 257

¹¹⁵ Theo sử Việt Nam thì chúa Nguyễn chia quân làm 5 doanh – Trung, Tả, Hữu, Tiền, Hậu – mỗi doanh 5 chi, mỗi chi 5 hiệu, mỗi hiệu 3 đội, mỗi đội 4 thập, tính ra mỗi doanh là 3,000 người, 5 doanh là 15,000, không kể thủy quân và các cánh quân khác. ĐNTL, đệ nhất kỳ, quyển IV tr. 259. Một danh sách tương đối kỹ lưỡng và rành mạch đã được Barissy ghi nhận (năm 1800) là 113,000 bộ binh và 26,800 hải quân, tổng cộng 139,800 người (John Barrow, tr. 283)

¹¹⁶ John Barrow. *A Voyage To Cochinchina*. Kuala Lumpur: Oxford University Press, 1975 (in theo lối chụp ảnh nguyên bản năm 1806) tr. 273-4

¹¹⁷ John Barrow, sdd. tr. 275

¹¹⁸ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 184

¹¹⁹ Xem “Từ chiến dịch Ai Lao đến trận thủy chiến Thị Nại” của Nguyễn Duy Chính

¹²⁰ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 184-5

¹²¹ khi đem quân đánh Ai Lao, Nguyễn Huệ đã đối phương sử dụng rộng rãi các loại súng tay và thần công

¹²² Thế nhưng sự thực cũng chỉ là đứng núi này trông núi nọ. Nhu cầu chiến tranh khiến cho cả hai bên, Tây Sơn cũng như chúa Nguyễn đều hết sức tập trung tài nguyên, nhân lực để mong đê bẹp đối phương. Chính dân trong Nam thì lại cũng mong quân Đàng Ngoài vào cứu họ. Trong một lá thư của chính giám mục xứ Adran là Bá Đa Lộc viết năm 1771, ông miêu tả đời sống dân chúng sống dưới sự cai trị của Nguyễn Ánh là không thể chịu đựng nổi và vì sưu cao thuế nặng nên lại cũng cầu mong quân Tây Sơn vào. Hai năm sau tình hình cũng không khác hơn nên một giáo sĩ khác đã viết là “*ai ai cũng phải đi làm việc chung và chỉ mong sao có thể sống vì cơ cực đến thế là quá mức rồi*”. George Dutton. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam* (Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006) tr. 166-7

¹²³ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển VI] tr. 298. Việc này không thấy sử Xiêm La chép, có lẽ đây là quân Miên do Phraya Chakkri (Kaep) được lệnh tập trung ở Phnompenh chứ không phải quân Xiêm. Nước Miên lúc này do Xiêm La bảo hộ, cũng như dân Lào, bất cứ cuộc chiến nào họ cũng bị người Xiêm điều động tham gia chiến đấu.

¹²⁴ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển X] tr. 388

¹²⁵ Xem thêm “Phái bộ Macartney ghé Đàng Trong” của Nguyễn Duy Chính.

¹²⁶ Tức Đồng Nai

¹²⁷ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 203-5

¹²⁸ Một chi tiết khác cũng rất đáng quan tâm là trong chiến dịch sau cùng của vua Gia Long đánh ra Bắc Hà để truy quét anh em Nguyễn Quang Toản thì đồng thời Miến Điện cũng có một chiến dịch quyết liệt đánh vào vùng Bắc Thái và Thượng Lào để cầm chân Xiêm La. Trước đó, triều đình Tây Sơn đã nhiều lần cho người sang liên lạc với Miến Điện và một số sứ bộ và người đem thư bị các tiểu vương (Chậu) chặn bắt giao nộp lại cho Bangkok. Thái độ hững hờ để thoái thác đề nghị của Cảnh Thịnh rồi sau đó lập tức thông báo cho Nguyễn Ánh của Xiêm La cho thấy cuộc tranh hùng giữa Nguyễn Vương và Cảnh Thịnh không chỉ đơn thuần là một cuộc nội chiến giới hạn của Việt Nam mà là hai liên minh trong vùng.

¹²⁹ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 205

¹³⁰ *ĐNTL, tập Một* [Đệ Nhất Kỷ, quyển VII] tr. 316

¹³¹ Cuối năm 1792, khi cái chết của vua Quang Trung vẫn còn trong vòng bí mật, người Lào vẫn hi vọng được người Việt tiếp tay để giải thoát cho họ khỏi ách thống trị của Xiêm La. Một đô đốc của nhà Tây Sơn mang tước Định Nhất Hầu, khi đó trấn thủ Nghệ An đã viết một lá thư đề ngày mồng 3 tháng 10 năm Nhâm Tý, tức Quang Trung thứ 5 (nhằm ngày 16 tháng 11 năm 1792) cho các tiểu vương Lào bằng chữ nôm trong đó có một đoạn như sau:

... Kì trước, các Chậu cho Chánh sứ, Phó sứ đưa thư nói bị Xiêm đem quân sang chiếm thành Viêng Chăn. Lại cho rằng quan tỉnh Nghệ An không cho họ đi kinh đô Phú Xuân để xin triều đình cất quân sang giúp. Thật ra trước tôi cho 7 người lên Lạc Hoàn và Trình Cao để xét, nhưng vì các Chậu dẫn đường (cho họ đi) không tốt nên chẳng dò được tình hình giặc Xiêm. Một lần xuất quân là một lần mừng nước tổn phí (phải thận trọng) nay tôi cho 4 tên quân lên. Các Chậu hãy đưa hai tên đến thành Viêng Chăn dò xem tình hình nước Xiêm có không, rồi lại dẫn hai tên nữa đi do thám tình hình cho rõ. Để bốn tên ấy về trình, tôi sẽ suy lý rồi cho thư lên trước để các Chậu sửa lương lương cho đại binh ăn đầy đủ...

Cũng thời gian đó, Chau Chiem (Anou) là em vua Vientian cũng gửi Định Nhất Hầu một lá thư dài trong đó viết về việc họ nhận được quà và thư của nhà Tây Sơn gửi bốn anh em nên:

... Song tôi lo việc mừng nước mà về châu thì sợ Xiêm biết, nó chém cả cha mẹ anh em, dân chúng đi mất. Để giữ lòng tin tôi truyền cho những người đi sứ lần này thay tôi ăn thề. Nếu nước Nam còn thương lấy chúng tôi, nước anh nước em ngày trước, thì xin làm sao cho anh em dân sự tôi ở bên Xiêm được trở về với mừng nước.

Xin đại quân (của nước Nam) đi đánh lấy nước Xiêm. Đại quân đi đường Châu Ba Vạn thì có tôi ở Phọc Bản rước. Đi đường Lạc Hoàn qua Ba Na Vạn thì có Châu Lạc Hoàn và Xăm pha mật rước. Còn đường Trấn Ninh thì hãy khoan đánh xuống vì quân Xiêm còn đóng ở thành Chăn (Viêng Chăn), nó sẽ sai vua Thành Chăn đi đánh, sợ lỗi với triều đình (nước Nam).

Đại quân lên thì xin lên cho chóng, độ tháng Chạp ... đại quân lên tháng nào, ngày nào thì xin đưa trát lên tôi xin sửa sửa rước.

Lào với Xiêm hay lẫn khi ra trận, đại quân lên thì phải ban dấu tích thế nào cho khác quân Xiêm để chúng tôi phân biệt.

Nguyễn Thế Long, *Chuyện Đi Sứ – Tiếp Sứ Thời Xưa* (Hà Nội: Văn Hoá Thông Tin, 2001) tr. 318-20

Theo nhiều sử gia thì lá thư này do người em út của vua Nanthasen tên là Anou (A Nỗ theo sử Việt), còn gọi là Chau Chiem (Châu Chiêm). Ông này sau lên làm vua có âm mưu chống lại người Xiêm nhưng không thành công phải chạy sang nước ta nương náu, bị vua Minh Mạng giao trả cho Xiêm La và toàn gia bị cực hình rất tàn khốc.

¹³² Đối chiếu sử nước ta và sử Xiêm có nhiều biến cố thời gian sai biệt hàng năm. “*Năm Bính Thìn (1796), chúa Nguyễn sai Cai cơ Nguyễn Tiến Lượng và Nguyễn Văn Thụy sung Chánh phó sứ sang Xiêm, tặng Phật vương một toà bảo tháp bằng đá trắng, một xâu đèn thủy tinh, 10 lạng kỳ nam, sáp ong, đường phèn, đường hoa, đường cát mỗi thứ đều 500 cân*”. ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển VIII] tr. 332

¹³³ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển IX] tr. 357-8

¹³⁴ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển X] tr. 365

¹³⁵ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 221-2

¹³⁶ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 222-3

¹³⁷ ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển XI] tr. 393

¹³⁸ *The Dynastic Chronicles, Bangkok Era, The First Reign* (Tập I), 1978 tr. 239. ĐNTL (436) chép: “*Sai Lutu thủ Vĩnh Trấn là Nguyễn Văn Thiện và Tham tri Công bộ là Nguyễn Khắc Thiệu sang Xiêm báo tin thắng trận. (Tặng Phật vương 2 cây hoa vàng hoa bạc, 10 lạng kỳ nam, sáp ong, đường cát mỗi thứ 500 cân, tặng vua thứ hai 2 cây hoa vàng hoa bạc, sáp ong, đường cát, mỗi thứ 500 cân).*”

¹³⁹ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 247-8

¹⁴⁰ *Vua cho rằng giặc Tây Sơn đã diệt, sai gửi thư sang Tổng đốc Lương Quảng nước Thanh hỏi về việc bang giao nên làm thế nào; sai Thiêm sự Lại bộ là Lê Chính Lộ, Thiêm sự Binh bộ là Trần Minh Nghĩa đợi mệnh ở Nam Quan. Lại cho rằng nước nhà mới dựng, muốn tiếp sứ nhà Thanh ở cửa ải, để làm lễ tuyên phong cho đỡ phiền phí, đem việc ấy hỏi Ngô Nhậm và Phan Huy Ích, họ đều nói việc như thế từ trước chửa nghe bao giờ. Bèn thôi.* ĐNTL, tập Một [Đệ Nhất Kỷ, quyển XVIII] tr. 510

¹⁴¹ Klaus Wenk viết là mật ong (tr. 118)

¹⁴² *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 255-6

¹⁴³ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 246

¹⁴⁴ Theo Klaus Wenk thì vua Gia Long đã cảm ơn vua Xiêm về chiều cao của chiếc vương miện này (có lẽ đây là một đặc điểm để nói lên vị thế của vua nước ta) nhưng Xiêm La thực lục [Đệ Nhất Kỷ] chép rõ là “*ông thấy chiếc vương miện này rất cao quý nhưng vì không quen đội loại mũ này nên kính cẩn hoàn trả lại vua Xiêm*” (...that the headgear was an article of high status, and that the emperor had never worn such a thing so was respectfully returning it to the king.) Chúng tôi suy đoán rằng đây là một loại mũ dành cho những tông thất hay nhân vật hoàng gia nhưng ở dưới vua Xiêm. *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 259

¹⁴⁵ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 272-3

¹⁴⁶ sử Xiêm chép là Wian Thung Okthong hay Ko Ngoen

¹⁴⁷ *The Dynastic Chronicles, The First Reign* [Vol. I] tr. 295

¹⁴⁸ Nếu gọi cho đúng thì phải là Nguyễn Phúc Xuân vì lúc đó chưa qui định họ Tôn Thất. Ông này cũng thuộc dòng chính thống, là chú của chúa Nguyễn. Trong sử Xiêm La viết là Ong Chiang Sun.

¹⁴⁹ Theo sử Xiêm thì người mưu nổi loạn là hoàng tử Kasatra, con vua Taksin. Rong Syammananda, *A History of Thailand*, Bangkok: Thai Watana Panich, 1993 tr. 100

¹⁵⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam Liệt Truyện*, tập 2 (Huế: Thuận Hoá. 1997) tr. 598-9

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-0-

1. BARROW, JOHN. *A Voyage To Cochinchina*. Kuala Lumpur: Oxford University Press, 1975 (in theo lối chụp ảnh nguyên bản năm 1806).
2. CHAKRABONGSE, CHULA. *Lords Of Life: A History Of The Kings Of Thailand* (2nd Ed). London: Alvin Redman, 1967
3. DURAND, MAURICE. *Histoire des Tây Sơn*. Paris: Les Indes Savantes, 2006
4. DUTTON, GEORGE. *The Tây Sơn Uprising – Society and Rebellion in Eighteenth-Century Vietnam*. Honolulu: University of Hawai'i Press, 2006.
5. FLOOD, CHADIN (dịch và hiệu đính). *The Dynastic Chronicles, Bangkok Era, The First Reign*, [Xiêm La Thực Lục, Đệ Nhất Kỳ], Chaophraya Thiphakorawong Edition,

Vol. Two: Annotations and Commentary. Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1990.

6. FLOOD, THADEUS và CHADIN FLOOD (dịch và hiệu đính). *The Dynastic Chronicles, Bangkok Era, The First Reign*, [Xiêm La Thực Lục, Đệ Nhất Kỷ], Chaophraya Thiphakorawong Edition, Vol. One: Text. Tokyo: The Centre for East Asian Cultural Studies, 1978.
7. HEINE-GELDERN, ROBERT. *Conceptions of State and Kingship in Southeast Asia*. Ithaca, New York: Cornell University, 1956.
8. KHUYẾT DANH. *Sử Ký Đại Nam Việt* (Annales Annamites). Saigon: Nhà Dòng Tân Định (Imprimerie de la mission à Tân định), 1909. (Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam in lại Sài gòn, 1974, tái bản Montreal, 1986)
9. LÊ, CÔNG LÝ, “Đất Ba Giồng Xưa”, Huế: *Tạp Chí Nghiên Cứu Phát Triển* số 4 (63), 2007
10. MAY KYI WIN và HAROLD E. SMITH. *Historical Dictionary of Thailand*. Lanham, Md., & London: The Scarecrow Press, Inc., 1995.
11. MAYBON, CHARLES B. *Histoire Moderne du Pays d'Annam (1592-1820)*. Paris: Librairie Plon, 1920
12. NGUYỄN, THẾ LONG. *Chuyện Đi Sứ – Tiếp Sứ Thời Xưa*. Hà Nội: Văn Hoá Thông Tin, 2001.
13. NGUYỄN, VĂN HUY. *Người Hoa Tại Việt Nam*. Costa Mesa: NBC, 1993
14. NGUYỄN, VĂN TÂN. *Từ Điển Địa Danh Lịch Sử – Văn Hoá Việt Nam*. Hà Nội: nxb Văn Hoá – Thông Tin, 1998.
15. PHAN, KHOANG. *Việt Sử Xứ Đàng Trong*. Hà Nội: Văn Học, 2001
16. PHASUK, SANTANEE VÀ PHILIP STOTT. *Royal Siamese Maps: War and Trade in Nineteenth Century Thailand*. Bangkok: River Books, 2004.
17. POOLE, PETER A. *The Vietnamese in Thailand: A Historical Perspective*. Ithaca and London: Cornell University Press, 1970
18. QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN. *Đại Nam Liệt Truyện (Ngô Hữu Tạo, Đỗ Mộng Khương dịch)*. Huế: nxb Thuận Hoá, 1997.
19. ----- . *Đại Nam Thực Lục, Tập Một* (bản dịch Viện Sử Học). Hà Nội: nxb Giáo Dục, 2001.

20. SƠN NAM. *Lịch Sử Khẩn Hoang Miền Nam*. Calif: Xuân Thu, không đề năm.
21. SUÁREZ, THOMAS. *Early Mapping of Southeast Asia*. Hongkong: Periplus, 1999
22. SYAMMANANDA, RONG. *A History of Thailand*. Bangkok: Thai Watana Panich, 1993
23. TABOULET, GEORGES. *La Geste Française en Indochine* (Tome I & II) Paris: Librairie d'Amérique et d'Orient ADRIEN-MAISONNEUVE, 1955
24. TẬP SAN SỬ ĐỊA 9-10 (1968); 21 (1-3 1971) Saigon: Khai Trí bảo trợ
25. TCHANG, LE P. MATHIAS. *Synchronismes Chinois*. Chang-hai: Imprimerie de la Mission Catholique, 1905. (reprinted by Ch'eng-wen Publishing Co., Taipei, 1967)
26. THE TREASURE DEPARTMENT, MINISTRY OF FINANCE (THAILAND). *Coinage of the Rattanakosin Era AD 1782-1982*. Bangkok: Rung Silp Ltd., 1982.
27. TỐNG, PHÚC NGOẠN và DƯƠNG VĂN CHÂU (宋福玩, 陽文珠). *Xiêm La Quốc Lộ Trình Tập Lục* (暹羅國路程集錄) Historical Material Series No. 2. Hongkong: The Chinese University of Hong Kong, Southeast Asia Studies Section, New Asia Research Institute, 1966
28. TRAN, TUYET NHUNG và ANTHONY REID (chủ biên). *Việt Nam – Borderless Histories*. Wisconsin: The University of Wisconsin Press, 2006.
29. TRƯỜNG, VĨNH KÝ P.J.B. *Cours d'Histoire Annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*. 1er Volume, [Comprenant les première, deuxième et troisième époques historiques jusqu'à la seconde dynastie de Lê, de 2874 avant Jésus-Christ jusqu'en 1428 de l'ère chrétienne.] Saigon: Imprimerie du gouvernement, 1875, 278 tr.
30. ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM. *Lịch Sử Việt Nam* (tập I). Hà Nội: nxb KHXH, 1976
31. VIỆN SỬ HỌC. *Nghiên Cứu Lịch Sử* (tạp chí) số 1 (220), 1985. Hà Nội: Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, 1985.
32. WALES, H. G. QUARITCH. *Siamese State Ceremonies: Their History and Function*. London: Bernard Quaritch, Ltd., 1931.
33. WENK, KLAUS. *The Restoration of Thailand Under Rama I, 1782-1809*. The University of Arizona Press, 1968.
34. WINICHAKUL, THONGCHAI. *Siam Mapped: A History of the Geo-Body of a Nation*. Hawaii: University of Hawai'i Press, 1994.
35. WOOD, WILLIAM A. R. *History of Siam*. Bangkok, 1924.

36. WYATT, DAVID K. *Studies in Thai History*. Chiang Mai: Silkworm Books, 1996.
37. ----- . *Thailand, A Short History*. New Haven and London: Yale University Press, 1984.